

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP  
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT  
HUYỆN ĐỊNH HÓA THỜI KỲ 2021-2030**

(Chỉnh sửa, bổ sung theo Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030)

**Định Hóa, năm 2024**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP  
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN ĐỊNH HÓA  
THỜI KỲ 2021-2030

*(Chỉnh sửa, bổ sung theo Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030)*

Ngày tháng năm 2024

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI  
TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Ngày tháng năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA

Định Hóa, năm 2024

## MỤC LỤC

<b>ĐẶT VẤN ĐỀ.....</b>	<b>1</b>
<b>PHẦN I: SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>3</b>
<b>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>3</b>
1.1. Căn cứ pháp lý để điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất .....	3
1.2. Mục đích của việc lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Định Hóa.....	7
1.3. Yêu cầu của việc lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất .....	7
1.4. Bố cục của báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030, bao gồm: .....	8
<b>II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT. ....</b>	<b>8</b>
2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường.....	8
<b>III. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI.....</b>	<b>16</b>
3.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	16
3.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực.....	17
3.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.....	20
3.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn. ....	20
3.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.....	21
3.6. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường. 26	
3.7. Phân tích đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.....	28
<b>IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH.....</b>	<b>31</b>
4.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai. ....	31
4.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.....	45
4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai. ....	49
4.4. Phân tích, đánh giá bổ sung hiện trạng và biến động sử dụng đất.....	50
<b>V. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC.....</b>	<b>63</b>
5.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước. ....	64

5.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.....	69
5.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ tới.....	74
<b>PHẦN II: PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030</b>	<b>75</b>
<b>I. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT</b> .....	<b>75</b>
1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.....	75
1.2. Quan điểm sử dụng đất. ....	78
1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng. ....	80
<b>II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT</b> .....	<b>84</b>
2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội .....	84
2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng .....	94
2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.....	115
2.4. Diện tích đất chuyên mục đích sử dụng phải xin phép trong kỳ quy hoạch .....	120
2.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ điều chỉnh quy hoạch. ....	120
<b>III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG</b> .....	<b>121</b>
3.1. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. ....	121
3.2. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực. ....	121
3.3. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất. ....	122
3.4. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng.....	122
3.5. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc.....	123
3.6. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.....	124
<b>PHẦN III: GIẢI PHÁP THỰC HIỆN</b> .....	<b>126</b>

I. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	126
*. Biện pháp chống xói mòn, rửa trôi, hủy hoại đất.....	126
*. Biện pháp sử dụng đất tiết kiệm và tăng giá trị của đất.....	126
II. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....	127
1. Giải pháp về chính sách .....	127
2. Nhóm giải pháp về sử dụng đất .....	128
3. Nhóm giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật.....	129
<b>4. Nhóm giải pháp về quản lý, giám sát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b> .....	<b>129</b>
5. Nhóm giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực .....	130
6. Nhóm giải pháp về ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên nước, môi trường, cải tạo và bảo vệ đất.....	131
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>132</b>
I. KẾT LUẬN.....	132
II. KIẾN NGHỊ.....	133
<b>PHẦN BẢNG BIỂU .....</b>	<b>134</b>

## ĐẤT VẤN ĐỀ

Đất đai là tài nguyên quý giá của Quốc gia, là tư liệu sản xuất đặc biệt, thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, địa bàn xây dựng các công trình kinh tế - văn hóa - xã hội, tổ chức các hoạt động phát triển kinh tế, dân sinh và an ninh, quốc phòng. Tại Điều 54 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của Quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”. Chính vì vậy quản lý, sử dụng đất đai có hiệu quả, tiết kiệm là nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước, là yếu tố quyết định sự phát triển một cách bền vững của nền kinh tế, đảm bảo mục tiêu ổn định chính trị - xã hội.

Luật Đất đai năm 2013 (chương 4, điều 35 - 51) khẳng định rõ nội dung lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo ngành, theo cấp lãnh thổ hành chính và được cụ thể hóa tại Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Theo Luật Quy hoạch (Luật số 21/2017/QH14), quy hoạch sử dụng đất cấp huyện là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc Giải thích một số điều của Luật Quy hoạch tại Điều 1 có nêu “Khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 20 được hiểu như sau: Các quy hoạch theo quy định tại Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh đã được sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến quy hoạch có thể lập đồng thời. Quy hoạch nào được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước. Sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn”.

Thực hiện Luật Đất đai; Luật Quy hoạch; Luật số 35/2018/QH14 về sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và chỉ đạo của UBND tỉnh Thái Nguyên tại văn bản số 3512/UBND-CNN về việc lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện và kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thời kỳ 2021-2025. UBND huyện Định Hóa đã triển khai lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 và được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Thái Nguyên tại văn bản số 2526/UBND-TH ngày 09/06/2022, UBND huyện Định Hóa đã tổ chức triển khai thực hiện công tác điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030 theo đúng quy định của pháp luật và chỉ đạo của UBND tỉnh và đảm bảo phù hợp với quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050.

Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023.

Trên cơ sở đó ngày 23/3/2023 UBND tỉnh Thái Nguyên đã có Quyết định số 578/QĐ-UBND phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Trong đó, một số chỉ tiêu thấp hơn so với nhu cầu thực tế của huyện; một số chỉ tiêu cao hơn, thấp hơn so với chỉ tiêu đã phê duyệt...Do đó cần phải thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hoá thời kỳ 2021-2030 cho phù hợp với Quy hoạch, phân khai chỉ tiêu của tỉnh và để đón nhận dự án trọng điểm quốc gia, quốc phòng an ninh; thu hút đầu tư, các khu dân cư, đáp ứng nhu cầu phát triển hạ tầng xây dựng huyện nông thôn mới vào năm 2023.

Với những ý nghĩa đó, “Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030” là cần thiết mang tính thiết thực để định hướng và là cơ sở pháp lý cho việc giao đất, cho thuê đất và thu hồi đất, qua đó phân bổ quỹ đất đai hợp lý cho các mục đích, đảm bảo sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm có hiệu quả, đồng thời tạo điều kiện cho phát triển các dự án đầu tư, phân vùng quy hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp hợp lý và có hiệu quả kinh tế.

## **PHẦN I: SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

### **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

#### **1.1. Căn cứ pháp lý để điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất**

- Luật Đất đai - Luật số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013.
- Luật Xây dựng - Luật số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014.
- Luật Đầu tư công - Luật số 39/2019/QH13 ngày 13 tháng 6 năm 2019.
- Luật Lâm Nghiệp - Luật số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017.
- Luật Quy hoạch - Luật số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017.
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch - Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018.
- Luật Thủy lợi năm 2017, Luật Đê điều năm 2006, Luật Trồng trọt năm 2018.
- Nghị quyết số 39/2021/NQ-QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;
- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030;
- Nghị quyết số 67/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ Lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ “Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;
- Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030;
- Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1134/QĐ-TTg ngày 21/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án bảo vệ và phát triển rừng khu ATK Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2008 - 2020;
- Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 6/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế - xã hội vùng trung tâm ATK Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2013 - 2020;
- Quyết định số 260/QĐ-TTg ngày 27/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 17/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên-Tuyên Quang-Bắc Kạn đến năm 2020;
- Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 24/10/2016 Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK) Định Hóa gắn với phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030.
- Quyết định số 1008/QĐ- TTg Ngày 24/6/2021 Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích Quốc gia đặc biệt an toàn khu (ATK) Định Hóa gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;
- Thông tư số 01/2021/TT-BNTMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế-kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lí, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Quyết định số 5203/QĐ-BNN-TCTL ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cầu-sông Thương giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Công văn số 4744/BTNMT-TCQLDD ngày 03/9/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện.

- Nghị quyết số 10/NQ-TU ngày 21/10/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2019-2025 và định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Đề án phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 08/8/2007 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Thái Nguyên năm 2006;

- Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 14/11/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Thái Nguyên năm 2013 và đến năm 2020;

- Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Bộ tiêu chí và hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới kiểu mẫu, xóm nông thôn mới kiểu mẫu và hộ gia đình nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017 - 2020;

- Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Điều chỉnh Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu, giai đoạn 2017 - 2020 ban hành theo Quyết định 1164/QĐ- UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên;

- Quyết định số 4110/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa đến năm 2030;

- Quyết định 3485/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên v/v ban hành đề án “mỗi xã một sản phẩm”, tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2019- 2025;

- Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Đề án phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030;
- Công văn số 2526/UBND-TH ngày 09/06/2022 về việc lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) tỉnh Thái Nguyên, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030;
- Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 6/4/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045.
- Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên Phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
- Căn cứ Quyết định số 3484/QĐ-UBND ngày 03/08/2022 của UBND huyện Định Hóa về việc Phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030.
- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Định Hóa lần thứ XXIV (nhiệm kỳ 2020-2025);
- Niên giám thống kê huyện Định Hóa giai đoạn 2015-2021;
- Báo cáo kinh tế - xã hội năm 2015 - 2022 của huyện Định Hóa.
- Số liệu thống kê, kiểm kê đất đai năm 2019, 2020, 2021, 2022 của huyện.
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của huyện Định Hóa và của cấp xã huyện Định Hóa.
- Các văn bản đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn...
- Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới các xã huyện Định Hóa.
- Các chương trình, đề án phát triển các ngành giai đoạn 2021-2025 huyện Định Hóa;
- Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện giai đoạn 2015- 2021.
- Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030

## **1.2. Mục đích của việc lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Định Hóa**

- Đảm bảo thực hiện chỉ tiêu được UBND tỉnh phân bổ, phù hợp với quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đánh giá đúng thực trạng và tiềm năng đất đai để có kế hoạch, phương án đầu tư sử dụng hợp lý các loại đất theo các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội.

- Phân bổ lại quỹ đất cho các mục đích sử dụng, phù hợp với định hướng phát triển không gian về lâu dài, đồng thời đáp ứng nhu cầu, phù hợp các chỉ tiêu sử dụng đất của các ngành, các xã, thị trấn trên địa bàn huyện cụ thể đến năm 2030 và trong tương lai xa.

- Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030 khi được UBND tỉnh xét duyệt sẽ là cơ sở pháp lý để quản lý đất đai và là căn cứ để bố trí sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất... Do đó các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân sử dụng đất phải tuân thủ đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt.

- Cân đối hợp lý quỹ đất đáp ứng nhu cầu của các dự án, đề án phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng theo yêu cầu mới nhằm sử dụng đất có hiệu quả, bền vững và tiết kiệm. Bố trí quỹ đất hợp lý kết hợp với việc xây dựng cơ chế chính sách về đổi đất lấy hạ tầng, đấu giá quyền sử dụng đất nhằm huy động nguồn lực từ đất cho phát triển và tăng nguồn thu cho ngân sách.

- Mục tiêu cơ bản của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa là đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho các hoạt động kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn một cách hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả, đồng thời tăng cường bảo vệ, cải thiện môi trường sinh thái.

## **1.3. Yêu cầu của việc lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất**

- Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên; các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường; thực trạng phát triển kinh tế - xã hội; tình hình biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất trên địa bàn huyện.

- Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố đến năm 2030 và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định nhu cầu sử dụng cho các ngành, lĩnh vực đến năm 2030 và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn.

- Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực đến năm 2030.

- Xác định quy mô diện tích, vị trí dự án có sử dụng đất trong kỳ quy hoạch.

- Xác định đầy đủ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn huyện; đồng thời các dự án phải đảm bảo tính khả thi.

- Xác định cụ thể, đảm bảo tính khả thi các vùng phụ cận các dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng chỉnh trang các khu dân cư để đấu giá quyền sử dụng đất nhằm tăng nguồn thu ngân sách từ đất.

- Các giải pháp thực hiện phải đảm bảo phù hợp với năng lực tổ chức thực hiện của huyện, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các thành phần kinh tế trên địa bàn huyện.

#### **1.4. Bố cục của báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030, bao gồm:**

Ngoài phần Đặt vấn đề, Kết luận và Kiến nghị, báo cáo bao gồm các phần sau:

- Phần I: Sự cần thiết điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.
- Phần II: Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.
- Phần III: Giải pháp thực hiện

## **II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT.**

### **2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường.**

#### **2.1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên**

##### *2.1.1.1. Vị trí địa lý*

Định Hóa là huyện miền núi, nằm phía Tây Bắc của tỉnh Thái Nguyên, có tọa độ địa lý:

Vĩ độ Bắc từ 24<sup>0</sup>05' đến 24<sup>0</sup>40'.

Kinh độ Đông từ 185<sup>0</sup>05' đến 185<sup>0</sup>80'.

Huyện Định Hóa cách thành phố Thái Nguyên 50 km theo quốc lộ 3 và quốc lộ 3C có vị trí địa lý như sau:

- Phía Bắc: Giáp huyện Chợ Đồn (tỉnh Bắc Kạn).
- Phía Nam: Giáp huyện Đại Từ và huyện Phú Lương (tỉnh Thái Nguyên).
- Phía Đông: Giáp huyện Chợ Mới (tỉnh Bắc Kạn).
- Phía Tây: Giáp huyện Sơn Dương (tỉnh Tuyên Quang).

##### *2.1.1.2. Địa hình, địa mạo*

Địa hình đa dạng và phức tạp chủ yếu là vùng núi cao, có độ dốc lớn, địa hình hiểm trở, độ chia cắt mạnh. Những vùng đất tương đối bằng phẳng thuận

lợi cho sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ lệ nhỏ, phân tán dọc theo các khe, ven sông, suối hoặc các thung lũng đá vôi.

Với đặc điểm địa hình thấp dần về phía Nam và quá trình sản xuất, huyện Định Hoá chia thành 3 tiểu vùng:

- Tiểu vùng 1 (*vùng phía Bắc gồm 7 xã*): Linh Thông, Quy Kỳ, Lam Vỹ, Tân Thịnh, Bảo Linh, Kim Phượng và Tân Dương, vùng này đặc trưng là núi cao, đất lâm nghiệp chiếm ưu thế do đó diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở đây phân bố khá phân tán.

- Tiểu vùng 2 (*vùng trung tâm gồm 7 xã*): Phúc Chu, Thị trấn Chợ Chu, Định Biên, Đồng Thịnh, Bảo Cường, Phượng Tiến, Trung Hội, với địa hình khá bằng phẳng, đất đai màu mỡ, đây là vùng sản xuất lúa trọng điểm của huyện. Vùng này có xen lẫn núi đá vôi.

- Tiểu vùng 3 (*vùng phía Nam gồm 9 xã*): Thanh Định, Bình Yên, Trung Lương, Diềm Mặc, Phú Tiến, Phú Đình, Sơn Phú, Bộc Nhiêu, Bình Thành, vùng này chủ yếu là đất đồi gò xen kẽ, là vùng trọng điểm phát triển cây công nghiệp của huyện.

#### 2.1.1.3 Đặc điểm khí hậu

Định Hoá nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Khí hậu mang đặc điểm chung của khí hậu miền núi Bắc Bộ, có hai mùa: Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau; mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10.

- *Về chế độ nhiệt*: Nhiệt độ trung bình năm khoảng 22,5°C, tổng tích ôn 8.000°C. Nhiệt độ tối cao tuyệt đối là 39,5°C (tháng 6), nhiệt độ tối thấp là 3°C (tháng 1), biên độ ngày đêm khá lớn (> 7°C). Tháng 7 là tháng nóng nhất với nhiệt độ trung bình tháng là 28,7°C, tháng 1 là tháng lạnh nhất với nhiệt độ trung bình là 14,9°C. Số giờ nắng trong năm là 1.628 giờ, năng lượng bức xạ đạt 115 Kcal/cm<sup>2</sup>.

- *Chế độ mưa, ẩm*: Mưa phân bố không đều, mưa tập trung từ tháng 6 đến tháng 9 (chiếm 90% lượng mưa cả năm). Lượng mưa trung bình đạt 1.710 mm/năm, tháng 7 lượng mưa lớn nhất đạt 4.200 mm.

Lượng bốc hơi trung bình trong năm đạt 985,5 mm, tháng 5 có lượng bốc hơi lớn nhất (100 mm), có 3 tháng trong mùa khô, chỉ số ẩm ướt  $k < 0,5$ . Đây là thời kỳ khô gay gắt, nếu không có biện pháp tưới, giữ ẩm... thì ảnh hưởng rất lớn đến năng suất cây trồng.

Với đặc điểm thời tiết của huyện như trên, trong quy hoạch sử dụng đất của huyện, cần lợi dụng chế độ nhiệt cao, độ ẩm khá để bố trí nhiều vụ và hệ thống

cây trồng trong năm - nhằm hạn chế rửa trôi, xói mòn trong mùa mưa. Chú ý các hạng mục công trình kiên cố cần tránh các khu vực thường xảy ra ngập lụt, sạt lở.

- *Chế độ gió*: Nằm trong vùng chế độ gió mùa, có hai hướng gió chủ đạo thay đổi theo mùa. Mùa hè chủ yếu có gió thành phần Đông, mùa đông chủ yếu có gió thành phần Bắc. Tốc độ gió trung bình từ 1,5 – 2 m/s. Trong các tháng mưa, thường có gió mạnh, gió giật làm ảnh hưởng tới cây trồng.

#### *2.1.1.4. Thủy văn*

Huyện Định Hoá có hệ thống sông suối phân bố khá đều trên lãnh thổ với nguồn nước tương đối phong phú. Huyện Định Hoá là nơi bắt nguồn của những nhánh suối và hình thành ba hệ thống sông chính, đó là hệ thống sông Chợ Chu, hệ thống sông Công và hệ thống sông Đu.

Hệ thống sông, hồ và đập nước của huyện khá lớn với trên 100 ao hồ lớn nhỏ, đặc biệt có hồ Bảo Linh có diện tích mặt nước trên 80 ha và khoảng 200 đập thủy lợi nhỏ dâng tưới cho khoảng trên 3.000 ha đất sản xuất nông nghiệp.

+ Hệ thống sông Chợ Chu: Tổng diện tích lưu vực 437 km<sup>2</sup> bắt nguồn từ xã Bảo Linh, Quy Kỳ chảy qua xã Tân Dương, thị trấn Chợ Chu rồi chảy sang huyện Bạch Thông (Tỉnh Bắc Kạn).

+ Hệ thống sông Công: Tổng diện tích lưu vực 128km<sup>2</sup> thuộc địa phận xã Phú Đình chảy qua xã Bình Thành rồi chảy sang huyện Đại Từ.

+ Hệ thống sông Đu: Tổng diện tích lưu vực 70 km<sup>2</sup> thuộc địa phận xã Bộc Nhiêu chảy qua xã Phú Tiến rồi chảy sang huyện Phú Lương.

Ngoài ra còn có các hệ thống hồ, đập nhằm đáp ứng cho sản xuất nông lâm nghiệp.

Do đặc điểm mùa mưa tập trung vào các tháng mùa hè (tháng 6 đến tháng 9), vì vậy lưu lượng dòng chảy cao nhất đạt vào tháng 7, tháng 8; nhỏ nhất vào tháng 3. Tại các vùng núi thấp và trung bình Modul dòng chảy là 20 – 30l/s. Nhìn chung lũ lụt ở địa phương năm nào cũng có nhưng ở mức độ khác nhau. Qua theo dõi cho thấy lũ lụt ở vùng này có quy luật: Cứ theo chu kỳ khoảng 3 đến 5 năm thì 1 năm có lũ lụt ở mức độ trung bình và 8 - 10 năm lại xảy ra lũ lụt lớn gây thiệt hại nhiều cho hoạt động sản xuất và đời sống người dân trên địa bàn huyện.

### **2.1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên**

#### *2.1.2.1. Tài nguyên đất*

Theo kết quả điều tra và tổng hợp trên bản đồ thổ nhưỡng tỷ lệ 1/100.000 của tỉnh Thái Nguyên; trên cơ sở đánh giá đất theo FAO-UNESCO huyện Định Hoá có 11 loại đất chính như sau:

- Đất phù sa không được bồi (P): Phân bố chủ yếu ven các sông, địa hình bằng phẳng ( $> 3^{\circ}\text{C}$ ), tầng đất dày ( $> 1\text{m}$ ) tập trung ở các xã: Kim Phượng, Tân Dương, Thị trấn Chợ Chu, Đồng Thịnh, Bảo Cường. Loại đất này đang được trồng lúa là chủ yếu, ngoài ra còn trồng các loại rau màu như ngô, lạc, mía.

- Đất phù sa ngòi suối: Loại đất này phân bố dọc theo các triền suối, các lớp đất chứa nhiều cát khô, sỏi cuội, càng về thượng nguồn tỷ lệ lớn càng tăng và tầng đất càng mỏng, đất phù sa ngòi suối còn bị ảnh hưởng pha trộn cả sản phẩm dốc tụ từ các vùng đồi lân cận đổ xuống. Trên loại đất phù sa ngòi suối hiện nay được sử dụng trồng lúa và các loại hoa màu. Nói chung đây là loại đất tốt, đất thường có thành phần cơ giới nhẹ, có phản ứng chua đến ít chua ( $\text{PH}_{\text{KCl}}$ : 5 - 5,5), hàm lượng mùn, đạm, lân tổng số từ trung bình đến nghèo. Đất này phân bố trên địa hình bằng phẳng, tập trung ở các xã: Phúc Chu, Diềm Mặc, Phú Tiên, Sơn Phú, Phú Đình, Bình Thành.

- Đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ (D): Đất này chủ yếu dọc theo các khe suối và các thung lũng đá vôi, địa hình tương đối bằng phẳng, độ dốc thường  $< 8^{\circ}$ , tầng đất dày  $> 1\text{m}$ . Loại đất này được hình thành do sự tích tụ của các sản phẩm từ trên địa hình cao rửa trôi đưa xuống, do vậy đất có độ phì tương đối khá, mùn và đạm tổng số từ khá đến giàu, lân tổng số và lân dễ tiêu trung bình, kali tổng số giàu, đất có phản ứng chua ( $\text{PH}_{\text{KCl}}$ : 4,6 - 5,0). Hiện nay, phần lớn diện tích đã được khai thác sử dụng trồng cây công nghiệp (lạc, ngô, đậu tương, mía...), đất này tích hợp với cây ăn quả đặc sản (cây móc mật). Đất này phân bố ở hầu hết các xã trong huyện.

- Đất nâu đỏ trên đá macma trung tính và bazơ (Fk): Phân bố tập trung ở xã: Linh Thông, Lam Vỹ, Bảo Linh, Trung Hội, Sơn Phú, Bình Thành. Loại đất này phân bố ở độ dốc  $< 25^{\circ}$  chiếm tới 60%, trong đó đất có địa hình tương đối bằng phẳng  $< 8^{\circ} - 15^{\circ}$  chiếm tới khoảng 20%. Nhìn chung loại đất này khá tốt, giàu chất dinh dưỡng, đất có kết cấu xốp, thành phần cơ giới nặng, đất ít chua ( $\text{PH}_{\text{KCl}}$ : 4,5 - 5,5), đất có tầng dày trung bình  $< 1\text{m}$  chiếm khoảng 70%, còn lại tầng mỏng  $< 50\text{cm}$  chiếm khoảng 30%. Hiện nay loại đất này thích hợp với cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả, ở những nơi có độ cao lớn thường thích hợp với cây lâm nghiệp đặc sản.

- Đất đỏ vàng trên đá phiến sét (Fj): Loại đất này phân bố ở độ dốc  $< 25^{\circ}$ , đất tầng dày khá  $< 1\text{m}$ . Đất có cấu trúc tối xốp thoát nước tốt, thành phần cơ giới thịt nặng đến sét, hàm lượng mùn đạm tổng số khá, đất chua ( $\text{PH}_{\text{KCl}}$ : 4,5 - 5). Hiện nay đất này phân bố ở các xã: Quy Kỳ, Tân Thịnh, Tân Dương, Phượng Tiên, Bộc Nhiêu. Loại đất này thích hợp với cây lâm nghiệp.

- Đất đỏ vàng trên đá phiến thạch (Fs): Đây là loại đất phân bố ở hầu hết trên lãnh thổ huyện và thường ở độ dốc  $> 15^\circ$ , tầng dày  $< 1\text{m}$ . Đất này có thành phần cơ giới trung bình đến thịt nặng, ít kết von, kém toi xốp, đất thường chua ( $\text{PH}_{\text{KCl}} < 4,5$ ), hàm lượng mùn đạm tổng số khá, kali tổng số nghèo. Phân bố ở các xã: Linh Thông, Quy Kỳ, Tân Dương, Phượng Tiến, Phú Tiến. Loại đất này thích hợp với cây công nghiệp và cây lâm nghiệp.

- Đất vàng đỏ trên đá macma axit (Fa): Loại đất này phân bố chủ yếu ở độ dốc  $15^\circ - 25^\circ$ , tầng dày khá  $< 1\text{m}$ , đất có cấu trúc toi xốp, thoát nước tốt, thành phần cơ giới thịt nặng đến sét, hàm lượng mùn đạm tổng số khá, đất chua ( $\text{PH}_{\text{KCl}}: 4,5 - 5,0$ ). Phân bố tập trung ở xã Linh Thông, Quy Kỳ, Kim Phượng, Phúc Chu, thị trấn Chợ Chu, Bảo Cường, Thanh Định, Đồng Thịnh, Phú Tiến, Trung Hội, Sơn Phú, Trung Lương, Bình Yên, Diềm Mặc, Phú Đình. Loại đất này thích hợp với nhiều loại cây như chè, ngô, sắn, vầu, cọ ...

- Đất vàng nhạt trên đá cát (Fq): Loại đất này có thành phần cơ giới nhẹ từ cát pha đến thịt nhẹ ( sét vật lý  $< 15\%$ ), đất cứng chặt, không có kết cấu, cấu trúc tương đối rời rạc, giữ ẩm kém, nghèo dinh dưỡng, đất chua ( $\text{PH}_{\text{KCl}}: 4 - 4,5$ ), phân bố ở hầu hết độ dốc  $> 25^\circ$ , chiếm 60%, từ  $15^\circ - 25^\circ$ , chiếm khoảng 40%, phân bố tập trung ở xã Bảo Linh, Thanh Định, Định Biên, Bình Thành.

- Đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp): Loại đất này phân bố rải rác ở các xã trong huyện và thường có độ dốc  $8^\circ - 15^\circ$ , tầng đất mỏng  $< 1\text{m}$ , thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến trung bình ( sét vật lý từ 20 - 30%), đất có phản ứng chua ( $\text{PH}_{\text{KCl}}: 4 - 4,5$ ), hàm lượng chất dinh dưỡng trung bình đến nghèo. Đất này thích hợp với cây công nghiệp ngắn ngày, cây đậu đỗ... Phân bố ở các xã Tân Thịnh, Kim Phượng, Trung Hội, Phú Tiến, Đồng Thịnh, Thanh Định, Định Biên.

- Đất đỏ vàng biến đổi do trồng lúa nước (Fl): Phân bố ở xã Bình Yên, Thanh Định, Sơn Phú, Phú Đình, Bình Thành.

- Đất mùn vàng đỏ trên đá macma axit (Ha): Loại đất này có cấu trúc toi xốp, thoát nước tốt, tầng dày khá  $> 1\text{m}$ , thường phân bố ở độ dốc  $15^\circ - 25^\circ$ , hàm lượng dinh dưỡng khá, đất chua ( $\text{PH}_{\text{KCl}}: 4,5 - 5,5$ ). Phân bố ở xã Phú Đình.

#### 2.1.2.2. Tài nguyên nước

Huyện Định Hóa có nguồn nước mặt khá phong phú, với 3 hệ thống sông chính là hệ thống sông Chợ Chu, hệ thống sông Công và hệ thống sông Đu.

- Hệ thống sông hồ và đập nước: Huyện có hơn 100 ao, hồ lớn nhỏ, đặc biệt có hồ Bảo Linh diện tích mặt nước khoảng trên 80 ha và có khoảng 153 đập lớn, nhỏ dâng tưới cho khoảng 3.500 ha.

- Nguồn nước ngầm cũng rất dồi dào và có chất lượng tốt, đảm bảo nguồn nước cho sinh hoạt và cho sản xuất.

#### 2.1.2.3. Tài nguyên rừng

Năm 2020, tổng diện tích đất lâm nghiệp của huyện là 35.581,23 ha, chiếm 69,25% tổng diện tích tự nhiên của huyện, trong đó, rừng sản xuất có 21.122,12 ha, rừng phòng hộ 9.039,03 ha và rừng đặc dụng có 5.420,09 ha. Thảm thực vật rừng tự nhiên ở Định Hóa hiện nay có tỷ lệ che phủ khá, tuy nhiên không còn rừng giàu, rừng trung bình còn ít ở những vùng cao vùng xa. Rừng hiện tại chủ yếu là rừng mới khoanh nuôi và rừng nghèo có trữ lượng 40 - 50 m<sup>3</sup>/ha, các loại gỗ từ nhóm 1 đến nhóm 4 còn ít, đa phần là các loại cây gỗ từ nhóm 6 đến nhóm 8, các loại khác như vầu, nứa... với trữ lượng nhỏ.

Rừng tự nhiên thường gặp là kiểu rừng nhiệt đới. Vùng núi đá vôi có các loại cây thân gỗ lá nhỏ. Rừng trồng phần lớn vẫn là keo, bạch đàn, mỡ...

#### 2.1.2.4. Tài nguyên khoáng sản

Định Hóa là một huyện nằm trong vùng sinh khoáng Định Hóa - Phú Lương - Chợ Đồn, nên có thể có nhiều mỏ quặng nhỏ phân tán thuộc nhóm khoáng sản kim loại, phi kim (Eyrít, photphorit, Graphit), vật liệu xây dựng.

Hiện tại trên địa bàn huyện mới chỉ khai thác đá vôi để sản xuất vật liệu xây dựng và cát sỏi để phục vụ xây dựng cho địa phương.

#### 2.1.2.5. Tài nguyên nhân văn

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 01/4/2019, huyện Định Hóa có 29 dân tộc, trong đó: Dân tộc Kinh chiếm 26,4%; dân tộc Tày chiếm 54,70%; dân tộc Sán Chay chiếm 10,30%; dân tộc Nùng chiếm 4,40%; dân tộc Dao chiếm 2,60%; dân tộc Hoa chiếm 1,0%; dân tộc Hmông chiếm 0,2%, dân tộc Sán Dìu chiếm 0,1% và một số dân tộc khác chiếm 0,4%. Trên địa bàn huyện có nhiều dân tộc cùng sinh sống mỗi dân tộc có bản sắc văn hoá riêng.

Những năm kháng chiến, các cơ quan Trung ương, quân đội và nhân dân khắp nơi tản cư về Định Hóa tạo nên sự giao thoa văn hóa độc đáo giữa các dân tộc. Cuộc kháng chiến chống Pháp đã kết thúc thắng lợi, gần 70 năm đã qua đi, nhưng những kỷ niệm của những năm kháng chiến gian khổ cùng ăn cùng ở với đồng bào, Định Hóa trở thành nơi gắn bó, thân quen với nhiều cán bộ và đồng bào cả nước. Nhiều di sản văn hóa của Định Hóa đã trở nên nổi tiếng như nhà sàn Định Hóa hiện nay được trưng bày tại Bảo tàng dân tộc học, nghệ thuật múa rối Tày Thảm Rộc (Bình Yên) được cử đi tham dự liên hoan nghệ thuật múa rối dân tộc quốc tế (tổ chức tại bảo tàng dân tộc học); lễ hội Lồng Tồng được duy trì và tổ chức vào đầu xuân hàng năm; cùng với các văn hóa phi vật thể khác nhau như các

làn điệu sli, lượn, then, dân ca, dân vũ và những phong tục, những sản vật và món ăn độc đáo của các dân tộc đặc trưng cho vùng Việt Bắc là những tiềm năng du lịch của địa phương... được đông đảo du khách thập phương lựa chọn.

### **2.1.3. Phân tích hiện trạng môi trường**

#### **a) Môi trường đất**

Chất lượng môi trường đất ít nhiều bị tác động và có chiều hướng suy giảm, nguyên nhân chủ yếu từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp, sử dụng không hợp lý thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) và hoạt động dịch vụ. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến ô nhiễm môi trường đất:

- Thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hóa học sử dụng không đúng quy cách, bao bì, vỏ chai vứt vừa bãi trên đồng ruộng; phân chuồng từ chăn nuôi xả trực tiếp ra môi trường, nhiều nơi còn sử dụng nước thải ra không qua xử lý để tưới.

- Do các hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và sinh hoạt là nguồn gây ô nhiễm đất một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

- Đặc điểm địa hình là miền núi nên các hiện tượng rửa trôi, sạt lở do mưa lũ, xói mòn đất cũng làm thay đổi hệ sinh thái trong môi trường đất, làm thoái hóa đất, suy thoái, ô nhiễm môi trường đất.

#### **b) Môi trường nước**

Huyện có 2 hệ thống sông chính: Hệ thống sông Chợ Chu và hệ thống sông Công, đây là nguồn cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Đồng thời đây cũng là nguồn tiếp nhận nước thải từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt.

Về tình trạng ô nhiễm nước ở nông thôn và sản xuất nông nghiệp, có 92,69% dân số đang sinh sống ở nông thôn là nơi cơ sở hạ tầng còn lạc hậu, phần lớn các chất thải của con người và gia súc không được xử lý nên thấm xuống đất hoặc bị rửa trôi, làm cho tình trạng ô nhiễm nguồn nước về mặt hữu cơ và vi sinh vật ngày càng cao.

#### **c) Môi trường không khí**

Ô nhiễm môi trường không khí do ảnh hưởng của giao thông, đô thị, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện chưa nghiêm trọng.

### **2.1.4. Đánh giá chung**

#### **a) Thuận lợi**

Lợi thế về lịch sử: ATK Định Hóa là Thủ đô kháng chiến, xứng đáng được Đảng và Nhà nước, chính quyền địa phương và nhân dân cả nước quan tâm, ưu tiên đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội, nhằm giữ gìn và phát huy truyền thống

cách mạng của dân tộc ta, đồng thời tạo điều kiện để nhân dân cả nước được đến thăm, nơi đang có một quần thể di tích lịch sử cách mạng quan trọng (có 182 điểm di tích, trong đó có 30 di tích xếp hạng Quốc gia; 26 di tích xếp hạng cấp tỉnh). Giá trị lịch sử này tạo ra một lợi thế rất lớn cho ATK Định Hoá phát triển du lịch lịch sử và văn hoá.

Lợi thế về giá trị nhân văn: Với đạo lý "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc Việt Nam và giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống đấu tranh anh dũng của Đảng Cộng Sản Việt Nam, tôn vinh các vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc trong cuộc kháng chiến, Đảng và Nhà nước có nhiều chính sách ưu tiên để phát triển kinh tế - xã hội ATK Định Hoá, đặc biệt là xây dựng, tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá trong vùng. Căn cứ Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 24/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK) Định Hóa gắn với phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên

Việc quy hoạch được phê duyệt nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử ATK Định Hóa thông qua các cụm di tích, di tích hiện còn nhằm giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ người Việt Nam; làm cơ sở cho việc khai thác các điểm tham quan, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của khu vực trở thành điểm hành hương về nguồn; xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử của tỉnh Thái Nguyên và vùng Việt Bắc; làm căn cứ pháp lý cho công tác quản lý và triển khai các dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích theo quy hoạch được duyệt.

Huyện có vị trí địa lý tiếp giáp với 2 tỉnh Tuyên Quang và Bắc Kạn. Đây là vùng núi cao hiểm trở, địa hình chia cắt, núi đất xen núi đá vôi với núi rừng trùng điệp, nhiều hang động sông suối bao quanh, thác nước bốn mùa tạo nên phong cảnh hữu tình, lại nằm liên khu di tích lịch sử Tân Trào, rừng đặc dụng Tân Trào, vườn Quốc gia Tam Đảo tạo cho huyện có tiềm năng du lịch sinh thái lớn. Tuyến đường Hồ Chí Minh từ Chợ Chu đi Chợ Mới đã hoàn thành, thuận lợi cho việc đi lại, thăm quan các di tích lịch sử ATK Định Hoá sẽ trở thành điểm du lịch quan trọng.

Xu thế phát triển lực lượng lao động trong huyện ngày càng trẻ, trình độ văn hoá và chuyên môn ngày càng cao. Đây chính là tiềm năng, động lực quan trọng góp phần vào việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.

Diện tích tự nhiên khá lớn, nhiều loại đất tốt, khí hậu nóng ẩm phù hợp với nhiều loại cây trồng vật nuôi đặc sản như chè xanh, lúa bao thai, các đặc sản của rừng... nên ATK Định Hoá có thể phát triển nông lâm nghiệp tổng hợp đa dạng để tạo ra những sản phẩm có giá trị kinh tế cao.

\* Khó khăn:

Định Hoá nằm cách xa các trung tâm và các thị trường lớn nên khó khăn cho phát triển kinh tế hàng hoá.

Diện tích đất nông nghiệp phân tán, đất sản xuất nông nghiệp trên hộ gia đình quá thấp (trung bình 0,46 ha/hộ) đất ở khu vực có độ dốc cao  $>25^\circ$  chiếm diện tích khá lớn nên dễ bị rửa trôi, làm cho tầng đất mỏng, chua và nghèo dinh dưỡng. Khí hậu nhiệt đới có mùa mưa tập trung vào các tháng mùa hè và thiếu nước vào mùa đông trong điều kiện địa hình chia cắt mạnh dễ dàng gây nên lũ lụt và hạn hán mất mùa.

Về sản xuất tiểu thủ công nghiệp: Sản xuất Công nghiệp - TTCN chủ yếu nhỏ lẻ, theo mô hình cá thể và doanh nghiệp, làng nghề, cơ sở chế biến gỗ, sản xuất gạch cải tiến lò đứng...

Thu ngân sách trên địa bàn không đáng kể: do tình hình hoạt động sản xuất nói trên còn chưa phát triển.

Việc đầu tư trang thiết bị máy móc để áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ còn hạn chế.

Cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, thông tin liên lạc những xóm vùng xa còn khó khăn, đường thôn là cấp phối và đất còn nhiều, một số đoạn mùa mưa dễ bị sạt lở, tắc nghẽn giao thông.

Hệ thống khu di tích lịch sử còn nhiều khu chưa được quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết, kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội còn nhiều bất cập. Lượng khách du lịch chủ yếu đi về trong ngày, số khách nghỉ lại rất ít, điều đó cũng phản ánh những bất cập của Định Hoá trên con đường phát triển ngành du lịch trở thành 1 ngành kinh tế mũi nhọn.

### **III. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

#### **3.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.**

Năm 2022 là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, kết quả đạt được như sau:

##### **3.1.1. Tăng trưởng kinh tế**

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (theo giá so sánh) năm 2022 đạt 1.154,1 tỷ đồng.

Giá trị sản xuất Công nghiệp - TTCN năm 2022 (theo giá so sánh) đạt 295,9 tỷ đồng.

Giá trị tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2022 đạt 1.020,5 tỷ đồng (giá hiện hành).

Kinh tế tăng trưởng nhanh, thu nhập bình quân đầu người tăng từ 25 triệu

đồng năm 2015 lên 43,8 triệu đồng năm 2020 và năm 2022 đạt 45,0 triệu đồng.

### **3.2.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực chủ yếu nhờ tăng trưởng mạnh của khu vực thương mại và dịch vụ.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, tăng tỷ trọng Thương mại, dịch vụ, công nghiệp, xây dựng giảm dần Nông lâm nghiệp, thủy sản.

## **3.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực**

### **3.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp**

Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2022 đạt 51.660 tấn, trong đó: Sản lượng thóc đạt 47.732 tấn; sản lượng ngô đạt 3.928 tấn; sản lượng rau đạt 17.668 tấn. Giá trị sản phẩm/1ha đất nông nghiệp trồng trọt đạt 105,1 triệu đồng. Sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 1.443 tấn; diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 805ha.

Sản xuất chè: Diện tích chè cho sản phẩm có 2.458 ha, sản lượng chè búp tươi năm 2022 đạt 28.950 tấn. Toàn huyện đã trồng 44,34 ha chè trên đất mới.

Cây ăn quả: Tổng diện tích cây ăn quả các loại năm 2022 có trên 1.000 ha. Tuy nhiên chưa phát triển thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, mới chỉ dừng lại ở mức độ trồng nhỏ lẻ, phục vụ gia đình là chủ yếu.

Cây rau: Tổng diện tích rau trên địa bàn huyện hiện nay khoảng 1.000 ha/năm, năng suất đạt trên 17.000 tấn. Tuy nhiên, việc trồng rau vẫn chủ yếu sản xuất nhỏ lẻ tại các hộ gia đình, tự cung tự cấp, chưa phát triển mạnh các vùng chuyên canh, tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa.

Tổng đàn gia súc, gia cầm: Đàn trâu 4.050 con; đàn bò 3.926 con; đàn lợn 38.091 con; đàn gia cầm 809.960 con. Sản lượng thịt lợn hơi đạt 4.931,6 tấn, sản lượng thịt gà hơi đạt 3.509,4 tấn.

Quy mô chăn nuôi trang trại tập trung (trang trại chăn nuôi nhỏ, vừa và lớn): hiện nay có 13 trang trại lợn, gia cầm đạt quy mô trang trại (theo thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT). Quy mô chăn nuôi trang trại trên tổng đàn đạt:  $84.500 \text{ con} / 856.027 \text{ con} = 9,87\%$  tổng đàn

Trong năm 2022 tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh, công tác vệ sinh tiêu độc, khử trùng môi trường chăn nuôi được tăng cường không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn... UBND huyện đã chỉ đạo quyết liệt trong việc ngăn chặn, đẩy lùi dịch, bệnh trên đàn gia súc, gia cầm nên dịch bệnh đã được kiểm soát và ổn định.

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng: Tổng diện tích trồng rừng năm 2022 đạt 1.248,37 ha, trong đó diện tích trồng quế đạt 521,97 ha. Duy trì độ che

phủ rừng đạt 59%; chủ động triển khai các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng, không xảy ra cháy rừng trên địa bàn.

Thủy sản: Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2022 đạt 805 ha, sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 1.443 tấn. Trong đó diện tích thủy sản nuôi thâm canh có 100 ha, tập trung chủ yếu ở một số xã: Đồng Thịnh, Phượng Tiến, Linh Thông, Bộc Nhiêu, Lam Vỹ... là các xã có thế mạnh về diện tích thủy sản.

Ngoài diện tích ao, hồ nuôi thủy sản, trên địa bàn một số xã, người dân đã tận dụng thời gian nghỉ giữa 02 vụ lúa xuân – mùa để nuôi cá ruộng. Trong năm 2022 diện tích nuôi cá ruộng đạt trên 40 ha, sản lượng thu hoạch trên 30 tấn.

Chương trình xây dựng Nông thôn mới tiếp tục được quan tâm thực hiện, đến hết năm 2022 có 16/22 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Xây dựng Đề án xây dựng huyện Định Hóa đạt chuẩn NTM năm 2023.

Tính đến hết năm 2022, huyện Định Hóa đã có 08 sản phẩm được chứng nhận OCOP.

### **3.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp**

Giá trị sản xuất Công nghiệp - TTCN năm 2022 (theo giá so sánh) đạt 319,2 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2021, trong đó: Doanh nghiệp nhà nước đạt 2,3 tỷ đồng; khu vực ngoài nhà nước đạt 293,6 tỷ đồng (*bao gồm doanh nghiệp, HTX đạt 113,2 tỷ đồng, cá thể đạt 180,4 tỷ đồng*), khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 23,3 tỷ đồng .

Phối hợp với Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp Thái Nguyên khảo sát tại các cơ sở sản xuất công nghiệp để hỗ trợ máy móc thiết bị trong sản xuất chế biến nông lâm sản tại các hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn (có 01 hộ được hỗ trợ với kinh phí 190 triệu đồng).

### **3.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ.**

Thị trường hàng hóa ổn định, công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường được thực hiện đúng quy định; năm 2022, công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường được thực hiện tốt, chỉ đạo thực hiện các giải pháp thúc đẩy sản xuất kinh doanh, lưu thông hàng hóa, bình ổn thị trường đặc biệt trong dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán.

Giá trị sản xuất ngành thương mại, dịch vụ kinh tế chủ yếu (*giá hiện hành*) năm 2022 đạt 456,4 tỷ đồng, trong đó: Thương nghiệp đạt 143,5 tỷ đồng, dịch vụ lưu trú ăn uống, du lịch đạt 110,9 tỷ đồng, vận tải kho bãi đạt 109,3 tỷ đồng, dịch vụ kinh tế khác đạt 92,7 tỷ đồng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2022 đạt 1.020,5 tỷ đồng (*giá hiện hành*), tăng 146 tỷ so với năm 2021, trong đó: Doanh nghiệp đạt 98,6 tỷ đồng, cá thể đạt 922 tỷ đồng.

Giá trị xuất khẩu đạt 3,2 triệu USD, trong đó: Ngoài nhà nước đạt 1,8 triệu USD, đầu tư nước ngoài đạt 1,4 triệu USD.

*Du lịch sinh thái:* Các điểm du lịch bao gồm:

- Hồ Bảo Linh: là hồ nhân tạo thuộc xã Bảo Linh được xây dựng năm 1992, đây là điểm lý tưởng để phát triển du lịch sinh thái.

- Thác Khuân Tác (còn gọi là thác 7 tầng) thuộc xã Phú Đình, cách bảo tàng Tỉn Keo 1 km về phía Tây Nam. Thác Khuân Tác vừa là di tích lịch sử, vừa là danh lam thắng cảnh nằm trong vùng rừng đặc dụng với hệ sinh thái đa dạng.

- Động Chùa Hang thuộc thị trấn Chợ Chu. Đây là một cảnh đẹp thiên nhiên, có ý nghĩa tâm linh, là nơi Bác Hồ dừng chân trong kháng chiến. Hàng năm ở Chùa Hang đều tổ chức lễ hội, đã thu hút nhiều khách tham quan.

*\* Du lịch văn hóa, lịch sử:*

Định Hóa được biết đến là thủ đô kháng chiến. Trong lịch sử, di tích từng được biết đến qua nhiều tên gọi khác nhau, như An toàn khu, Khu di tích lịch sử ATK Định Hóa, Khu di tích lịch sử An toàn khu (ATK) Trung ương, là nơi ở, làm việc và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng, Chính phủ trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Năm 1981, Khu di tích đã được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích quốc gia.

An Toàn Khu (ATK) Định Hóa thực sự là một quần thể di tích quan trọng bậc nhất của dân tộc Việt Nam ở thế kỷ XX; một Thủ đô kháng chiến của các vùng di tích trọng điểm như Pác Bó (Cao Bằng), Tân Trào (Tuyên Quang), ATK Định Hóa, Chợ Đồn, Chiêm Hóa, Sơn Dương, Yên Sơn (Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang) có ý nghĩa và giá trị trên nhiều mặt. Đặc biệt, ATK Định Hóa là nơi khởi phát, tổ chức chỉ đạo chiến dịch Điện Biên Phủ giành thắng lợi, kết thúc chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương...

Với những giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học đặc biệt của các Khu di tích, ngày 10 tháng 5 năm 2012 Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 548/QĐ-TTg, xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt An Toàn Khu (ATK) Định Hóa, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Theo Quyết định số 1207/QĐ-SVHTTDL ngày 21/12/2019 của Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kết quả, sản phẩm kiểm kê di tích trên địa bàn huyện Định Hóa, năm 2019 với 182 điểm di tích.

Trên địa bàn còn có các lễ hội đặc sắc đặc trưng của vùng miền, điển hình là lễ hội Lồng Tồng.

### **3.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.**

Dân số năm 2021 huyện có 90.825 người, nam có 45.681 người, nữ 45.144 người, dân số thành thị có 6.695 người, dân số nông thôn có 84.130 người.

Trong những năm qua đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện các chính sách về dân số, kế hoạch hóa gia đình; quan tâm chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, nâng cao chất lượng dân số; kết hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong quản lý dân số, phấn đấu ổn định mức phát triển dân số tự nhiên hằng năm.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, trong đó quan tâm giảm nghèo đối với các đối tượng thuộc nhóm dễ bị tổn thương, dân tộc thiểu số, người khuyết tật. Triển khai đồng bộ, kịp thời các chương trình, dự án giảm nghèo; tạo cơ hội cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các chính sách trợ giúp về đất đai, tín dụng, dạy nghề, tạo việc làm, tiêu thụ sản phẩm...; hỗ trợ, tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo bền vững; tư vấn, tạo điều kiện để giải quyết việc làm cho người lao động, ưu tiên hỗ trợ các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phấn đấu bình quân hằng năm giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 1,2% trở lên, giảm tỷ lệ hộ cận nghèo trên 1% trở lên; giải quyết việc làm hàng năm trên 2.200 lao động.

### **3.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn.**

Theo niên giám thống kê năm 2021 dân số trung bình toàn huyện là 90.825 người, trong đó: dân số nông thôn là 84.130 người, chiếm 92,63% dân số toàn huyện. Dân số đô thị là 6.695 người (chiếm 7,37%) dân số toàn huyện.

Mật độ dân số toàn huyện là 177 người/km<sup>2</sup>. Dân cư phân bố không đều trên địa bàn huyện. Dân cư tập trung khá đông ở thị trấn và ở những nơi giao thông đi lại thuận lợi. Thị trấn Chợ Chu có mật độ dân số cao nhất huyện (1.509 người/km<sup>2</sup>). Trong khi đó, các xã vùng cao có mật độ dân cư thấp hơn như Tân Thịnh (68 người/km<sup>2</sup>).

#### **3.4.1. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn**

##### **\*. Thực trạng phát triển đô thị**

Hiện huyện có 1 đô thị là Thị trấn Chợ Chu, là trung tâm kinh tế - văn hoá và cũng là địa bàn xây dựng trụ sở chính quyền của huyện. Trong những năm gần đây, tốc độ xây dựng nhà ở, công trình công cộng, cơ sở hạ tầng,... tăng khá nhanh. Thị trấn Chợ Chu đã có quy hoạch chung được phê duyệt, năm 2018 thực

hiện điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Chợ Chu đến năm 2030 và được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt.

Tổng diện tích đất đô thị của thị trấn là 443,78 ha, tổng dân số đô thị là 6.695 người, mật độ dân số 1.509 người/km<sup>2</sup>, bình quân đất ở đô thị là 68 m<sup>2</sup>/người.

*\*. Thực trạng phát triển khu vực nông thôn*

Toàn huyện có 22 xã với 2.359,0 ha đất khu dân cư nông thôn. Dân số nông thôn chiếm 92,63% tổng dân số của huyện với 84.130 người phân bố ở 228 xóm, tổ dân phố. Tổng diện tích đất ở nông thôn là 893,0 ha. Bình quân đất ở nông thôn là 106,0 m<sup>2</sup>/người.

Sự phân bố dân cư theo cộng đồng tại các thôn, xóm gần các trục đường giao thông, nguồn nước, địa bàn sản xuất thuận tiện cho sinh hoạt và sản xuất. Tuy nhiên, phân bố dân cư không đồng đều, dân số tập trung đông tại các trung tâm xã và ven các trục đường giao thông lớn, dân số thưa tại các thôn, xóm xa trung tâm xã. Kết cấu hạ tầng nông thôn, nhất là giao thông, thuỷ lợi, điện, trường học, trạm xá trong thời gian qua được đầu tư cải thiện đáng kể.

Đến hết năm 2022, huyện có 16/22 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

### **3.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội**

#### **3.5.1. Giao thông**

Trong những năm qua, hệ thống giao thông của huyện đã được đầu tư, cải tạo nâng cấp. Hiện tại trên địa bàn huyện có quốc lộ 3C dài 35 km, đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Chu-Chợ Mới chiều dài qua địa bàn huyện khoảng 10,0 km và 2 tuyến đường tỉnh lộ chạy qua là TL 264 dài 18 km và TL 264B dài 15,5 km mặt đường trải nhựa đi lại thuận lợi.

- Hệ thống đường huyện có 16 tuyến với tổng chiều dài 131,0 km. Đường đạt tiêu chuẩn cấp IV và đường giao thông nông thôn loại A.

- Hệ thống đường xã có 429 km, trong đó 60% đường loại A, 30% đường loại B, 10% chưa vào cấp, mặt đường bê tông xi măng và cấp phối, còn 20% đường đất.

- Hệ thống cầu: Toàn huyện có 108 cầu với chiều dài là 1.248m bao gồm các loại cầu như: cầu bản, cầu tràn, cầu treo và cầu dầm thép.

#### **3.5.2. Hệ thống thuỷ lợi**

Do đặc điểm điều kiện tự nhiên và địa hình chia cắt, đồi núi dốc, ruộng bậc thang nên các công trình thuỷ lợi của huyện chủ yếu là quy mô vừa và nhỏ.

Toàn huyện có 213 công trình thủy lợi; trong đó có 42 hồ và 153 phai đập lớn nhỏ và 22 trạm bơm.

Tổng chiều dài kênh mương cấp 1, 2 là 118,1 km và mương cấp 3, nội đồng trên 242,9 km đảm bảo phục vụ tưới tiêu cho diện tích đất canh tác. Tổng chiều dài kênh mương được kiên cố hóa khoảng 100,0 km.

Hệ thống tiêu: Bao gồm hai con sông chảy qua các xã (Bảo Linh, Định Biên, Bảo Cường, Thị trấn Chợ Chu).

Hàng năm các công trình thủy lợi đảm bảo cho việc tưới tiêu cho trên 3.200 ha đất sản xuất nông nghiệp.

### **3.5.3. Mạng lưới điện**

Huyện Định Hóa hiện nay có 03 nguồn cấp điện gồm: 02 đường dây 35/22KV và 01 đường dây 22KV được cấp từ đường dây 475 Đại Từ - Định Hóa.

Tổng khối lượng đường dây trung thế, hạ thế và các TBA phân phối trên địa bàn huyện:

- Tổng số đường dây trung thế: 262,617km, trong đó: Đường dây 35KV (373E6.6) là 100,407 km; Đường dây 22KV (471.472,473)TGQV là 162,21 km; Cấp ngầm, nổi 22 KV là 0,43 km.

- Tổng chiều dài đường dây hạ thế 0,4 KV là 602,247 km, trong đó: Lưới 3 pha 4 dây: 580,296 km (Dây trần: 14,424 km; dây bọc: 565,872 km); Lưới 1 pha, 2 dây: 21,951 km (Dây trần: 1,219 km; dây bọc: 20,732 km).

- Tổng số Trạm/Máy: 259T/260M :  $\sum S = 60075$  kVA, trong đó: Trạm TG 35/22 KV : 01T/02M :  $\sum S = 11.900$  kVA; Trạm 35/0,4 KV : 93T/93M :  $\sum S = 18610$  kVA.

Tổng số hộ dân trên địa bàn huyện: 26.206 hộ. Tổng số hợp đồng mua bán điện là: 31.715 khách hàng, trong đó: Khách hàng sinh hoạt: 27.833 khách hàng; Điện phục vụ kinh doanh: 431 khách hàng; Điện phục vụ sản xuất: 2.680 khách hàng; Điện phục vụ hành chính: 771 khách hàng.

Trên địa bàn huyện hiện nay có 02 đơn vị đang hoạt động kinh doanh lĩnh vực điện lực là: Điện lực Định Hóa; Hợp tác xã dịch vụ Điện xã Phúc Chu.

Hiện nay Lưới điện đã được xây dựng từ lâu và chủ yếu đi qua các khu vực đồi núi, đường xá đi lại khó khăn, chưa được đầu tư cải tạo đồng bộ. Một số hộ dân chưa chấp hành các quy định về bảo vệ hành lang lưới điện, vẫn còn tình trạng trồng cây, xây dựng các công trình trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, gây khó khăn trong việc chặt tỉa cây có nguy cơ gây ảnh hưởng đến lưới điện.

#### **3.5.4. Hệ thống thông tin liên lạc**

Hệ thống thông tin liên lạc và viễn thông của huyện khá hoàn chỉnh. Đến nay, mạng điện thoại cố định, điện thoại di động phủ 100% xã, thị trấn. Do đó, đảm bảo nhu cầu thông tin liên lạc thuận lợi, phục vụ nhu cầu sản xuất và dân sinh của cộng đồng dân cư trong huyện. Hầu hết tại các xã đều có điểm bưu điện văn hoá xã. Ngoài mạng lưới bưu điện, truyền hình, đài phát thanh của huyện, các xã còn có hệ thống loa truyền thanh là phương tiện quan trọng cung cấp các thông tin cho nhân dân đặc biệt là đồng bào vùng sâu vùng xa trên địa bàn huyện.

Đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Viettel Thái Nguyên xây dựng Trạm phát sóng di động tại xóm Sự Thật xã Quy Kỳ; xóm Cà Đor xã Lam Vỹ. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiếp tục phối hợp với UBND các xã, thị trấn rà soát, báo cáo hiện trạng hạ tầng cung cấp dịch vụ internet (dịch vụ Internet băng rộng di động (3G,4G) và dịch vụ Internet băng rộng cố định). Qua khảo sát, cơ bản các xóm, tổ dân phố trên địa bàn đã được cung cấp dịch vụ Internet, vẫn còn một số vị trí sóng yếu hoặc không có sóng. Đề xuất các nội dung đề nghị Tập đoàn Viễn thông VNPT hỗ trợ xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới và chuyển đổi số trên địa bàn huyện.

Hiện nay trên địa bàn huyện có 12/23 xã đã có Đài truyền thanh (trong đó 10 Đài truyền thanh FM, 02 Đài truyền thanh thông minh), UBND huyện đã tiến hành khảo sát hệ thống Đài truyền thanh trên địa bàn huyện đáp ứng công tác thông tin cơ sở trong tình hình mới và đạt chuẩn nông thôn mới cần phải tiếp tục đầu tư 11 Đài truyền thanh cấp xã. Trong năm 2022, đầu tư 04 Đài truyền thanh thông minh cho các xã: Bình Yên, Định Biên, Tân Dương, Phú Tiến.

#### **3.5.5. Giáo dục và đào tạo**

Công tác giáo dục - đào tạo tiếp tục có những bước phát triển tích cực, các chương trình, các cuộc vận động trong ngành giáo dục tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, tạo nên những chuyển biến tích cực trong chất lượng dạy và học. Năm học 2020 - 2021, năm học 2021 - 2022, các hoạt động thi đua của ngành được quan tâm triển khai ở các cấp học.

Năm học 2021-2022 toàn huyện có 71 trường mầm non và phổ thông, trong đó: 23 trường mầm non; 22 trường trung học; 24 trường trung học cơ sở (22 trường THCS, 01 trường liên cấp TH&THCS, 01 trường nội trú THCS Định Hóa); 02 trường THPT ; 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên.

Tổng số 853 nhóm/lớp, trong đó: mầm non có 233 nhóm/lớp; tiểu học có 372 lớp; THCS có 183 lớp; THPT có 56 lớp (9 lớp bổ túc THPT).

Tổng số học sinh 22.760 học sinh, trong đó: 1.128 trẻ nhà trẻ; 4.698 trẻ mẫu giáo; 8.633 học sinh tiểu học; 5.599 học sinh THCS; 2.702 học sinh THPT (363 học sinh bổ túc THPT).

Ngoài ra trên địa bàn huyện có 30 trường mầm non, tiểu học, THCS có điểm trường lẻ với 46 điểm trường, trong đó mầm non 18 điểm, tiểu học 27 điểm, THCS 1 điểm. Có 163 nhóm/lớp với 2.973 học sinh.

Công tác kiểm định chất lượng và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đạt nhiều kết quả, có 67/71 trường, tỷ lệ 94,3% đạt chuẩn quốc gia (tính cả 02 trường THPT). Năm 2022, trên địa bàn huyện có 16 trường được Đoàn đánh giá ngoài Sở giáo dục và Đào tạo kiểm định chất lượng và công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia, gồm 02 trường công nhận mới (Tiểu học Linh Thông; TH&THCS Bình Yên); 14 trường công nhận lại (Mầm non Bảo Linh; Mầm non Trung Hội; Mầm non Phượng Tiến; Mầm non Bình Yên; Mầm non Bảo Cường; Tiểu học Diềm Mặc; Tiểu học Đồng Thịnh; Tiểu học Bình Thành; Tiểu học Sơn Phú; Tiểu học Định Biên; THCS Chợ Chu; THCS Phú Tiến; THCS Sơn Phú; THCS Trung Lương).

Huyện Định Hóa tiếp tục đề nghị UBND tỉnh Thái Nguyên công nhận đạt phổ cập giáo dục Mầm non trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 2.

### **3.5.6. Y tế**

Toàn huyện có 1 bệnh viện huyện hạng II, 1 trung tâm y tế huyện hạng II và 23 trạm y tế xã và một số cơ sở khám chữa bệnh tư nhân, các quầy thuốc tại các xã, thị trấn, số cán bộ ngành y dược toàn huyện là 306 cán bộ, bình quân 3,43 cán bộ/1000 dân.

Tổng số giường bệnh là 220 giường, số giường bệnh/vạn dân đạt 24,5 giường/vạn dân.

Hệ thống cơ sở hạ tầng và trang thiết bị y tế được củng cố và từng bước phát huy hiệu quả. Đội ngũ cán bộ y tế được đào tạo có trình độ chuyên môn sâu, áp dụng khoa học kỹ thuật có hiệu quả, tạo được tín nhiệm với người dân.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân và khám chữa bệnh cho người nghèo, các đối tượng chính sách và trẻ em dưới 6 tuổi theo chế độ BHYT; Bệnh viện Đa khoa huyện tổ chức khám cho 89.237 lượt người, tổ chức điều trị nội trú cho 14.194 bệnh nhân, số ngày điều trị nội trú 93.940 ngày; có 76.691 lượt người đến khám, chữa bệnh tại các Trạm Y tế trên địa bàn, trong đó có 17.160 lượt người khám bệnh theo chế độ BHYT. Tổ chức

kiểm tra công tác đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cơ sở kinh doanh thực phẩm.

Công tác phòng, chống COVID-19: Chỉ đạo thực hiện nghiêm các nội dung về công tác phòng chống dịch COVID-19 theo đúng hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Y tế, của Tỉnh, Huyện ủy, thành lập Ban Chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 cấp huyện, xã.

### ***3.5.7. Văn hoá, thông tin, thể dục thể thao***

Trong thời gian qua, khi mức sống của dân cư được nâng lên thì đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân cũng được cải thiện đáng kể thông qua các hoạt động tại các xã, thị trấn và các phương tiện nghe nhìn..

Chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” từng bước được nâng cao, góp phần ổn định chính trị - xã hội, thúc đẩy kinh tế phát triển, ngăn chặn tệ nạn xã hội trong cộng đồng.

Với chỉ tiêu nhiệm vụ đề ra hằng năm phần đầu có 30% người tập thể dục, thể thao thường xuyên, 25% số gia đình luyện tập thể dục thể thao. Trong những năm qua (giai đoạn 2018- 2021), phong trào thể dục thể thao quần chúng trên địa bàn huyện từng bước được quan tâm đầu tư từ huyện đến cơ sở. Hiện nay, toàn huyện có 230 khu tập luyện thể thao giản đơn: Bóng bàn, cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, thể dục dưỡng sinh...để phục vụ nhu cầu hoạt động thể dục thể thao cho người dân địa phương.

Hàng năm, UBND huyện triển khai văn bản hướng dẫn và tuyên truyền vận động người dân tham gia luyện tập thể thao, chỉ đạo các ngành Văn hóa, Giáo dục và Đào tạo, Lao động-TBXH có các kế hoạch cụ thể thực hiện các tiêu chí, nội dung của Chiến lược phát triển thể dục thể thao, quy hoạch các thiết chế thể thao phục vụ phong trào thể dục thể thao tại cơ sở, tuyên truyền và thực hiện an toàn phòng chống đuối nước... Mặt khác tăng cường đầu tư hệ thống thiết chế về thể dục thể thao quần chúng ở cơ sở một cách đồng bộ.

Trên địa bàn huyện có 01 Trung tâm Văn hóa huyện, Nhà Văn hóa – Thể thao cấp xã thường xuyên có người tham gia hoạt động TDTT, 17 sân bóng đá, trung bình hằng năm tổ chức từ 5-7 giải bóng đá cấp xã và các trận giao hữu, hoạt động của các CLB được thường xuyên duy trì có hiệu quả. Toàn huyện có: 03 sân bóng đá cỏ nhân tạo, 03 bể bơi, 02 sân tennis, 82 CLB thể dục- thể thao. Phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, phong trào thể dục thể thao quần chúng, hoạt động thể dục thể thao cho người cao tuổi trên địa bàn huyện được quan tâm triển khai thực hiện. Các CLB thể thao cho người cao tuổi được thành lập, có 45 câu lạc bộ được thành lập tại các xã, thị trấn góp phần vào kết quả phong trào thể dục thể thao quần chúng của huyện.

Phong trào thể dục thể thao trên địa bàn huyện được nâng cao về số lượng và chất lượng. Các chỉ tiêu về phát triển thể dục thể thao quần chúng được nâng lên. Đến nay, đã có trên 37% dân số của huyện tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên trong đó: có 15% số đồng bào dân tộc và miền núi; 32% số gia đình luyện tập thể dục, thể thao, 100% xã, thị trấn, đơn vị, trường học đều có câu lạc bộ hoặc điểm tập luyện thể dục thể thao.

Tuy nhiên, trong thời gian qua hoạt động thể dục thể thao do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 nhiều hoạt động thể thao trên địa bàn huyện không tổ chức được, tiến độ tổ chức thực hiện Đại hội thể dục thể thao cơ sở bị gián đoạn. Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thực sự quan tâm đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo đại hội thể dục thể thao tại đơn vị mình, chưa khơi dậy và phát huy được phong trào thể thao quần chúng trong Nhân dân. Một số đơn vị khó khăn về cơ sở vật chất (sân bãi) nên ảnh hưởng đến việc tổ chức Đại hội cả về số lượng và chất lượng. Công tác vận động tài trợ, xã hội hóa chưa được phát huy hiệu quả.

#### ***3.5.8. Công tác an ninh - quốc phòng***

Năm 2022 công tác bảo vệ an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện Định Hóa tiếp tục đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của huyện.

Công tác quốc phòng luôn được ổn định và giữ vững: sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, huấn luyện, động viên tuyển quân - đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Công tác tuyển quân hàng năm đảm bảo yêu cầu cả về số lượng và chất lượng. Tổ chức diễn tập trị an và diễn tập phòng thủ đảm bảo an toàn và kết hợp tốt giữa nhiệm vụ quốc phòng với kinh tế, an ninh.

### **3.6. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường**

#### ***+ Những thuận lợi***

- Huyện có vị trí địa lý tiếp giáp với 2 tỉnh Tuyên Quang và Bắc Kạn. Đây là vùng núi cao, núi đất xen núi đá vôi, nhiều hang động, sông suối vây quanh, thác nước bốn mùa tạo nên phong cảnh hữu tình, lại có nhiều di tích lịch sử như: Lăng Chợ Chu; Cơ quan Trung ương Đảng, Chính Phủ, Bộ quốc phòng và Bác Hồ đã làm việc tại đây; liên khu di tích lịch sử Tân Trào, rừng đặc dụng Tân Trào, vườn Quốc gia Tam Đảo. Do nơi đây có cảnh quan thiên nhiên đẹp, môi trường trong lành, là điều kiện để phát huy tiềm năng du lịch sinh thái. Việc hoàn thành tuyến đường Hồ Chí Minh góp phần phát triển ATK Định Hóa trở thành điểm thăm quan du lịch.

- Lợi thế về giá trị nhân văn: Với đạo lý ”uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam và giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống đấu tranh anh dũng của Đảng Cộng Sản Việt Nam, tôn vinh các vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc trong cuộc kháng chiến, Đảng và Nhà nước có nhiều chính sách ưu tiên để phát triển kinh tế - xã hội ATK Định Hoá, đặc biệt là xây dựng, tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá trong vùng.

- Nền kinh tế của huyện trong những năm qua có sự tăng trưởng khá cao và ổn định. Tuy nhiên, cần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng dịch vụ thương mại và công nghiệp.

- Diện tích tự nhiên khá lớn, nhiều loại đất tốt, khí hậu nóng ẩm phù hợp với nhiều loại cây trồng vật nuôi đặc sản như chè xanh, lúa bao thai, các đặc sản của rừng... nên ATK Định Hoá có thể phát triển nông lâm nghiệp tổng hợp đa dạng để tạo ra những sản phẩm có giá trị kinh tế cao.

- Xu thế phát triển lực lượng lao động trong huyện ngày càng trẻ, trình độ văn hoá và chuyên môn ngày càng cao. Đây chính là tiềm năng, động lực quan trọng góp phần vào việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.

- Năng lực trình độ sản xuất của nhiều ngành kinh tế đã tăng lên, cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch tích cực, tổ chức sản xuất kinh doanh có nhiều kinh nghiệm ... là điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong những năm tiếp theo.

#### **+ Những khó khăn và thách thức**

- Định Hoá nằm cách xa các trung tâm và các thị trường lớn nên khó khăn cho phát triển kinh tế hàng hoá.

- Khí hậu, thủy văn phân hoá theo mùa, gây nên tình trạng thiếu nước về mùa khô, ngập úng về mùa mưa (chiếm tới 91,6% lượng mưa cả năm), ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất và đời sống của nhân dân.

- Diện tích đất nông nghiệp phân tán, đất sản xuất nông nghiệp trên hộ gia đình quá thấp (trung bình 0,46 ha/hộ) đất ở khu vực có độ dốc cao >25o chiếm diện tích khá lớn nên dễ bị rửa trôi, làm cho tầng đất mỏng, chua và nghèo dinh dưỡng.

- Địa hình bị chia cắt mạnh; đất đai phần lớn là đồi núi, nghèo dinh dưỡng, độ dốc lớn nên dễ bị thoái hoá do bị rửa trôi, xói mòn - ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và các công trình như giao thông, xây dựng...

- Nguồn tài nguyên rừng đang ngày càng cạn kiệt, cộng với việc khai thác nguồn tài nguyên đất đai chưa đúng mức và sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu không hợp lý...

- Sự gia tăng dân số tự nhiên, dân số tăng cơ học và sự hình thành các khu dân cư mới cần một quỹ đất để xây dựng nhà ở, bố trí sắp xếp lại dân cư.

- Lực lượng lao động ở nông thôn có xu thế tăng nhưng lực lượng lao động có trình độ và qua đào tạo so với yêu cầu phát triển vẫn còn thấp, đây là vấn đề khó khăn trong việc ứng dụng cũng như tiếp cận khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất (đặc biệt là sản xuất nông nghiệp).

### **3.7. Phân tích đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.**

Biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn nhất đối với nhân loại. Biến đổi khí hậu sẽ tác động nghiêm trọng đến sản xuất, đời sống và môi trường trên phạm vi toàn thế giới. Vấn đề biến đổi khí hậu đã, đang và sẽ làm thay đổi toàn diện và sâu sắc quá trình phát triển và an ninh toàn cầu như năng lượng, nước, lương thực, xã hội, việc làm, ngoại giao, văn hóa, kinh tế, thương mại.

Biến đổi khí hậu, tiêu biểu là sự nóng lên toàn cầu đang là một trong những thách thức lớn nhất mà nhân loại nói chung và Việt Nam nói riêng, trong đó có tỉnh Thái Nguyên và huyện Định Hóa, phải đối mặt trong thế kỷ 21 cũng như trong tương lai.

Khí hậu là một trong những yếu tố quan trọng có ảnh hưởng lớn đến đất đai. Khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến đất thể hiện ở lượng nước mưa và nhiệt; ảnh hưởng gián tiếp thông qua hệ sinh vật. Biến đổi khí hậu gây rối loạn chế độ mưa, nguy cơ nắng nóng nhiều hơn,... làm cho lượng dinh dưỡng trong đất bị mất cao hơn, hiện tượng xói mòn, khô hạn nhiều hơn. Thiên tai, bão lũ gia tăng sẽ làm tăng hiện tượng, ngập úng, sạt lở bờ sông,... dẫn đến ảnh hưởng nghiêm trọng tới tài nguyên đất.

Những thay đổi về nhiệt độ, lượng mưa, thời điểm mưa và những thay đổi về hình thái trong chu trình nước: Mưa - nước bốc hơi... đều dẫn đến sự thay đổi cơ chế ẩm trong đất, lượng nước ngầm và các dòng chảy. Ngược lại, việc sử dụng đất đai cũng có ảnh hưởng đối với sự thay đổi các yếu tố khí hậu. Lượng phát thải khí nhà kính do sử dụng đất, chặt phá dẫn đến suy thoái rừng,... là những nguyên nhân tác động đến sự nóng lên của toàn cầu.

Trong những năm qua, dưới tác động của biến đổi khí hậu, tần suất và cường độ thiên tai ngày càng gia tăng, gây ra nhiều tổn thất to lớn về người, tài sản, các cơ sở hạ tầng về kinh tế, văn hoá, xã hội, tác động xấu đến môi trường. Các loại thiên tai như: Bão, lũ, úng ngập và các thiên tai khác đã làm thiệt hại đáng kể về người và tài sản của huyện.

Biến đổi khí hậu đã làm suy thoái đất, hạn hán, gây tổn thất cho sản xuất nông nghiệp trên toàn tỉnh; ảnh hưởng đến 1/3 diện tích đất, đe dọa an ninh lương thực, gây đói nghèo cho người dân tại Thái Nguyên, đặc biệt là các xã nghèo miền núi nói chung và huyện Định Hóa nói riêng.

Việc lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Định Hóa góp phần:

- Bố trí tối ưu nhu cầu sử dụng đất cho các dự án, công trình đã được ghi trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch các ngành, lĩnh vực, điều chỉnh các quy hoạch đã có khi cần thiết có tính đến hậu quả của biến đổi khí hậu .

- Quy hoạch sử dụng đất đáp ứng nhu cầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Ưu tiên bố trí quy hoạch sử dụng đất đối với các công trình thủy lợi nhằm mở rộng đất nông nghiệp và đầu tư thâm canh tăng vụ, tăng năng suất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để nâng cao hiệu quả sử dụng đất .

- Các chương trình, dự án nghiên cứu trọng điểm, nhất là nghiên cứu các giải pháp ngăn chặn suy thoái đất, ô nhiễm môi trường, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên đất theo hướng phát triển bền vững.

- Quy hoạch phát triển quỹ đất phục vụ di dân, tái định cư cho những cộng đồng dân cư sống trong khu vực có nguy cơ bị đe dọa bởi sạt lở đất, khu vực ngập úng.

- Quy hoạch sử dụng ổn định diện tích chuyên lúa nhằm đảm bảo an ninh lương thực của huyện trong điều kiện của biến đổi khí hậu.

Ngoài ra còn cần lồng ghép yếu tố biến đổi khí hậu vào quá trình xây dựng và đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC), đánh giá tác động môi trường (ĐTM), cam kết bảo vệ môi trường (EPC) đối với các hoạt động đầu tư tại huyện Định Hóa;

Ngoài ra lồng ghép yếu tố Biến đổi khí hậu vào các chương trình, quy hoạch, kế hoạch thuộc lĩnh vực nông - lâm nghiệp

Cần lồng ghép các vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu trong đó cần bổ sung thêm các giải pháp trong quy hoạch như: bảo tồn giữ gìn các giống cây trồng bản địa, ứng dụng khoa học trong việc lai tạo giống mới năng suất cao thích ứng với điều kiện thiếu nước tại huyện Định Hóa.

- Về công tác giống: cần tổ chức triển khai xây dựng chương trình chọn tạo, khảo nghiệm giống cây trồng mới thích ứng cho các vùng chịu ảnh hưởng bất lợi của biến đổi khí hậu.

- Trong công tác chăn nuôi: cần tổ chức nghiên cứu lựa chọn giống cho phù hợp; Nghiên cứu áp dụng linh hoạt quy trình VietGrap; Triển khai nhân rộng nhanh, mạnh mô hình Biogas trong chăn nuôi.

- Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật canh tác, nâng cao chất lượng đất, giảm diện tích đất thoái hoá, bạc màu. Áp dụng các biện pháp canh tác trên đất dốc một cách khoa học, chống rửa trôi, xói mòn. Từ đó giúp giảm nguy cơ sạt lở đất trong điều kiện biến đổi khí hậu còn nhiều diễn biến phức tạp.

- Kết hợp với việc bảo tồn các khu rừng đặc dụng, nhất là các khu vực rừng sinh thái, rừng bảo vệ các di tích lịch sử trên địa bàn huyện, ngoài ra còn tạo điều kiện phát triển kinh tế cho người dân sống dựa vào rừng tại vùng cao, trong đó tập trung vào việc tăng cường trồng rừng nâng cao độ che phủ rừng và chất lượng rừng, khuyến khích phát triển, tái sinh rừng tự nhiên, đặc biệt là tại khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn thuộc các xã và các lưu vực sông suối; Hỗ trợ người dân trồng rừng bằng việc khai thác một số cây gỗ lâu năm thay thế một phần rừng sản xuất.

- Trong quy hoạch nông nghiệp cần lồng ghép đánh giá vai trò giảm thiểu phát thải khí Cacbon từ các hoạt động nông nghiệp (trồng rừng, sử dụng Biogas...).

- Có chính sách cải thiện điều kiện sống và môi trường sống của người dân nông thôn bằng cách bố trí, sắp xếp lại dân cư nông thôn phù hợp. Đặc biệt tập trung thực hiện bố trí sắp xếp lại dân, các vùng chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu (khu vực dân cư sinh sống các khu vực có địa hình thấp, điều kiện sống khó khăn, khu vực miền núi có nguy cơ sạt lở cao...).

*\* Thủy lợi:*

- Định hướng cho công tác quy hoạch, phát triển thủy lợi theo từng giai đoạn với mục tiêu và bước đi phù hợp cho huyện, các công trình, dự án thủy lợi đã, đang và sẽ triển khai thực hiện trên địa bàn huyện:

- + Hồ chứa đã có và dự kiến xây dựng các hồ: Hồ Bảo Linh, hồ Đèo Phượng, hồ Đồng Lá, hồ Làng Pháng, Hồ Khuân Nhà xã Quy Kỳ; Hồ Đồng Lá xã Diềm Mặc; Hồ Khuổi Mạ xã Tân Thịnh; Hồ Khuân Tát xã Phú Đình; hồ Bản Bắc xã Diềm Mặc; Hồ Suối Tang xã Kim Phượng....

- + Xây dựng các đập, trạm bơm tại các xã, kiên cố hóa kênh mương, xây dựng các đập dâng...

Việc xây dựng các hồ chứa nước có vai trò quan trọng trong việc điều tiết nước trước hiện tượng khô hạn, điều tiết lũ, cung cấp kịp thời lượng nước tưới cho sản xuất nông nghiệp và nước sinh hoạt của người dân.

Từ những thách thức đó đòi hỏi các cấp chính quyền phải có những nỗ lực hơn nữa trong các chính sách, biện pháp tăng cường nhận thức và năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, giữ vững và phát triển ATK Định Hóa là một khu du lịch quốc gia đặc biệt, với cơ cấu kinh tế của huyện là: dịch vụ, du lịch – nông, lâm nghiệp - công nghiệp xây dựng; Từng bước hình thành nền nông nghiệp hàng hóa phù hợp với nhu cầu thị trường. Phát triển lâm nghiệp gắn với việc bảo vệ quần thể di tích lịch sử, tăng cường chức năng phòng hộ môi trường và góp phần nâng cao đời sống đồng bào dân tộc vùng thủ đô kháng chiến; Phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn với ngành nghề đa dạng tập trung vào thế mạnh của huyện. Thúc đẩy việc tạo môi trường đầu tư để thu hút các nhà đầu tư phát triển công nghiệp dịch vụ ở nông thôn.

Nâng cấp một bước hệ thống kết cấu hạ tầng. Đẩy nhanh việc chuyển giao công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống; có bước đi phù hợp trong việc kết hợp cơ khí hóa, hiện đại hóa với công nghệ thông tin và công nghệ sinh học nhằm cải thiện đáng kể trình độ công nghệ trong nền kinh tế; Tập trung khai thác tốt các tiềm năng, thế mạnh của địa phương, huy động nội lực, tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài. Phát triển xã hội gắn liền với tăng trưởng kinh tế, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc truyền thống, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

#### **IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH**

##### **4.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai.**

###### ***4.1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.***

###### ***a) Ban hành văn bản về quản lý, sử dụng đất đai và tổ chức thực hiện.***

Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa không ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai mà chủ yếu là triển khai và tổ chức thực hiện các văn bản của Trung ương và tỉnh Thái Nguyên. Trong đó bao gồm, việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện; lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) cấp huyện theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của

Chính phủ, Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Định Hóa giai đoạn 2016 - 2020.

Sau khi Luật Đất đai 2013 được ban hành, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2014 về việc triển khai thi hành Luật đất đai năm 2013 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, đồng thời ban hành kế hoạch triển khai tuyên truyền, phổ biến Luật Đất đai năm 2013.

Trên cơ sở đó Ủy ban Nhân dân huyện tổ chức triển khai và chỉ đạo các phòng ban chuyên môn và Ủy ban Nhân dân các xã, thị trấn tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến người dân: Tuyên truyền Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, chỉ đạo các xã thực hiện chức năng nhiệm vụ quản lý đất đai theo quy định Luật đất đai và chỉ đạo của tỉnh và của Bộ Tài nguyên và Môi trường tới người dân. Tỉnh, huyện tổ chức tập huấn các văn bản quy phạm pháp luật đất đai được, các văn bản được tập huấn đầy đủ, đúng đối tượng; sau khi được tập huấn trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, cấp xã đã được nâng lên đáng kể, đến nay cơ bản đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ chuyên môn.

Ban hành các văn bản chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn và UBND các xã, thị trấn triển khai và phối hợp trong công tác lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện; lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện.

Các văn bản triển khai về công tác quản lý nhà nước về đất đai của huyện được thực hiện theo quy định hướng dẫn, phù hợp với nội dung chỉ đạo của văn bản cấp trên và quy định của pháp luật. Từ đó, đã tạo hiệu ứng tích cực đối với công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Định Hóa.

*b) Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính.*

Thực hiện Chỉ thị số 364/CP ngày 05/11/1991 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp.

Ranh giới của huyện Định Hoá với các đơn vị hành chính trong tỉnh và các huyện của tỉnh Bắc Kạn, Tuyên Quang đã được xác định rõ ràng bằng các mốc giới theo tọa độ địa chính quốc gia.

Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện so với năm 2014 tăng 25,9 ha, số liệu tăng lên do biến động địa giới hành chính theo dự án “Hoàn thiện, hiện đại hoá hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành

chính các cấp” được phê duyệt theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngoài ra, thực hiện Nghị quyết số 814/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên, nhập toàn bộ 10,28 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và 2.222 người của xã Kim Sơn vào xã Kim Phụng. Sau khi nhập, xã Kim Phụng có 22,87 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và quy mô dân số 4.837 người.

*c) Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; điều tra, đánh giá tài nguyên đất; điều tra xây dựng giá đất.*

Toàn huyện đã hoàn thành đo đạc bản đồ địa chính chính quy cho 24 xã, thị trấn trước đây nay là 23 xã, thị trấn; kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1.000 được 11.779 ha, tỷ lệ 1/2000 được 6.965 ha, tỷ lệ 1/5.000 được 10.792 ha, tỷ lệ 1/10.000 được 21.741 ha với 295.702 thửa được đo đạc, lập bản đồ địa chính. Năm 2020, thực hiện đo đạc chỉnh lý, bổ sung bản đồ địa chính đối với diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện.

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất được xây dựng trong kỳ kiểm kê đất đai định kỳ 5 năm trên toàn bộ đơn vị hành chính cấp xã và cấp huyện. Trong đó bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện, cấp xã được xây dựng bằng công nghệ bản đồ số đảm bảo độ chính xác, tin cậy.

Bản đồ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện, các xã, thị trấn được xây dựng đến năm 2010, 2020 và đến năm 2030 đối với cấp huyện, bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và đến năm 2030 cấp xã theo quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

Huyện đã xây dựng bản đồ đất huyện Định Hóa tỷ lệ 1:50.000 phục vụ cho quy hoạch sản xuất nông nghiệp và các ngành khác.

Công tác điều tra, đánh giá tài nguyên đất được thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh, theo kết quả điều tra, đánh giá thoái hóa đất, thoái hóa đất mức nặng trên địa bàn tỉnh 30.451 ha, huyện Định Hóa chiếm (13,64%) khoảng 4.154 ha.

Theo kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu tỉnh Thái Nguyên được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 12/04/2019, chất lượng đất trung bình huyện Định Hóa có 7.458 ha, chất lượng thấp có 37.101 ha. Tiềm năng đất đai có tiềm năng cao huyện Định Hóa có 23.296 ha.

Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất đang được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, công tác điều tra, phân hạng đất sẽ được triển khai thực hiện trong những năm tới.

*d) Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.*

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được triển khai thực hiện theo quy định của Luật đất đai, kế hoạch sử dụng đất được tiến hành lập và tổ chức thực hiện hàng năm. Huyện đã hoàn thiện công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho các cấp đến năm 2020. Cụ thể:

Quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt, hàng năm huyện lập kế hoạch sử dụng đất trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt đúng quy định Luật đất đai.

Quy hoạch sử dụng đất cấp xã đến năm 2020 trên địa bàn huyện Định Hóa được lồng ghép trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 đã được lập và được UBND tỉnh phê duyệt, làm căn cứ lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt đúng quy định Luật đất đai.

Công tác tổ chức triển khai lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được chú trọng và thực hiện theo đúng quy định Luật Đất đai; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường nay thực hiện theo Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 04 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đều được thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch so với quy hoạch sử dụng đất; đảm bảo thống nhất giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất so với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp trên; tính khả thi của các dự án công trình đạt chưa cao so với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

Hàng năm, trên cơ sở văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị rà soát, điều chỉnh, hủy bỏ các dự án, công trình đã quá 3 năm nhưng chưa thực hiện ở địa phương, UBND huyện giao phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì rà soát, tổng hợp báo cáo UBND huyện để gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND tỉnh điều chỉnh, hủy bỏ theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa sau khi được phê duyệt, đã thực hiện công bố công khai tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của huyện; đồng thời, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đã thực hiện công

bố công khai tại trụ sở UBND cấp xã, theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Do nguồn kinh phí còn hạn hẹp, UBND huyện Định Hóa chưa thực hiện việc cắm mốc quy hoạch trên thực địa, đặc biệt là việc cắm mốc quy hoạch trên thực địa đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng cần bảo vệ.

Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất: Để đảm bảo việc đưa đất vào sử dụng kịp thời, đúng mục đích, hàng năm UBND huyện giao phòng Tài Nguyên và Môi trường chủ trì tổ chức các buổi kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của các xã, thị trấn, đồng thời phối hợp với UBND cấp xã đôn đốc các chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Nhìn chung chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từng bước được nâng lên, đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất cho phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn huyện, việc sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch làm tăng hiệu quả sử dụng đất, hạn chế tình trạng quy hoạch treo. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau khi được xét duyệt đã được công bố công khai và đã trở thành công cụ đắc lực cho công tác quản lý đất đai theo quy định của pháp luật.

Việc lập, điều chỉnh, thẩm định, trình xét duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật đất đai.

*đ) Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.*

Công tác quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thực hiện đúng theo quy định của Luật Đất đai. Việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện theo đúng thẩm quyền, đúng đối tượng.

Việc thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, việc tính thu nghĩa vụ tài chính và việc đăng ký cấp GCN sau giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được tổ chức thực hiện theo đúng quy định, sau khi có Quyết định giao đất, cho thuê đất đã thực hiện luân chuyển thông tin địa chính sang cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Việc quản lý các dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất triển khai chậm do thiếu kinh phí hoặc giải phóng mặt bằng chậm. Việc xác định lại diện tích đất đã giao, đã cho thuê, chưa được tiến hành thường xuyên.

Nhìn chung, việc giao đất, cho thuê đất đã thực hiện đúng quy định của Luật Đất đai, đảm bảo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân sử dụng đất có hiệu quả.

Tuy nhiên công tác bồi thường giải phóng mặt bằng một số dự án còn chậm dẫn đến chưa thể bàn giao đất cho chủ đầu tư để triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ, một số dự án triển khai còn chậm, một số tổ chức sử dụng đất chưa đúng với quyết định của cấp có thẩm quyền.

Trong giai đoạn từ 2019-2021, tổng diện tích đất thu hồi 20,57 ha, trong đó thu hồi vì mục đích quốc phòng, an ninh là 01 công trình với diện tích 0,33 ha; thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng là 26 công trình với diện tích 19,53 ha, trong đó: 12,38 ha đất trồng lúa, 2,07 ha đất rừng sản xuất, 0,14 ha đất ở, 0,092 ha đất phi nông nghiệp.

Trong giai đoạn từ 2019-2021, tổng diện tích đất chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở là: 2,741 ha, trong đó: đất trồng lúa chuyển sang đất ở là 1,879 ha, các loại đất khác chuyển sang đất ở là 0,862 ha.

Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã được thực hiện theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt và theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

*e) Quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất.*

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Thường trực huyện ủy, HĐND, UBND huyện, cùng với sự phối hợp chặt chẽ của các phòng, ban và UBND các xã, thị trấn trong công tác tổ chức thực hiện bồi thường GPMB các dự án do vậy công tác GPMB đã đạt được những kết quả nhất định; Phòng Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các phòng, ban liên quan và UBND các xã, thị trấn giải quyết nhiều vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đưa ra các biện pháp và tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo nhằm giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

UBND các xã, thị trấn đã có đề xuất, giải pháp phù hợp đáp ứng yêu cầu của người sử dụng đất; hướng dẫn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bồi thường GPMB, quy định của pháp luật về đất đai; động viên các đoàn thể chính trị xã hội ở địa phương tích cực tham gia trong công tác GPMB, tạo được sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị và tầng lớp nhân dân; việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất được tiến hành công khai minh bạch, đúng quy định, tiến độ thực hiện bồi thường GPMB cơ bản đã đáp ứng theo kế hoạch đề ra và yêu cầu tiến độ của nhà đầu tư.

*Tuy nhiên còn những tồn tại, hạn chế:* Ý thức chấp hành pháp luật của người dân chưa nghiêm: Mặc dù đã được chính quyền địa phương phổ biến, tuyên truyền, vận động khi công khai quy hoạch, công bố thu hồi đất, khi kiểm đếm nhưng vẫn còn một số hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất không chấp hành

quy định về bồi thường như không hợp tác kê khai, không nhận tiền bồi thường, nhận tiền bồi thường nhưng không bàn giao mặt bằng.

Việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng tại một số địa phương còn chậm, nhất là các dự án thực hiện thu hồi đất chuyển tiếp qua nhiều năm nhưng chưa hoàn thành trong giai đoạn này cơ chế, chính sách về đất đai, bồi thường, hỗ trợ có nhiều thay đổi, do vậy ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân.

Thiếu kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB: Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế như hiện nay một số dự án chưa thể triển khai công tác bồi thường, GPMB hoặc đã triển khai nhưng kéo dài do khó khăn về kinh phí thực hiện giải phóng mặt bằng.

Các công trình, dự án thu hồi đất trên địa bàn huyện thực hiện đều có quy mô nhỏ nên không chủ động được trong xây dựng khu tái định cư trước khi thu hồi đất nên chủ yếu vận động các hộ, gia đình, cá nhân tự tái định cư. Chỉ có 02 công trình xây dựng khu tái định cư cho các hộ, gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở là xây dựng đường Hồ Chí Minh qua địa phận huyện Định Hóa và dự án xây dựng Trung tâm Văn hóa-thể thao huyện Định Hóa.

Bên cạnh một số hộ gia đình, cá nhân không chấp hành quy định của pháp luật về bồi thường GPMB cũng có một số kiến nghị, thắc mắc liên quan đến quyền lợi chính đáng của hộ gia đình, cá nhân nhưng chưa được chính quyền địa phương và chủ đầu tư quan tâm giải quyết kịp thời.

Trong giai đoạn 2019-2021, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 14.537,18 triệu đồng, trong đó: bồi thường đất ở là 1.137,04 triệu đồng, bồi thường đất nông nghiệp là 13.400,14 triệu đồng, bồi thường tài sản gắn liền với đất là 6.242,74 triệu đồng, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất là 1.366,92 triệu đồng, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 26.939,62 triệu đồng, hỗ trợ tái định cư là 300,0 triệu đồng, hỗ trợ khác 2.580,54 triệu đồng.

*g) Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.*

Huyện Định Hóa đã đo đạc lập bản đồ địa chính chính quy cho 24/24 xã, thị trấn (nay 23/23 xã, thị trấn); Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các phòng ban chức năng của huyện, Ủy ban Nhân dân các xã, thị trấn tiến hành kê khai cấp đổi, cấp lại và cấp mới giấy CNQSD đất sau đo đạc bản đồ địa chính. Đến nay công tác đăng ký, cấp giấy CNQSD đất và diện tích đã cấp giấy CNQSD đất của toàn huyện đạt được kết quả như sau:

Đến năm 2021 huyện đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt 95% diện tích cần cấp với diện tích 39.840,42 ha với 201.926 giấy chứng nhận, trong đó:

Đất sản xuất nông nghiệp là 12.534,83 ha, với 147.690 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đất lâm nghiệp là 28.534,29 ha, với 27.012 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đất ở nông thôn là 892,35 ha, với 23.899 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đất ở tại đô thị là 44,43 ha, với 3.325 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Huyện Định Hóa đã xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính cho 24/24 xã, thị trấn, đã nhập dữ liệu vào phần mềm cho toàn bộ thửa đất tại 24/24 xã, thị trấn (nay là 23/23 xã, thị trấn).

#### *h) Thống kê, kiểm kê đất đai.*

Công tác thống kê đất đai được tiến hành thường xuyên hàng năm đúng theo quy định của pháp luật. Công tác kiểm kê đất đai được tiến hành 5 năm 1 lần.

Công tác kiểm kê đất đai năm 2019 được thực hiện theo Luật Đất đai năm 2013, Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Quyết định số 1762/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 7 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành phương án thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 Phê duyệt Dự án kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 tỉnh Thái Nguyên.

Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa đã chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 huyện Định Hóa đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, hoàn thành công tác Kiểm kê đất đai năm 2019; công tác thống kê đất đai năm 2020, 2021, 2022 huyện Định Hóa đã thực hiện đúng quy định.

#### *i) Xây dựng hệ thống thông tin đất đai.*

Để hoàn thành mục tiêu xây dựng hệ thống thông tin đất đai tạo nền tảng cho việc xây dựng “Chính phủ điện tử”, những năm qua, ngành Quản lý đất đai tỉnh Thái Nguyên nói chung, huyện Định Hóa nói riêng đã và đang nỗ lực thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, hệ thống thông tin đất đai để hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai là công cụ quan trọng để thực hiện tốt nhất

công tác quản trị đất đai hiện đại giúp kiểm soát tốt nhất tài nguyên đất; cung cấp dịch vụ công tốt nhất cho người dân.

Huyện Định Hóa đã xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính cho 24/24 xã, thị trấn (nay 23/23 xã, thị trấn) và đã đưa vào vận hành, khai thác; trên địa bàn huyện Định Hóa số thửa đã được đo đạc lập bản đồ địa chính là 295.702 thửa, trong đó đã có 283.582 thửa đã nhập vào cơ sở dữ liệu, hiện nay đã tích hợp dữ liệu vào hệ thống CSDL đất đai tỉnh Thái Nguyên.

Để hoàn thiện hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Định Hóa đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý đất đai, cung cấp dịch vụ công về đất đai và chia sẻ thông tin đất đai với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan UBND tỉnh Thái Nguyên đã có Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán Hoàn thiện hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Định Hóa. Phạm vi thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (chuyển đổi, bổ sung hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chính; thống kê, kiểm kê đất đai; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất) của 23 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Định Hóa.

*k) Quản lý tài chính về đất đai và giá đất.*

*\*. Về bảng giá đất:*

Thực hiện quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, UBND tỉnh ban hành Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên để triển khai thực hiện (phê duyệt tại Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 ban hành quy định về Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên) và có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/2020.

Bảng giá đất giai đoạn năm 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cơ bản đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn, sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp: Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích trong hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; tính thuế sử dụng đất; tính phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai; tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai.

UBND huyện Định Hóa đã tổ chức triển khai thực hiện theo quyết định phê duyệt của UBND tỉnh Thái Nguyên trên địa bàn huyện Định Hóa.

Trong giai đoạn 2019-2021 các nguồn thu từ đất đạt 21.941,48 triệu đồng, trong đó:

- + Tiền sử dụng đất là: 19.564,67 triệu đồng;
- + Tiền thuê đất là: 3.233,04 triệu đồng;
- + Thuế sử dụng đất nông nghiệp là: 0,73 triệu đồng;
- + Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là: 173,49 triệu đồng;
- + Thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất là: 4.190,11 triệu đồng;
- + Tiền lệ phí là: 1.200,54 triệu đồng;
- + Tiền phí là: 816,03 triệu đồng;
- + Các nguồn thu khác từ đất là: 762,86 triệu đồng.

*\* Về giá đất cụ thể:*

Thực hiện Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 Ban hành Quy định trình tự, thủ tục xác định giá đất và thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 03/02/2020 về việc phê duyệt kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2020 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ các quy định nêu trên, UBND huyện đã tổ chức xác định giá đất cụ thể để đấu giá quyền sử dụng đất; giá đất để giao đất tái định cư, giao đất có thu tiền sử dụng đất; giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất; giá đất để tính thu tiền thuê đất các công trình, dự án trên địa bàn các xã, thị trấn.

*\*. Những mặt đạt được:* Trên cơ sở Bảng giá đất và định giá đất cụ thể, do UBND tỉnh ban hành, UBND huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác định giá đất cụ thể đảm bảo đúng trình tự các bước triển khai thực hiện theo luật định như: điều tra, khảo sát giá đất thị trường, xây dựng phương án giá đất, xử lý đối với các khu vực đất giáp ranh với các tỉnh, các địa phương trong tỉnh, xây dựng phương án giá đất phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường...

*\*. Khó khăn vướng mắc:* Trong công tác điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường tại một số dự án, do không có giao dịch chuyển nhượng, không có đấu giá quyền sử dụng đất, vì vậy một số dự án xác định giá đất cụ thể để thực hiện bồi thường GPMB phải sử dụng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất. Đối với trường hợp có giao dịch chuyển nhượng nhưng giá đất chuyển nhượng ghi trong hợp đồng chuyển nhượng thường thấp hơn giá đất trong bảng giá đất, trong khi phỏng vấn bên bán hoặc bên mua thì người dân không cung cấp thông tin mức giá thực tế đã giao dịch chuyển nhượng (vì sợ rằng nếu cung cấp thông tin đúng theo giá đã giao dịch chuyển nhượng sẽ bị truy thu thuế mặc dù đã

được giải thích việc cung cấp thông tin chuyển nhượng ở đây chỉ để phục vụ cho công tác xác định giá đất cụ thể theo giá đất thị trường không liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính trước đây), chính vì vậy mà giá đất thu thập được cũng chưa phản ánh đúng giá đất thị trường.

*m) Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.*

Trên cơ sở quy định của Luật Đất đai và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật, quy định của UBND tỉnh, cùng với công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật đất đai, đến nay, trên địa bàn huyện Định Hóa, người sử dụng đất đã cơ bản thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Đất đai hiện hành, đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn các cấp (đặc biệt là cấp xã) thực hiện đăng ký đất đai, đăng ký biến động đất đai, xin gia hạn sử dụng đất... Tuy nhiên, quá trình thực hiện, do trình độ dân trí chưa đồng đều nên vẫn còn một bộ phận chưa thực sự quan tâm và thực hiện đăng ký biến động đất đai, chưa chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn để làm thủ tục đăng ký biến động đất đai.

Việc chấp hành các quy định pháp luật về đất đai của các tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng đất đã được UBND huyện chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND các xã, thị trấn thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý sử dụng đất của tổ chức, cá nhân trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, do vậy trong thời gian qua, đặc biệt là từ khi Luật Đất đai có hiệu lực thi hành đến nay các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn huyện cơ bản đều chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, nộp đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với nhà nước, sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới được giao, không có tình trạng lấn chiếm đất đai.

Trên địa bàn huyện, nhìn chung việc chấp hành và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của người sử dụng đất cơ bản đầy đủ, không xảy ra tình trạng nợ đọng tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất với Nhà nước.

*l) Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai.*

Trong giai đoạn 2019-2021, UBND huyện Định Hóa đã thành lập đoàn thanh tra để thực hiện thanh tra như: về việc quản lý, sử dụng đất của các cơ sở sản xuất, kinh doanh ngoài khu công nghiệp trên địa bàn các xã: Bảo Cường, Diềm Mặc, Bảo Linh, Trung Lương, Tân Thịnh và thị trấn Chợ Chu. Đoàn thanh tra đã có kết luận về công tác quản lý các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn các xã, thị trấn; kiểm tra để thực hiện kiểm tra công tác quản lý nhà nước về đất đai, môi trường và khoáng sản tại xã Diềm Mặc, xã Kim Phụng và một số cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện. Việc kiểm tra đã góp phần

chấn chỉnh công tác quản lý đất đai, môi trường và khoáng sản trên địa bàn huyện.

Việc công khai các tổ chức sử dụng đất đang có vi phạm pháp luật đất đai: Ngay sau khi có kết luận thanh tra, đã được chỉ đạo, triển khai, quán triệt thực hiện nghiêm túc, các giải pháp đã nêu trong kết luận thanh tra đối với các đơn vị có vi phạm tại trụ sở của đơn vị được thanh tra, kiểm tra. Đối với các kết luận thanh tra được công bố, công khai kết luận thanh tra, ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo đến các đơn vị có liên quan; đồng thời yêu cầu các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện, nghiêm túc kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, sai phạm.

*Những mặt đạt được:* Công tác thanh tra, kiểm tra: Trong những năm qua, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường được các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở quan tâm thực hiện, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong lĩnh vực đất đai cùng với hệ thống văn bản pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường ngày càng hoàn thiện, đầy đủ nên nhìn chung tình hình chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong các lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện cơ bản đảm bảo theo quy định, góp phần quan trọng cho phát triển kinh tế-xã hội. Công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện đã có những chuyển biến tích cực, từng bước đi vào nề nếp; việc sử dụng đất, tài nguyên nước, khoáng sản và bảo vệ môi trường ngày càng có hiệu quả, phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của huyện.

*\* Tồn tại, hạn chế:*

Công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng đối với các chính sách pháp luật về tài nguyên và môi trường chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục. Ý thức chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường của các doanh nghiệp và cá nhân chưa cao, còn mang tính đối phó. Trách nhiệm trong quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường ở một số địa phương chưa cao.

*p) Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai.*

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai luôn được Huyện uỷ, UBND huyện quan tâm chỉ đạo thực hiện, việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật được thực hiện nghiêm túc. Đội ngũ cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật không ngừng được củng cố và phát triển, quan tâm cập nhật kịp thời các văn bản pháp luật mới của ngành và quán triệt đến các cán bộ công chức, viên chức, người lao động ngành tài nguyên và môi trường, các doanh nghiệp và mọi tầng lớp nhân dân. Tham mưu kịp thời cho Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo triển khai các văn bản quy

phạm pháp luật mới ban hành; chỉ đạo rà soát, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật quy định các chính sách về đất đai, môi trường... phù hợp với Luật mới ban hành; chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức các hội nghị, các đợt tập huấn, phổ biến, giáo dục pháp luật; nội dung tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật luôn bám sát chương trình, kế hoạch và sự hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường. Các văn bản pháp luật về đất đai được tuyên truyền, phổ biến với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của đội ngũ cán bộ công chức ngành cũng như người dân, đưa công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn ngày càng đi vào nề nếp. Do đó, số lượng đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân và số vụ vi phạm pháp luật về lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh trong năm qua đã giảm so với năm trước.

Việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về lĩnh vực đất đai được thực hiện thường xuyên, liên tục dưới nhiều hình thức như: thông qua các lớp tập huấn chuyên môn, các buổi tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, qua các cuộc thanh tra, kiểm tra liên quan đến đất đai.

*q) Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai.*

Hàng năm, UBND huyện thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong lĩnh vực đất đai qua đó đã nâng cao ý thức chấp hành pháp luật đất đai đối với người quản lý, sử dụng đất trên địa bàn.

Trong giai đoạn 2019-2021 kết quả kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất; Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai như sau:

Số vụ việc vi phạm 123 trường hợp, với diện tích vi phạm là 3,19 ha đã được xử lý theo quy định của pháp luật.

Số vụ việc khiếu nại là 2 trường hợp, với diện tích 1.181,1 m<sup>2</sup>. Trong đó có 01 trường hợp đơn tập thể khiếu nại về công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư và 01 trường hợp về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Số trường hợp tranh chấp đất đai là 18 trường hợp, trong đó thuộc thẩm quyền của chủ tịch UBND huyện là 2 trường hợp; 16 trường hợp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

Trong quá trình thanh tra, kiểm tra đã phát hiện các trường hợp vi phạm trong sử dụng đất, chủ yếu là các trường hợp sử dụng đất sai mục đích. UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND xã, thị trấn xử phạt theo đúng quy định, đúng thẩm quyền, qua đó đã có tác dụng răn đe làm giảm các trường hợp vi phạm trong quản lý, sử dụng đất trên địa bàn huyện.

Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được quan tâm chỉ đạo và thực hiện thường xuyên. Thực hiện tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở Tiếp công dân huyện.

Tuy nhiên, đối với công tác kiểm tra, xử các hành vi vi phạm; công tác giải quyết đơn thư còn gặp một số vướng mắc như:

Nhiều vụ khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai ở địa bàn xa trung tâm đi lại khó khăn; việc xác minh đối với các đối tượng có liên quan đến việc khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai thường bị động, nhiều trường hợp phải đi lại nhiều lần mới xác minh được nội dung theo yêu cầu khách quan (cá biệt có trường hợp đương sự không hợp tác với cơ quan chuyên môn trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai); còn có vụ việc phức tạp nhưng quan điểm xử lý giữa cấp và các ngành chưa có sự thống nhất cao.

Nhu cầu sử dụng đất ngày một tăng, quỹ đất của địa phương ít, trình độ dân trí không đồng đều, việc am hiểu về pháp luật đất đai còn hạn chế, một số bộ phận nhỏ chưa hiểu rõ các quy định của Luật đất đai dẫn đến phát sinh các hành vi vi phạm về mục đích sử dụng đất. Diện tích đất sản xuất của các hộ gia đình nhỏ lẻ gây khó khăn trong công tác quản lý;

Sự phối hợp giữa cấp, ngành và các đoàn thể có nơi chưa chặt chẽ và thường xuyên do đó các khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết dứt điểm từ cơ sở, gây nên khiếu nại vượt cấp, kéo dài.

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo có nơi còn biểu hiện ngại khó khăn, ngại va chạm, không đối thoại với người khiếu nại tố cáo.

Việc lưu trữ hồ sơ đất đai qua các thời kỳ còn nhiều thiếu sót, các tài liệu pháp lý về nguồn gốc đất không đáp ứng được yêu cầu để giải quyết, chưa kịp thời cung cấp hồ sơ tài liệu có liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo... gây khó khăn trong việc xác định căn cứ để giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực tài nguyên môi trường.

#### *v) Quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai.*

Theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (được sửa đổi bởi Nghị định 01/2017/NĐ-CP), Văn phòng đăng ký đất đai là đơn vị sự nghiệp công trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc tổ chức lại trên cơ sở hợp nhất Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường hiện có ở địa phương.

Văn phòng đăng ký đất đai có chức năng thực hiện đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp được ủy quyền theo quy

định; xây dựng, quản lý, cập nhật, đo đạc, chỉnh lý thống nhất hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai; thống kê, kiểm kê đất đai; cung cấp thông tin đất đai theo quy định cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và thực hiện các dịch vụ khác trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ phù hợp với năng lực theo quy định của pháp luật.

Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh tại huyện Định Hóa thực hiện hoạt động dịch vụ về đất đai trên địa bàn huyện.

## **4.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.**

### **4.2.1. Những mặt được**

Thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định, thông tư quy định, hướng dẫn cụ thể của Luật, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện trên địa bàn tỉnh, đồng thời tập huấn các văn bản quy phạm pháp luật đất đai được tổ chức kịp thời, các văn bản được tập huấn đầy đủ, đúng đối tượng; sau khi được tập huấn trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ ngành Tài nguyên và Môi trường đã được nâng lên đáng kể, đến nay cơ bản đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ chuyên môn.

Công tác tổ chức triển khai lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được chú trọng và thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 1, Điều 46, Luật Đất đai; theo trình tự, thủ tục thẩm định phê duyệt quy định tại Điều 9 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; theo quy trình quy định từ Điều 35 đến Điều 40 Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 187/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 21/01/2015. Việc lấy ý kiến nhân dân được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 43, Luật Đất đai.

Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đều được thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch so với quy hoạch sử dụng đất; đảm bảo thống nhất giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất so với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp trên; tính khả thi của các dự án công trình đạt chưa cao so với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện sau khi được phê duyệt đã thực hiện công bố công khai tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của huyện và thực hiện công bố công khai kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện sau khi được phê duyệt tại trụ sở cơ quan, trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện và tại trụ sở UBND cấp xã, theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Việc thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, việc tính thu nghĩa vụ tài chính và việc đăng ký cấp GCN sau giao đất, cho thuê

đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được tổ chức thực hiện theo đúng quy định, sau khi có Quyết định giao đất, cho thuê đất đã thực hiện luân chuyển thông tin địa chính sang cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Công tác tổ chức thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án đã đạt được những kết quả nhất định; UBND huyện đã phối hợp với các Sở, ngành liên quan và chỉ đạo UBND các xã, thị trấn giải quyết nhiều vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đưa ra các biện pháp, chỉ đạo nhằm giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đề xuất, giải pháp phù hợp đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư; hướng dẫn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bồi thường GPMB, quy định của pháp luật về đất đai; động viên các đoàn thể chính trị xã hội ở địa phương tích cực tham gia trong công tác GPMB, tạo được sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị và tầng lớp nhân dân; việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất được tiến hành công khai minh bạch, đúng quy định, tiến độ thực hiện bồi thường GPMB cơ bản đã đáp ứng theo kế hoạch đề ra và yêu cầu tiến độ của nhà đầu tư.

Công tác đo đạc thành lập, chỉnh lý bản đồ địa chính trong những năm qua có ý nghĩa rất quan trọng, là cơ sở để thực hiện công tác đăng ký, cấp GCNQSD đất, hoàn thiện hồ sơ địa chính và xây dựng CSDL địa chính trên địa bàn huyện. Hệ thống bản đồ địa chính đã thành lập cùng với hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính đã xây dựng góp phần đặc lực trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của huyện.

Bảng giá đất giai đoạn năm 2020-2024 trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn, sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp: Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích trong hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; tính thuế sử dụng đất; tính phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai; tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai.

Việc công khai các tổ chức sử dụng đất đang có vi phạm pháp luật đất đai ngay sau khi có kết luận thanh tra, đã được chỉ đạo, triển khai, quán triệt thực hiện nghiêm túc, các giải pháp đã nêu trong kết luận thanh tra đối với các đơn vị có vi phạm tại trụ sở của đơn vị được thanh tra, kiểm tra. Đối với các kết luận thanh tra được công bố, công khai kết luận thanh tra, ban hành các văn bản lãnh

đạo, chỉ đạo đến các đơn vị có liên quan; đồng thời yêu cầu các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện, nghiêm túc kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, sai phạm.

Công tác thanh tra, kiểm tra, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường được các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở quan tâm thực hiện, phòng Tài nguyên và Môi trường đã tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong lĩnh vực đất đai; ngoài ra cùng với hệ thống văn bản pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường ngày càng hoàn thiện, đầy đủ nên nhìn chung tình hình chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong các lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện cơ bản đảm bảo theo quy định, góp phần quan trọng cho phát triển kinh tế-xã hội. Công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Định Hóa đã có những chuyển biến tích cực, từng bước đi vào nền nếp; việc sử dụng đất, tài nguyên nước, khoáng sản và bảo vệ môi trường ngày càng có hiệu quả, phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của huyện.

#### **4.2.2. Những tồn tại**

Tuy đã đạt được những nội dung quan trọng trong quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện còn tồn tại như sau:

Do nguồn kinh phí còn hạn hẹp, huyện Định Hóa chưa thực hiện việc cắm mốc quy hoạch trên thực địa, đặc biệt là việc cắm mốc quy hoạch trên thực địa đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng cần bảo vệ.

Việc kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo việc đưa đất vào sử dụng kịp thời, đúng mục đích, đối với các chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt còn hạn chế.

Việc chuyển sang thuê đất đối với các tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất còn chậm.

Công tác kiểm tra hậu kiểm sau giao đất chưa thường xuyên, liên tục dẫn đến một số doanh nghiệp, đơn vị được nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đã tự ý cho đơn vị, doanh nghiệp khác thuê lại mặt bằng.

Ý thức chấp hành pháp luật của người dân chưa nghiêm: Mặc dù đã được chính quyền địa phương phổ biến, tuyên truyền, vận động khi công khai quy hoạch, công bố thu hồi đất, khi kiểm đếm nhưng vẫn còn một số hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất không chấp hành quy định về bồi thường như không hợp tác kê khai, không nhận tiền bồi thường, nhận tiền bồi thường nhưng không bàn giao mặt bằng.

Việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng tại một số địa phương còn chậm, nhất là các dự án thực hiện thu hồi đất chuyển tiếp qua nhiều năm nhưng chưa hoàn thành trong giai đoạn này cơ chế, chính sách về đất đai, bồi thường, hỗ trợ có nhiều thay đổi, do vậy ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân.

Công tác giải quyết quyền lợi của người bị thu hồi đất còn chậm (bố trí tái định cư, giải quyết đề nghị, kiến nghị của người bị thu hồi đất): Mặc dù đã có quy định bắt buộc phải có tái định cư trước khi thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng xong thực tế những năm qua trên địa bàn huyện các công trình, dự án thu hồi đất trên địa bàn huyện thực hiện đều có quy mô nhỏ nên không chủ động được trong xây dựng khu tái định cư trước khi thu hồi đất nên chủ yếu vận động các hộ gia đình, cá nhân tự tái định cư, chỉ có 02 công trình xây dựng khu tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở là dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn qua địa phận huyện Định Hóa và dự án xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Định Hóa.

Một số địa phương công tác quản lý đất đai, quản lý quy hoạch còn lỏng lẻo để xảy ra tình trạng tự ý chia tách đất, chuyển nhượng không làm thủ tục, xây dựng nhà, công trình trên đất nông nghiệp. Công tác lưu trữ, chỉnh lý biến động đất đai không đầy đủ, không được cập nhật thường xuyên dẫn đến khó khăn trong việc xác định tính pháp lý đất đai, tài sản gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường, hỗ trợ.

Công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng đối với các chính sách pháp luật về tài nguyên và môi trường chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục. Ý thức chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường của các doanh nghiệp và cá nhân chưa cao, còn mang tính đối phó.

Công tác giải quyết khiếu nại tố cáo và tranh chấp đất đai: Nhiều vụ khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai ở địa bàn xa trung tâm đi lại khó khăn; việc xác minh đối với các đối tượng có liên quan đến việc khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai thường bị động, nhiều trường hợp phải đi lại nhiều lần mới xác minh được nội dung theo yêu cầu khách quan (cá biệt có trường hợp đương sự không hợp tác với cơ quan chuyên môn trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai); còn có vụ việc phức tạp nhưng quan điểm xử lý giữa cấp và các ngành chưa có sự thống nhất cao.

Việc lưu trữ hồ sơ đất đai qua các thời kỳ còn nhiều thiếu sót, các tài liệu pháp lý về nguồn gốc đất không đáp ứng được yêu cầu để giải quyết, chưa kịp thời cung cấp hồ sơ tài liệu có liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo... gây khó

khẩn trong việc xác định căn cứ để giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực tài nguyên môi trường.

### **4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai.**

Qua thời gian thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong những giai đoạn vừa qua trên địa bàn huyện Định Hóa, trong điều kiện có nhiều thuận lợi cũng như không ít khó khăn, huyện Định Hóa đã thực hiện hoàn thành một số mục tiêu nhưng cũng còn một số mục tiêu chưa thực hiện được do các nguyên nhân cả chủ quan lẫn khách quan. Qua đó cũng rút ra một số bài học kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện đó là:

*Một là*, Bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, đồng thời tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, có tư duy sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm, nỗ lực lớn, quyết liệt hành động, coi trọng chất lượng và hiệu quả thực tế, kiên quyết khắc phục tư duy nhiệm kỳ, bệnh thành tích, bệnh hình thức, chú trọng tạo đột phá để phát triển; phát huy tính gương mẫu, quyết liệt của người đứng đầu gắn với phân công rõ trách nhiệm trong tập thể cấp ủy, lãnh đạo, quản lý.

*Hai là*, Bám sát chỉ đạo, tranh thủ tối đa sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung ương, của tỉnh Thái Nguyên; mạnh dạn đề xuất, xây dựng triển khai các mô hình mới, cách làm mới đột phá, phát triển. Đối với những nhiệm vụ khó hoặc chưa có trong tiền lệ cần chỉ đạo tuyên truyền sâu rộng, tổ chức thực hiện quyết liệt bằng cách làm bài bản, khoa học, triển khai đến cùng trên cơ sở bảo đảm hiệu quả, hiệu lực, tạo niềm tin cho cán bộ, đảng viên, nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp; đồng thời, thường xuyên rà soát, giám sát việc triển khai để kịp thời tháo gỡ, giải quyết hoặc chấn chỉnh.

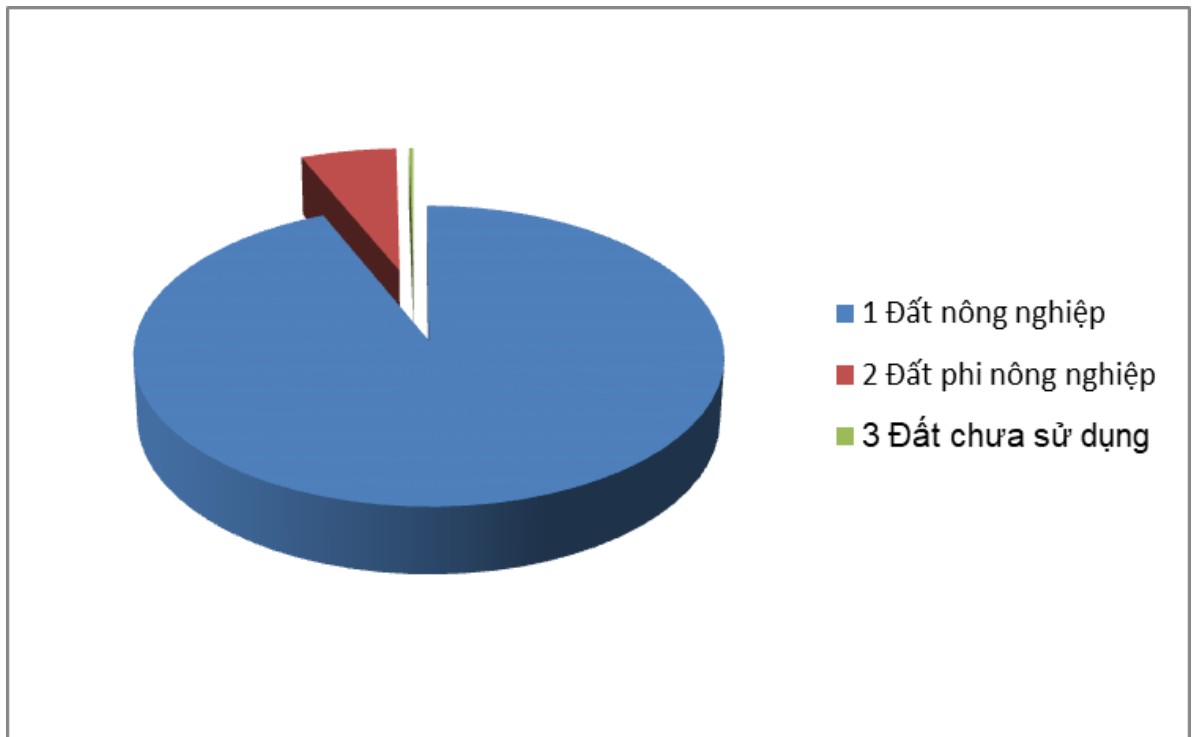
*Ba là*, Tập trung xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; thường xuyên đổi mới công tác cán bộ và tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Thường xuyên mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người, bảo đảm trong thực tế con người là chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển, chất lượng tăng trưởng.

*Bốn là*, Phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu. Phát huy tối đa và kết hợp chặt chẽ mọi nguồn lực trong xã hội để thực hiện đồng bộ ba đột phá chiến lược các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội nhanh, bền vững, trong đó chủ động tiết kiệm, sử dụng hiệu quả nguồn lực ngân sách và đẩy mạnh huy động các nguồn lực ngoài nhà nước cho đầu tư phát triển có trọng tâm, trọng điểm,

tập trung vào các khâu đột phá, các điểm nghẽn trên cơ sở phù hợp với các chiến lược, quy hoạch phát triển, bảo đảm tính kế thừa, tận dụng hiệu quả những thành tựu, kết quả đã có và coi trọng hiệu quả sau đầu tư.

*Năm là*, Bám sát thực tiễn, tăng cường công tác phân tích, dự báo, đánh giá và nhận diện đúng đắn đầy đủ, kịp thời tình hình để có những quyết sách và hành động nhanh chóng, quyết liệt, phù hợp, giữ sự ổn định, môi trường đầu tư kinh doanh tạo niềm tin cho người dân và doanh nghiệp; lựa chọn đúng chủ đề và nhiệm vụ của từng năm để tập trung lãnh đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm; gắn kết chặt chẽ các mục tiêu, nhiệm vụ cơ bản, lâu dài với lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ cấp bách, trước mắt, tạo tiền đề và điều kiện phát triển nhanh, toàn diện, bền vững.

#### 4.4. Phân tích, đánh giá bổ sung hiện trạng và biến động sử dụng đất.



Biểu đồ 1: Cơ cấu sử dụng đất năm 2020 huyện Định Hóa

##### 4.4.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất

Tổng diện tích đất tự nhiên của huyện theo kết quả thống kê đất đai năm 2020 là 51.377,45 ha. Diện tích đã đưa vào sử dụng đạt 99,72% trên tổng diện tích tự nhiên; diện tích chưa đưa vào sử dụng 147,94 ha, chiếm 0,29%, cụ thể như sau:

Bảng 1: Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Định Hóa

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>		<b>51.377,45</b>	<b>100,0</b>
1	Đất nông nghiệp	NNP	48.118,24	93,65
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.111,24	6,06
3	Đất chưa sử dụng	CSD	147,97	0,29

*Nguồn: Thống kê đất đai năm 2020 huyện Định Hóa và Số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2020 trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

#### 4.4.1.1 Đất nông nghiệp

Toàn huyện có 48.118,23 ha đất nông nghiệp chiếm 93,65% diện tích tự nhiên. Hiện đang sử dụng như sau:

Bảng 2: Diện tích, cơ cấu đất nông nghiệp

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>48.118,24</b>	<b>100,0</b>
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.364,05	11,15
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>4.126,54</i>	<i>8,58</i>
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	1.237,51	2,57
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	957,99	1,99
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5.062,04	10,52
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	9.039,03	18,79
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	5.420,09	11,26
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	21.122,15	43,90
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>5.409,88</i>	<i>11,24</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.152,88	2,40
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,02	

*\* Nguồn: Thống kê đất đai năm 2020 huyện Định Hóa và Số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2020 trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*a. Đất trồng lúa*

Diện tích đất trồng lúa có 5.364,05 ha, chiếm 11,15% đất nông nghiệp, hiện nay đất trồng lúa đã giao hết cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng, đất lúa nước chủ yếu trồng 2 vụ lúa, diện tích đất 2 vụ lúa (đất chuyên trồng lúa nước) có 4.126,54 ha, chiếm 76,93% đất trồng lúa, đất trồng lúa nước còn lại có 1.237,51 ha, chiếm 23,07% đất trồng lúa. Đất trồng lúa phân bố ở khắp các xã, thị trấn, xã có diện tích đất trồng lúa lớn nhất là xã Kim Phượng (389,23 ha), diện tích nhỏ nhất là thị trấn Chợ Chu (75,85 ha).

*b. Đất trồng cây hàng năm khác*

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác có 957,99 ha, chiếm 1,99% đất nông nghiệp, chủ yếu là đất đồi nương và đất bãi trồng ngô, rau màu và các loại cây ngắn ngày, phân bố rộng khắp tại các xã, thị trấn của huyện.

*c. Đất trồng cây lâu năm*

Diện tích đất trồng cây lâu năm có 5.062,04 ha, chiếm 10,52% đất nông nghiệp, chủ yếu trồng chè, phân bố rộng khắp trên địa bàn huyện, xã có diện tích nhiều nhất xã Diềm Mặc (511,55 ha), xã có diện tích nhỏ nhất xã Linh Thông (63,83 ha).

*d. Đất rừng phòng hộ*

Diện tích đất rừng phòng hộ có 9.039,03 ha, chiếm 18,78% đất nông nghiệp, phân bố ở các xã Quy Kỳ, Linh Thông, Lam Vỹ, Tân Thịnh, Bảo Linh.

*e. Đất rừng đặc dụng*

Diện tích 5.420,09ha, chiếm 11,26% đất nông nghiệp, được bảo vệ nghiêm ngặt nhằm bảo vệ các di tích lịch sử phân bố rộng trên địa bàn huyện, trong đó trong đó có trên 2.300 ha diện tích rừng đặc dụng gắn với các di tích lịch sử quan trọng tại 3 xã Phú Đình, Diềm Mặc và Bình Thành (khu vực trọng điểm về rừng đặc dụng của huyện Định Hóa) xã có diện tích lớn là xã Phú Đình (1.614,55 ha).

Hiện nay trên địa bàn huyện Định Hóa có khoảng gần 5.400 ha đất rừng đặc dụng đáp ứng được các tiêu chí về rừng đặc dụng.

*f. Đất rừng sản xuất*

Chiếm diện tích lớn nhất trong cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp, với diện tích 21.122,15 ha, chiếm 43,90% diện tích đất nông nghiệp phân bố khắp các xã trên địa bàn huyện, xã có diện tích đất rừng sản xuất lớn nhất là xã Tân Thịnh

(3.582,04ha), xã Quy Kỳ (2.005,34ha), xã Lam Vỹ (1.635,04ha), xã Bộc Nhiêu (2.060,75 ha).

*g. Đất nuôi trồng thủy sản*

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản có 1.152,88 ha, chiếm 2,40% đất nông nghiệp, phân bố ở khắp các xã, thị trấn trong huyện.

*4.4.1.2. Đất phi nông nghiệp*

Đất phi nông nghiệp huyện đến năm 2020 có 3.111,24 ha, chiếm 6,06% diện tích tự nhiên.

Bảng 3: Diện tích, cơ cấu đất phi nông nghiệp năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3.111,24</b>	<b>100</b>
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	25,71	0,83
2.2	Đất an ninh	CAN	0,55	0,02
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,07	0,03
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	38,39	1,23
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	7,64	0,25
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	3,89	0,13
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.395,47	44,85
	<i>Trong đó:</i>		-	
2.9.1	Đất giao thông	DGT	1.017,59	32,71
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	222,82	7,16
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	24,39	0,78
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,09	0,16
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	51,46	1,65
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	20,38	0,66
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	0,60	0,02
2.9.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,52	0,02
2.9.9	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,16	0,01
2.9.10	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa tang	NTD	44,82	1,44

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.9.11	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	
2.9.12	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	
2.9.13	Đất chợ	DCH	7,63	0,25
2.10	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	
2.11	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	16,10	0,52
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,94	0,16
2.13	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	7,82	0,25
2.14	Đất ở tại nông thôn	ONT	892,96	28,70
2.15	Đất ở tại đô thị	ODT	44,39	1,43
2.16	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,10	0,45
2.17	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,98	0,03
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,76	0,02
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	543,83	17,48
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	112,59	3,62
2.21	Đất phi nông nghiệp còn lại	PNK (a)	0,06	

\* Nguồn: Thống kê đất đai năm 2020 huyện Định Hóa và Số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2020 trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

*a. Đất quốc phòng:*

Diện tích 25,71 ha, chiếm 0,83% đất phi nông nghiệp, bao gồm đất của Ban chỉ huy quân sự huyện, doanh trại quân đội, các công trình quốc phòng... xã có diện tích quốc phòng lớn là xã Tân Dương (20,60 ha).

*b. Đất an ninh:*

Có 0,55 ha, chiếm 0,02% đất phi nông nghiệp, bao gồm đất trụ sở của công an huyện trên địa bàn thị trấn Chợ Chu.

*c. Đất Thương mại-dịch vụ:* Có 1,07 ha, trên địa bàn thị trấn Chợ Chu.

*d. Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp:*

Có 38,39 ha, chiếm 1,23% đất phi nông nghiệp, đây là đất xây dựng các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, tập trung ở thị trấn và dọc theo Quốc lộ 3C, xã có diện tích đất sản xuất kinh doanh lớn nhất là xã Phượng Tiến (33,25 ha), đây là cơ sở chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt cao sản chất lượng cao.

*e. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản*

Diện tích 7,64 ha, chiếm 0,25% đất phi nông nghiệp, tập trung ở xã Phú Tiến .

*f. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*

Diện tích 3,89 ha, chiếm 0,13% đất phi nông nghiệp, phân bố ở các xã, thị trấn (Bảo Cường 1,97 ha; Phượng Tiên 1,21 ha; Bình Yên 0,63 ha; Phúc Chu 0,08 ha).

*g. Đất phát triển hạ tầng:*

Diện tích 1.395,47 ha chiếm 44,85% đất phi nông nghiệp, bao gồm diện tích đất dùng vào xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (*như giao thông, thủy lợi, truyền dẫn năng lượng, bưu chính, viễn thông*); công trình hạ tầng xã hội (*văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo, thể dục - thể thao*); đất chợ; ....

*h. Đất có di tích, lịch sử văn hóa*

Diện tích đất có di tích, lịch sử văn hóa là 16,10 ha, chiếm 0,52% đất phi nông nghiệp, phân bố trên 23 xã, thị trấn, các di tích tiêu biểu như: Nhà tù Chợ Chu, di tích địa điểm thành lập Việt Nam Giải phóng quân, Địa điểm Bác ở và làm việc tại đồi Khau Tý năm 1947, Địa điểm Bác ở và làm việc tại đồi Tỉn Keo (1948 - 1954), Cụm di tích Bác ở Khuôn Tát, Địa điểm Tổng Bí thư Trường Chinh và Văn phòng Trung ương Đảng làm việc tại Phụng Hiền (1947 - 1949), Địa điểm Cơ quan Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam (1949 - 1954), Địa điểm thành lập Hội Nhà báo Việt Nam, Địa điểm đồi Pụ Đồn, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì lễ phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp (1948).....

*i. Đất bãi thải, xử lý chất thải*

Diện tích 4,94 ha, chiếm 0,16% đất phi nông nghiệp, là bãi rác để thu gom rác thải để xử lý chôn lấp, diện tích tập trung lớn tại thị trấn Chợ Chu và bãi rác tại một số xã.

*j. Đất cơ sở tôn giáo*

Diện tích 0,16 ha, chiếm 0,01% đất phi nông nghiệp, bao gồm chùa, nhà thờ là nơi hoạt động tín ngưỡng của nhân dân, là cơ sở để giữ gìn bản sắc văn hóa, lễ hội của địa phương.

*k. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*

Diện tích 44,82 ha chiếm 1,44% đất phi nông nghiệp, phân bố ở tất cả các xã, thị trấn trong huyện.

*l. Đất chợ*

Diện tích 7,63 ha, chiếm 0,25% đất phi nông nghiệp.

*m. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng*

Diện tích 7,82 ha, chiếm 0,25% đất phi nông nghiệp, bao gồm khu vui chơi, giải trí công cộng, tập trung ở xã Diêm Mặc (1,49 ha), Phú Đình (1,25 ha), Phượng Tiến (1,12 ha) và các xã ....

*n. Đất ở tại nông thôn:* có 892,96 ha, chiếm 28,70% đất phi nông nghiệp.

*o. Đất ở đô thị:* có 44,39 ha, chiếm 1,43% đất phi nông nghiệp, diện tích đất ở tại thị trấn chợ Chu.

*p. Đất xây dựng trụ sở cơ quan*

Có 14,10 ha, chiếm 0,45% đất phi nông nghiệp, bao gồm đất trụ sở của huyện uỷ, HĐND, UBND huyện và các xã, thị trấn, các ban ngành đoàn thể, cơ quan sự nghiệp tập trung chủ yếu ở thị trấn Chợ Chu và trung tâm các xã.

*r. Đất tín ngưỡng*

Diện tích 0,76 ha, chiếm 0,02% đất phi nông nghiệp, bao gồm công trình tín ngưỡng gồm đình, đền, miếu, từ đường, nhà thờ họ là nơi hoạt động tín ngưỡng của nhân dân.

*s. Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối*

Diện tích 543,83 ha, chiếm 17,48% đất phi nông nghiệp, là diện tích lưu vực của Hệ thống sông Chợ Chu và hệ thống sông Công, ngoài ra còn có rất nhiều suối trên địa bàn các xã.

*t. Đất có mặt nước chuyên dùng*

Diện tích 112,59 ha, chiếm 3,62% đất phi nông nghiệp, là những hồ đập cảnh quan, có mặt nước chuyên dùng vào sản xuất, sinh hoạt nhân dân, hệ thống các hồ lớn như: Hồ Bảo Linh, Hồ Khuân Nhà xã Quy Kỳ; Hồ Đồng Lá xã Diêm Mặc; Hồ Khuây Mạ xã Tân Thịnh; Hồ Đèo Phượng xã Linh Thông; Hồ Khuân Tát xã Phú Đình; Hồ Đèo Bụt xã Phượng Tiến; Hồ Bản Bắc xã Diêm Mặc, Hồ Láng Pháng xã Bình Thành ....

*u. Đất phi nông nghiệp còn lại:* Diện tích 0,06 ha.

**2.1.3. Đất chưa sử dụng**

Diện tích đất chưa sử dụng còn 147,97 ha, chiếm 0,29% tổng diện tích tự nhiên, quỹ đất chưa sử dụng còn chủ yếu là đất bằng chưa sử dụng và đất đồi núi chưa sử dụng, trong thời gian sẽ khai thác để đưa vào sử dụng với mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.

#### 4.4.1.4. Đất đô thị

Diện tích đất đô thị là 443,78 ha chiếm 0,86% diện tích tự nhiên của toàn huyện. Diện tích đất đô thị tập trung toàn bộ ở thị trấn Chợ Chu. Chỉ tiêu đất đô thị chi tiết như sau:

- Đất nông nghiệp là 301,82 ha, chiếm 68,01% diện tích đất đô thị;
- Đất phi nông nghiệp là 141,88 ha, chiếm 31,97% diện tích đất đô thị;
- Đất ở đô thị 44,47 ha, chiếm 10,02% diện tích đất đô thị.

#### 4.4.1.5. Đất khu dân cư nông thôn

Diện tích đất khu dân cư nông thôn là 2.359,0 ha chiếm 4,59% tổng diện tích tự nhiên của toàn huyện. Chỉ tiêu các loại đất như sau:

- Đất nông nghiệp: 1.485,0 ha, chiếm 62,95% khu dân cư nông thôn;
- Đất phi nông nghiệp: 874,01 ha, chiếm 37,05% khu dân cư nông thôn;

#### 4.4.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất

Theo số liệu kiểm kê ngày 01/01/2010 và số liệu thống kê đất đai đến ngày 31/12/2015, số liệu thống kê năm 2020, biến động sử dụng đất đai giai đoạn 2010 - 2020 như sau:

Bảng 4: Biến động diện tích các loại đất giai đoạn 2010 – 2020

Thứ tự	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Mã	Diện tích năm 2010 (ha)	Diện tích năm 2015 (ha)	Diện tích năm 2020 (ha)	Biến động giai đoạn 2010-2015	Biến động giai đoạn 2015-2020
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>		<b>51.351,39</b>	<b>51.350,53</b>	<b>51.377,45</b>	<b>-0,86</b>	<b>26,92</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>45.629,67</b>	<b>47.752,79</b>	<b>48.118,23</b>	<b>2.123,12</b>	<b>365,44</b>
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	11.142,89	12.128,48	11.384,10	985,59	-744,38
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	6.001,41	6.557,78	6.322,04	556,37	-235,74
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.295,95	5.587,84	5.364,05	291,89	-223,79
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	705,46	969,94	957,99	264,48	-11,95
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5.141,48	5.570,70	5.062,04	429,22	-508,66
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	33.595,19	34.366,86	35.581,23	771,67	1.214,37
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	20.262,64	18.163,51	21.122,15	-2.099,13	2.958,64
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	5.537,13	8.672,95	9.039,03	3.135,82	366,08
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	7.795,42	7.530,41	5.420,09	-265,01	-2.110,32
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	891,59	1.257,43	1.152,88	365,84	-104,55
1.4	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	0,02	0,02		
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>2.702,68</b>	<b>3.282,96</b>	<b>3.111,24</b>	<b>580,28</b>	<b>-171,72</b>
2.1	Đất ở	OCT	1.041,39	1.133,25	937,36	91,86	-195,89
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	983,97	1.087,44	892,96	103,47	-194,48

Thứ tự	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Mã	Diện tích năm 2010 (ha)	Diện tích năm 2015 (ha)	Diện tích năm 2020 (ha)	Biến động giai đoạn 2010-2015	Biến động giai đoạn 2015-2020
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	57,42	45,81	44,39	-11,61	-1,42
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	969,08	1.392,04	1.439,11	422,96	47,07
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,92	15,22	14,10	0,30	-1,12
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	49,26	20,29	25,71	-28,97	5,42
2.2.3	Đất an ninh	CAN	0,27	0,52	0,55	0,25	0,03
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	69,74		0,98	-69,74	0,98
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	16	39,45	38,39	23,45	-1,06
2.2.6	Đất có mục đích công cộng	CCC	818,89	1.316,54	1.359,37	497,65	42,83
2.3	Đất di tích danh thắng	DDT	33,89	10,43	16,10	-23,46	5,67
2.4	Đất xử lý, chôn lấp chất thải	DRA	6,17	5,36	4,94	-0,81	-0,42
2.5	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS		7,64	7,64	7,64	
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	6,94	2,8	3,89	-4,14	1,09
2.7	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,27	0,24	0,16	-0,03	-0,08
2.8	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,1	3,1	0,76	3,00	-2,34
2.9	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, NTL, NHT	NTD	59,46	43,79	44,82	-15,67	1,03
2.10	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	462,41	541,08	543,83	78,67	2,75
2.11	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	168,74	143,17	112,59	-25,57	-30,58
2.12	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,23	0,06	0,06	-1,17	
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>3.019,04</b>	<b>314,78</b>	<b>147,97</b>	<b>-2.704,26</b>	<b>-166,81</b>
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	74,73	214,14	136,40	139,41	-77,74
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	583,4	100,5	11,41	-482,90	-89,09
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	2.360,91	0,16	0,16	-2.360,75	

\* Nguồn: Kiểm kê đất đai năm 2010, thống kê đất đai năm 2015, thống kê đất đai năm 2020 huyện Định Hóa, hiện trạng sử dụng đất năm 2020 theo quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tổng diện tích tự nhiên theo thống kê đất đai đến 31/12/2015 có 51.350,53 ha, giảm 0,86 ha so với năm 2010, nguyên nhân giảm do các xã đo đạc bản đồ địa chính chính quy nên có sự biến động diện tích đất tự nhiên so với kiểm kê đất đai năm 2010; thống kê đất đai năm 2020, diện tích tự nhiên của huyện là 51.377,45 ha, tăng 26,92 ha so với năm 2015, số liệu tăng lên do biến động địa giới hành chính theo dự án “Hoàn thiện, hiện đại hoá hồ sơ, bản đồ địa

giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính các cấp” được phê duyệt theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Các loại đất có sự biến động như sau:

*a) Biến động đất nông nghiệp*

Năm 2020 toàn huyện có 48.118,23 ha, giai đoạn 2010-2015, tăng 2.123,12 ha so với năm 2010, nguyên nhân tăng do khai thác đất chưa sử dụng chuyển sang đất lâm nghiệp và do đo đạc lại bản đồ địa chính chính quy, ngoài ra do xác định lại tiêu chí về đất rừng đã chuyển một diện tích lớn đất núi đá có rừng chuyển sang đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất. Giai đoạn 2015-2020 tăng 365,44 ha. Cụ thể biến động từng loại đất trong đất nông nghiệp như sau:

*\*. Đất trồng lúa:*

Năm 2020 diện tích đất trồng lúa có 5.364,05, giai đoạn 2010-2015 diện tích đất lúa tăng 291,89 ha so với năm 2010; giai đoạn 2015-2019 đất trồng lúa giảm 223,79 ha. Nguyên nhân tăng, giảm như sau:

- Diện tích tăng trong giai đoạn 2010-2015 được chuyển từ đất các loại đất khác sang trồng lúa (trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản) và tăng khác do đo đạc bản đồ địa chính chính quy tại các xã.

- Diện tích giảm trong giai đoạn 2015-2020 do chuyển sang các loại đất khác (đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản và đất phi nông nghiệp).

*\*. Đất trồng cây hàng năm khác:*

Năm 2020 đất trồng cây hàng năm khác có 957,99 ha, giai đoạn 2010-2015 diện tích tăng 264,48 ha do chuyển từ đất trồng lúa và các loại đất khác sang; ngoài ra do tăng do đo đạc bản đồ địa chính chính quy tại các xã. Giai đoạn 2015-2020 diện tích giảm 11,95 ha do chuyển sang trồng cây lâu năm, đất phi nông nghiệp.

*\*. Đất trồng cây lâu năm:*

Năm 2020 đất trồng cây lâu năm có 5.062,06 ha, giai đoạn 2010- 2015 là tăng 429,22 ha, diện tích tăng trong kỳ do chuyển từ đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm, đất rừng sản xuất sang. Ngoài ra tăng do đo đạc bản đồ địa chính chính quy.

Giai đoạn 2015-2020 diện tích giảm 508,66 ha do chuyển sang rừng sản xuất, sang đất ở, đất có mục đích công cộng.

*\*. Đất rừng sản xuất:*

Năm 2020 đất rừng sản xuất có diện tích 21.122,12, giai đoạn 2015-2010 giảm 2.099,13 ha do năm 2014 thực hiện kiểm kê đất đai xác định giảm diện tích đất rừng sản xuất.

Giai đoạn 2015-2020 diện tích tăng 2.958,64 ha do thực hiện kiểm kê đất đai năm 2019 đã xác định tăng diện tích đất rừng sản xuất.

*\*. Đất rừng phòng hộ:*

Giai đoạn 2010 - 2015 tăng 3135,82 ha, thực hiện kiểm kê đất đai năm 2014, đã xác định tăng diện tích đất rừng phòng hộ để phù hợp với hiện trạng rừng.

Giai đoạn 2015-2020, thực hiện kiểm kê đất đai năm 2019, đã xác định tăng 366,08 ha rừng sản xuất theo hiện trạng sử dụng.

*\*. Đất rừng đặc dụng:*

Giai đoạn 2010-2015, thực hiện kiểm kê đất đai năm 2014 đã xác định diện tích rừng đặc dụng giảm 265,01 ha theo hiện trạng và mục đích khác

Giai đoạn 2015-2020 diện tích giảm 2.110,32 ha, thực hiện kiểm kê đất đai năm 2019 đã xác định giảm diện tích đất rừng đặc dụng.

*\*. Đất nuôi trồng thủy sản:*

Năm 2020 có diện tích 1.152,88 ha, giai đoạn 2010-2015 tăng 365,84 ha do chuyển từ các loại đất khác sang và do đo đạc bản đồ địa chính chính quy.

Giai đoạn 2015-2020 diện tích giảm 104,55 ha do chuyển sang đất trồng lúa, đất cây hàng năm, cây lâu năm và do kỳ kiểm kê trước xác định nhầm loại đất.

*b) Biến động đất phi nông nghiệp*

Năm 2020, diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện có 3.111,24 ha, giai đoạn 2010-2015 tăng 580,28 ha. Nguyên nhân tăng do đo đạc bản đồ địa chính chính quy và trong những năm qua thực hiện phát triển cơ sở hạ tầng, quy hoạch xây dựng nông thôn mới..., giai đoạn 2015-2020 đất phi nông nghiệp giảm 171,72 ha, chủ yếu do xác định lại diện tích đất ở nông thôn, cụ thể:

*Biến động đất ở tại nông thôn:* giai đoạn 2010-2015 đất ở tại nông thôn tăng 103,47 ha do chuyển từ các loại đất khác sang và do đo đạc bản địa chính chính quy các xã.

Giai đoạn 2015-2020 đất ở tại nông thôn giảm 195,89 ha chủ yếu do kỳ kiểm kê đất đai năm 2014 xác định nhầm mã loại đất, thực tế đất ở nông thôn tăng trong những năm vừa qua.

*\*. Biến động đất ở tại đô thị*

Năm 2020 diện tích đất ở đô thị của huyện có 44,39 ha, giai đoạn 2010-2015 giảm 11,61 ha so, Biến động tăng, giảm trong kỳ như sau:

- Đất ở tại đô thị tăng 1,26 ha, do chuyển từ đất trồng lúa sang 0,74 ha; chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang 0,42 ha, đất trồng cây lâu năm 0,03 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,02 ha.

- Đất ở tại đô thị giảm 12,88 ha, trong đó: giảm do chuyển sang đất cây lâu năm 0,14 ha, đất phát triển hạ tầng 0,01 ha, giảm khác 12,59 ha do đo đạc lại bản đồ địa chính chính quy.

Giai đoạn 2015-2020, đất ở tại đô thị giảm 1,42 ha, biến động như sau:

- Diện tích đất ở tại đô thị giảm do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng cây hàng năm khác 0,3ha; Đất trồng cây lâu năm 0,5ha; Đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,3ha; Đất có mục đích công cộng 0,8ha; Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,1ha;

- Diện tích đất ở đô thị tăng từ các loại đất sau chuyển sang: Đất trồng lúa 3,8ha; Đất trồng cây hàng năm khác 0,4ha; Đất trồng cây lâu năm 0,2ha; Đất rừng sản xuất 0,3ha; Đất nuôi trồng thủy sản 0,1ha.

*\*. Biến động đất xây dựng trụ sở cơ quan:*

Năm 2020 đất trụ sở cơ quan có diện tích 14,10 ha, giai đoạn 2010-2015 tăng 0,30 ha; giai đoạn 2015-2020 giảm 1,12 ha do chuyển sang đất công trình sự nghiệp.

*\*. Biến động đất quốc phòng:*

Năm 2020 đất quốc phòng có diện tích là 24,65, giai đoạn 2010-2015 giảm 28,97 ha, biến động tăng, giảm trong kỳ như sau:

- Diện tích tăng trong kỳ kiểm kê: 2,28 ha. Trong đó:

+ Tăng do chuyển từ các loại đất khác sang 1,90 ha.

+ Tăng khác: Diện tích 0,38 ha.

- Diện tích giảm trong kỳ kiểm kê: Giảm khác 31,23 ha.

Giai đoạn 2015-2020, diện tích đất quốc phòng tăng thêm 5,42 ha để xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện và các công trình quốc phòng khác.

*\*. Biến động đất an ninh:*

Năm 2020 đất an ninh có diện tích là 0,55 ha, giai đoạn 2010-2015 tăng 0,25 ha, giai đoạn 2015-2020 tăng 0,03 ha, để mở rộng trụ sở công an huyện.

*\*. Biến động đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:*

Năm 2020 diện tích đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp có diện tích là 38,39 ha, giai đoạn 2010-2015 tăng 23,45 ha; giai đoạn 2015-2020 giảm 1,06 ha.

*\*. Biến động đất có mục đích công cộng:*

Năm 2020 có diện tích 1.359,37 ha, giai đoạn 2010-2015 tăng 497,65 ha; giai đoạn 2015-2020 tăng 42,83 ha.

*\*. Biến động đất di tích danh thắng:*

Năm 2020 diện tích 16,10 ha, giai đoạn 2010-2015 giảm 23,46 ha do đo đạc xác định lại diện tích các khu di tích; giai đoạn 2015-2020 tăng 5,67 ha để quy hoạch các điểm di tích lịch sử.

*\*. Biến động đất xử lý, chôn lấp chất thải:*

Năm 2020 có diện tích 4,94 ha, giai đoạn 2010-2015 giảm 0,81 ha; giai đoạn 2015-2020 giảm 0,42 ha.

*\*. Biến động đất cho hoạt động khoáng sản:*

Năm 2020 có diện tích là 7,64 ha, giai đoạn 2010-2015 tăng 7,64; giai đoạn 2015-2020 không biến động.

*\*. Biến động đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm :*

Năm 2020 có diện tích 3,89 ha, giai đoạn 2010-2015 giảm 4,14 ha; giai đoạn 2015-2020 tăng 1,09 ha.

*\*. Biến động đất cơ sở tôn giáo:*

Năm 2020 có diện tích là 0,16 ha, giai đoạn 2010-2015 giảm 0,03 ha; giai đoạn 2015-2020 giảm 0,08 ha.

*\*. Biến động đất cơ sở tín ngưỡng:*

Năm 2020 có diện tích là 0,76 ha, giai đoạn 2010-2015 tăng 3,0 ha; giai đoạn 2015-2020 giảm 2,34 ha.

*\*. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:*

Năm 2020 có diện tích là 44,82 ha, giai đoạn 2010-2015 giảm 15,67 ha do đo đạc bản đồ địa chính quy các xã nên đã xác định chính xác lại diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa; giai đoạn 2015-2020 tăng 1,03 ha.

*\*. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:*

Năm 2020 có diện tích 543,83 ha, giai đoạn 2010-2015 tăng 78,67 ha, do đo đạc bản đồ địa chính quy các xã nên đã xác định chính xác lại diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối; giai đoạn 2015-2020 tăng 2,75 ha.

*\*. Đất có mặt nước chuyên dùng:*

Năm 2020 có diện tích là 112,59 ha, giai đoạn 2010-2015 giảm 25,57 ha do đo đạc bản đồ địa chính quy các xã; giai đoạn 2015-2020 giảm 30,58 ha do chuyển sang mục đích công cộng.

*\*. Đất phi nông nghiệp khác:*

Năm 2020 có diện tích là 0,06 ha, giai đoạn 2010-2015 giảm 1,17 ha; giai đoạn 2015-2020 không biến động.

*c) Biến động đất chưa sử dụng*

Năm 2020 diện tích đất chưa sử dụng còn 147,97 ha, giai đoạn 2010-2015 giảm 2.704,26 ha, nguyên nhân giảm do khai thác đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích trồng rừng, mục đích đất phi nông nghiệp, đo đạc lại bản đồ địa chính quy và bản đồ lâm nghiệp và thực hiện tiêu chí thống kê, kiểm kê nên đã chuyển diện tích đất núi đã có rừng cây sang thống kê 3 loại rừng.

Giai đoạn 2015-2020 đất chưa sử dụng giảm 166,81 ha để chuyển sang đất nông, lâm nghiệp.

## **V. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC**

Thực hiện Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu kỳ điều chỉnh quy hoạch của huyện Định Hóa, UBND huyện Định Hóa đã công khai quy hoạch và chỉ đạo các ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, UBND huyện tổ chức giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt nhằm đáp ứng nhu cầu đất đai cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện.

### 5.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

Kết quả thực hiện đến năm 2020 như sau:

- Nhóm đất nông nghiệp: Quy hoạch đến năm 2020 đất nông nghiệp giảm còn 47.438,24 ha, thực hiện đến năm 2020 là 48.118,23 ha, đạt 98,59% so với chỉ tiêu được duyệt;

- Nhóm đất phi nông nghiệp: Quy hoạch đến năm 2020 là 3.857,29 ha, thực hiện đến năm 2020 là 3.111,24 ha, đạt 80,66% so với chỉ tiêu được duyệt;

- Nhóm đất chưa sử dụng: Quy hoạch đến năm 2020 giảm còn 55,0 ha, thực hiện đến năm 2020 là 147,97 ha, đạt 37,17% so với chỉ tiêu được duyệt.

Bảng 5: Kết quả thực hiện chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
	<b>DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>51.350,53</b>	<b>51.377,45</b>	<b>26,92</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>47.438,24</b>	<b>48.118,23</b>	<b>679,99</b>	<b>98,59</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.337,0	5.364,05	27,05	99,50
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>4.060,0</i>	<i>4.126,54</i>	<i>66,54</i>	<i>98,39</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	978,0	957,99	- 20,02	97,95
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5.230,0	5.062,04	- 167,94	103,32
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	9.634,0	9.039,03	- 594,97	93,82
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	8.758,0	5.420,09	- 3337,91	61,89
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	16.176,0	21.122,15	4946,12	76,58
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.249,57	1.152,88	- 96,69	108,39
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	75,68	0,02	- 75,66	0,02
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3.857,29</b>	<b>3.111,24</b>	<b>- 746,05</b>	<b>80,66</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	92,02	25,71	- 66,31	27,94
2.2	Đất an ninh	CAN	9,0	0,55	- 8,45	6,10
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	20,00		- 20,00	
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	48,02	1,07	- 46,95	2,22
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	49,00	38,39	- 10,61	78,34

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	14,00	7,64	- 6,36	54,56
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.534,59	1.350,49	- 184,10	88,00
	<i>Trong đó:</i>					
	<i>Đất cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>	13,99	24,39	10,39	174,26
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	5,19	5,09	- 0,10	98,08
	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	<i>DGD</i>	58,05	51,46	- 6,59	88,65
	<i>Đất cơ sở thể dục-thể thao</i>	<i>DTT</i>	28,70	20,38	- 8,32	71,02
	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	9,90	7,63	- 2,27	77,10
2.8	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	13,00	16,10	3,10	123,81
2.9	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	20,00	4,94	- 15,06	24,69
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.135,00	892,96	- 242,04	78,67
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	61,00	44,39	- 16,60	72,78
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,61	14,10	- 4,51	75,75
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		0,98	0,98	
2.14	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,24	0,16	- 0,08	65,73
2.15	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	59,79	44,82	- 14,97	74,97
2.16	Đất sản xuất vật liệu xd, làm đồ gốm	SKX	7,80	3,89	- 3,91	49,87
2.17	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	16,70	-	- 16,70	-
2.18	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		7,82	7,82	
2.19	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,30	0,76	- 3,54	17,62
2.20	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	541,08	543,83	2,74	100,51
2.21	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	212,98	112,59	- 100,40	52,86
2.22	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,16	0,06	- 0,10	37,99
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>55,00</b>	<b>147,97</b>	<b>92,97</b>	<b>37,17</b>

Nhìn chung, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất đạt bình quân khoảng trên 80,0% so với các chỉ tiêu được duyệt. Về chi tiết, có 05 chỉ tiêu vượt chỉ tiêu được duyệt (Đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản; đất di tích lịch sử văn hóa, đất cơ sở văn hóa; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối), có 06 chỉ tiêu đạt từ 90% đến dưới 100% so với chỉ tiêu được duyệt (đất trồng lúa; đất trồng cây hàng năm khác; đất rừng phòng hộ; cơ sở y tế..), có 09 chỉ tiêu đạt từ 70% đến dưới 90% so với chỉ tiêu được duyệt (Đất rừng sản xuất; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; *Đất cơ sở giáo dục - đào tạo; Đất cơ sở thể dục-thể thao; Đất chợ*; Đất ở tại nông thôn; Đất xây dựng trụ sở cơ quan đất ở tại đô thị; đất nghĩa địa. Còn lại các chỉ tiêu đạt dưới 70% so với chỉ tiêu được duyệt.

### **5.1.1. Đất nông nghiệp**

Quy hoạch đến năm 2020 đất nông nghiệp giảm còn 47.438,24 ha, thực hiện đến năm 2020 là 48.118,23 ha, đạt 98,59%, trong đó:

- Đất trồng lúa quy hoạch đến năm 2020 giảm còn 5.337,00 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 được 5.364,05 ha, đạt 99,50%.
- Đất trồng cây hàng năm khác quy hoạch đến năm 2020 là 978,0 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 được 957,99 ha, đạt 97,95%.
- Đất trồng cây lâu năm quy hoạch đến năm 2020 là 5.230,0 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 được 5.062,04 ha, đạt 103,32%. Nguyên nhân do thực hiện kiểm kê đất đai năm 2019 chuyển một số diện tích đất trồng cây lâu năm sang rừng sản xuất, trước đây kỳ kiểm kê trước kiểm kê vào đất trồng cây lâu năm.
- Đất rừng phòng hộ quy hoạch đến năm 2020 là 9.634,0 ha, thực hiện đến năm 2020 được 9.039,03 ha, đạt 93,82%.
- Đất rừng đặc dụng quy hoạch đến năm 2020 là 8.758,0 ha, thực hiện đến năm 2020 được 5.420,09 ha, đạt 61,89%.
- Đất rừng sản xuất quy hoạch đến năm 2020 giảm còn 16.176,0 ha, thực hiện đến năm 2020 được 21.122,15 ha, đạt 76,58%.
- Đất nuôi trồng thủy sản quy hoạch đến năm 2020 là 1.249,57 ha, thực hiện đến năm 2020 được 1.152,88 ha, đạt 108,39%. Nguyên nhân do kỳ kiểm kê trước kiểm kê đất mặt nước chuyên dùng là nuôi trồng thủy sản, kiểm kê đất đai năm 2019 xác định lại mã loại đất là mặt nước chuyên dùng nên diện tích đất nuôi trồng thủy sản giảm.

- Đất nông nghiệp khác quy hoạch đến năm 2020 là 75,68 ha, thực hiện đến năm 2020 được 0,02 ha, đạt 0,02%. Nguyên nhân chưa thực hiện quy hoạch các khu chăn nuôi tập trung trên địa bàn các xã.

### **5.1.2. Đất phi nông nghiệp**

Trong giai đoạn 2011 - 2020, thực hiện những Quyết định quan trọng của Chính phủ (Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 6 tháng 8 năm 2013 phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng trung tâm ATK Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2013 - 2020; Quyết định số 67/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2011 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020; Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2011-2015 của huyện Định Hóa; Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu kỳ điều chỉnh quy hoạch của huyện Định Hóa; xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Mới-Chợ Chu...

Huyện có nhiều chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào địa bàn, tranh thủ các nguồn vốn đầu tư trong tỉnh và ngoài tỉnh, vốn của các cấp, các ngành và yêu cầu về đảm bảo quốc phòng, an ninh. Do đó hệ thống cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã được cải thiện đáng kể, đã làm cho các loại đất phi nông nghiệp (trừ các chỉ tiêu do thay đổi tiêu chí thống kê theo Thông tư 27/2018/TT-BTNMT) đều tăng so với năm 2015. Tuy nhiên, so với các chỉ tiêu được duyệt, tỷ lệ thực hiện vẫn chưa đạt yêu cầu, tính chung đất phi nông nghiệp mới đạt 80,66%; ... Cụ thể:

\*. Về chỉ tiêu sử dụng đất:

- Đất quốc phòng: quy hoạch đến năm 2020 là 92,02 ha, thực hiện đến năm 2020 được 25,71 ha, đạt 27,94% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất an ninh: quy hoạch đến năm 2020 là 9,0 ha, thực hiện đến năm 2020 được 0,55 ha, đạt 6,10% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất cụm công nghiệp chưa thực hiện so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất thương mại dịch vụ: quy hoạch đến năm 2020 là 48,02 ha, thực hiện đến năm 2020 được 1,07 ha, đạt 2,22% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: quy hoạch đến năm 2020 là 49,0 ha, thực hiện đến năm 2020 được 38,39 ha, đạt 78,34% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất cho hoạt động khoáng sản: quy hoạch đến năm 2020 là 14,0 ha, thực hiện đến năm 2020 được 7,64 ha, đạt 54,56% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: quy hoạch đến năm 2020 là 1.534,59 ha, thực hiện đến năm 2020 được 1.350,49 ha, đạt 88,0% so với chỉ tiêu được duyệt, trong đó:

+ Đất cơ sở văn hóa quy hoạch đến năm 2020 là 13,99 ha, thực hiện đến năm 2020 được 24,39 ha, đạt 174,26% so với chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân do thực hiện kiểm kê đất đai năm 2019, thống kê đất nhà văn hóa các xóm về chỉ tiêu đất cơ sở văn hóa, trước đây thống kê vào loại đất sinh hoạt cộng đồng.

+ Đất cơ sở y tế thực hiện: quy hoạch đến năm 2020 là 5,19 ha, thực hiện đến năm 2020 được 5,09 ha, đạt 98,08% so với chỉ tiêu được duyệt.

+ Đất cơ sở giáo dục - đào tạo: quy hoạch đến năm 2020 là 58,05 ha, thực hiện đến năm 2020 được 51,46 ha, đạt 88,65% so với chỉ tiêu được duyệt.

+ Đất cơ sở thể dục - thể thao: quy hoạch đến năm 2020 là 28,70 ha, thực hiện đến năm 2020 được 20,38 ha, đạt 71,02% so với chỉ tiêu được duyệt.

+ Đất chợ: quy hoạch đến năm 2020 là 9,90 ha, thực hiện đến năm 2020 được 7,63 ha, đạt 77,10% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất di tích lịch sử - văn hóa: quy hoạch đến năm 2020 là 13,0 ha, thực hiện đến năm 2020 được 16,10 ha, đạt 123,81% so với chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân do thực hiện kiểm kê xác định lại mã loại đất trước đây kiểm kê vào đất rừng do tiếp giáp các khu di tích lịch sử văn hóa.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải quy hoạch đến năm 2020 là 20,0 ha, thực hiện đến năm 2020 được 4,94 ha, đạt 24,69% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất ở tại nông thôn quy hoạch đến năm 2020 là 1.135,0 ha, thực hiện đến năm 2020 được 892,96 ha, đạt 78,67% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất ở tại đô thị quy hoạch đến năm 2020 là 61,0 ha, thực hiện đến năm 2020 được 44,39 ha, đạt 72,78% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan quy hoạch đến năm 2020 là 18,61 ha, thực hiện đến năm 2020 được 14,10 ha, đạt 75,75% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng quy hoạch đến năm 2020 là 59,79 ha, thực hiện đến năm 2020 được 44,82 ha, đạt 74,97% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm quy hoạch đến năm 2020 là 7,80 ha, thực hiện đến năm 2020 được 3,89 ha, đạt 49,87% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất tín ngưỡng quy hoạch đến năm 2020 là 4,30 ha, thực hiện đến năm 2020 được 0,76 ha, đạt 17,62% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối quy hoạch đến năm 2020 là 541,08 ha, thực hiện đến năm 2020 được 543,83 ha, đạt 100,51% so với chỉ tiêu được duyệt, do thực hiện kiểm kê đất đai năm 2019 xác định lại diện tích theo đúng số liệu đo đạc của bản đồ địa chính.

- Đất có mặt nước chuyên dùng quy hoạch đến năm 2020 là 212,98 ha, thực hiện đến năm 2020 được 112,59 ha, đạt 52,86% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất phi nông nghiệp khác quy hoạch đến năm 2020 là 0,16 ha, thực hiện đến năm 2020 được 0,06 ha, đạt 37,99% so với chỉ tiêu được duyệt.

### **5.1.3. Đất chưa sử dụng**

Quy hoạch đến năm 2020 đất chưa sử dụng giảm còn 55,0 ha, thực hiện đến năm 2020 là 147,97 ha, đạt 37,17% so với chỉ tiêu được duyệt.

## **5.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.**

### **5.2.1. Những mặt được**

*a) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã thực sự trở thành công cụ quan trọng để Nhà nước thống nhất quản lý về đất đai*

Công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng đi vào thực chất, góp phần tích cực cho việc sử dụng đất hợp lý và hiệu quả. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã trở thành một trong những căn cứ pháp lý quan trọng để Nhà nước thực hiện quyền định đoạt của mình về đất đai (thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, điều tiết thị trường đất đai,...).

Thông qua công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhận thức về vị trí, vai trò và ý thức chấp hành quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cấp chính quyền và người sử dụng đất được nâng lên; công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng đi vào thực chất; việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã tuân thủ các nguyên tắc, căn cứ, trình tự, nội dung mà pháp luật đất đai quy định; việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã cơ bản bám sát và tuân thủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; từng bước khắc phục được tình trạng giao đất, cho thuê đất trái thẩm quyền, không đúng đối tượng.

*b) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tạo sự chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu và tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động và đảm bảo quốc phòng, an ninh*

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã phân bổ nguồn lực đất đai cơ bản đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh. Thông qua quy hoạch sử dụng đất, cơ cấu sử dụng đất được chuyển đổi phù hợp với quá

trình chuyển dịch cơ cấu và tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển dịch kinh tế lao động từ nông nghiệp sang thương mại-dịch vụ, công nghiệp (so với năm 2015, cơ cấu nông, lâm nghiệp giảm từ 34,47% xuống 27,40%; thương mại-dịch vụ đạt 47,9% vào năm 2020). Đặc biệt đã tạo điều kiện thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nông nghiệp, nông thôn phù hợp với nền kinh tế thị trường.

Việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã tạo quỹ đất cho các ngành, lĩnh vực phát triển, thực hiện có kết quả những mục tiêu, nhiệm vụ trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện, góp phần khôi phục, bảo vệ và phát triển rừng, phát triển dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang và phát triển đô thị, phát triển xây dựng nông thôn mới.

*c) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất góp phần đẩy mạnh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới*

Đất dành cho phát triển các khu tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị, hình thành các vùng chuyên canh và xây dựng nông thôn mới tiếp tục được mở rộng đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

*d) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất góp phần tạo việc làm và giải quyết các vấn đề an sinh xã hội*

Việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là cơ sở để triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về đất đai, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho nhân dân.

Sự tham gia của người dân trong công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã từng bước phát huy được tính dân chủ, công khai, minh bạch, hạn chế được những tiêu cực trong công tác quản lý đất đai, góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội.

*đ) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai góp phần làm tăng giá trị của đất, đưa đất đai trở thành nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện*

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất góp phần phát triển ổn định, khai thác tốt hơn nguồn lực đất đai, làm cho việc sử dụng đất đai ngày càng tiết kiệm và đạt được hiệu quả cao. Kinh tế duy trì ở mức tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Công tác quy hoạch, thu hút đầu tư đã được chú trọng, tổng nguồn vốn đầu tư vào huyện tăng qua các năm

*e) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã góp phần đảm bảo mục tiêu an ninh lương thực, thực phẩm; nâng cao độ che phủ của rừng; cải tạo và bảo vệ đất, giảm suy thoái đất; bảo tồn sự đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường và phát*

*triển bền vững; giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu*

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã đóng góp tích cực và hiệu quả trong việc đảm bảo giữ diện tích đất lúa nhằm đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm; khôi phục và bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng, rừng khoanh nuôi tái sinh, rừng trồng kinh tế, nâng độ che phủ của rừng từ 56,0% năm 2015 lên 59,92% năm 2020. Việc giao đất, giao rừng đã ngăn chặn được tình trạng suy thoái rừng nghiêm trọng. Diện tích đất chưa sử dụng từng bước được khai thác đưa vào sử dụng một cách hợp lý, vừa đảm bảo yêu cầu cân bằng hệ sinh thái và bảo vệ môi trường, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; vừa đáp ứng khả năng mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất phi nông nghiệp theo yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của huyện.

### **5.2.2. Những mặt tồn tại**

Sau 5 năm thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có một số tồn tại như sau:

Chất lượng quy hoạch, kế hoạch còn hạn chế, dự báo nhu cầu sử dụng đất chưa có độ chính xác cao, dự báo chưa chuyển tải yêu cầu của thị trường. Vì vậy trong thời gian qua phải điều chỉnh bổ sung.

Công tác quản lý quy hoạch sau khi được xét duyệt chưa được quan tâm đầy đủ, một vài nơi trong huyện người dân tự ý chuyển mục đích sử dụng đất không theo quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt nhưng chưa được xử lý theo quy định.

Nhiều công trình quy hoạch rất cần thiết, có lộ trình thực hiện và phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhưng do ngân sách không bảo đảm, bị động về nguồn vốn đầu tư nên khi triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra, nhất là đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

Chưa xác định rõ nội dung, mối quan hệ giữa quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và quy hoạch của các ngành khác.

Một số chỉ tiêu đặt ra vượt quá khả năng cân đối nguồn lực: Các chỉ tiêu văn hoá xã hội (trường chuẩn quốc gia, thiết chế văn hoá, thông tin, thể thao đồng bộ,...), hạ tầng kinh tế (giao thông, đô thị, thủy lợi...), hạ tầng xã hội (y tế, giáo dục, dạy nghề, bãi xử lý chất thải).

Thực hiện các giải pháp đồng bộ cho thực hiện quy hoạch chưa thực sự hiệu quả, nhất là giải pháp huy động và sử dụng nguồn lực (vốn, đất đai, tài nguyên, con người,...), đầu tư dàn trải với số lượng dự án kéo dài quá lớn.

### **5.2.3. Nguyên nhân**

Nhìn chung kết quả thực hiện đến năm 2020 đúng theo xu hướng quy hoạch sử dụng đất đến 2020, tuy nhiên vẫn còn một số chỉ tiêu sử dụng đất chưa

đạt chỉ tiêu đã đề ra do các nguyên nhân chính như sau:

Quy hoạch có bố trí xây dựng các công trình hạ tầng nhưng không cân nhắc đầy đủ khả năng tài chính của địa phương để thực hiện; đội ngũ cán bộ làm công tác quy hoạch ở các cấp còn yếu về nghiệp vụ, thiếu kinh nghiệm và chưa có tính chuyên nghiệp. Công tác quản lý quy hoạch sau khi được phê duyệt tại địa phương còn hạn chế, dẫn đến tình trạng để dân lấn chiếm, tự chuyển mục đích sử dụng đất trái phép.

Nguồn vốn đầu tư vào xây dựng cơ bản của huyện phần lớn phụ thuộc vào ngân sách tỉnh, ngân sách trung ương, nên có phần bị động so với kế hoạch đề ra.

Định Hóa là huyện miền núi của tỉnh Thái Nguyên nên cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn. Vì vậy, trong quá trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020 các ban ngành mong muốn phát triển nhanh cơ sở hạ tầng nên đề xuất nhu cầu sử dụng đất của ngành mình vượt quá khả năng vốn đầu tư của huyện. Do đó, khi triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt gặp khó khăn về nguồn vốn đầu tư.

Tóm lại: Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau 5 năm thực hiện đã đạt được những kết quả tích cực: Tăng cường một bước hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai, khai thác tốt tiềm năng đất đai phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã khoanh định quỹ đất sản xuất nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; đáp ứng cơ bản nhu cầu đất để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển đô thị; đóng góp nguồn thu quan trọng cho ngân sách thông qua đấu giá, thu tiền khi giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; diện tích đất chưa sử dụng được khai thác đưa vào sử dụng hợp lý, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu cân bằng hệ sinh thái, bảo vệ môi trường.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vẫn còn một số hạn chế, bất cập. Chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn thấp; tính liên kết vùng chưa đạt yêu cầu, quản lý quy hoạch còn hạn chế; việc chấp hành pháp luật, kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch chưa nghiêm; công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa kịp thời.

#### **5.2.4. Những thách thức trong bố trí sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030**

- Điều kiện đất đai của huyện Định Hóa rất hạn chế với phần lớn diện tích là vùng đồi núi, bình quân diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên người thấp, trong khi dân số tiếp tục gia tăng; sự phân bố dân cư và các cơ sở kinh tế - xã hội tập trung ở vùng đất bằng đã tạo áp lực lớn trong sử dụng đất.

- Biến đổi khí hậu đã, đang và sẽ làm cho thiên tai, đặc biệt là bão, lũ, lụt,

hạn hán ngày càng gia tăng về cường độ, tần suất và quy mô ở nhiều nơi nên sẽ dẫn đến nguy cơ khan hiếm và thiếu hụt đất sản xuất nông nghiệp.

- Quá trình đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa tiếp tục đòi hỏi phải chuyển một phần diện tích đất nông nghiệp đặc biệt là đất trồng lúa ở các vùng đồng bằng để phát triển tiểu thủ công nghiệp, đô thị, cơ sở hạ tầng sẽ tạo ra mâu thuẫn giữa việc bảo đảm an ninh lương thực, bảo vệ môi trường sinh thái với việc phát triển kinh tế - xã hội.

- Trong cơ chế thị trường đất đai là một hàng hóa đặc biệt nếu không được quản lý chặt chẽ sẽ tiềm ẩn các nguy cơ phá vỡ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, làm ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phát triển bền vững.

- Do vậy với vai trò Tiểu vùng trọng tâm ATK, Định Hóa tập trung phát triển kinh tế - xã hội theo hướng Thương mại - dịch vụ; nông, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp xây dựng, nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế Tập trung phát triển du lịch và dịch vụ, khai thác du lịch về nguồn, nghỉ dưỡng, sinh thái, tâm linh,... Phát triển nông nghiệp chất lượng cao, kinh tế rừng, các cụm tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề truyền thống để thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó tập trung:

- Quản lý và sử dụng hiệu quả diện tích đất trồng lúa theo quy hoạch sử dụng đất; đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình thủy lợi, áp dụng tiên bộ kỹ thuật nâng cao năng suất cây trồng để tăng nhanh giá trị sản phẩm và hiệu quả sản xuất trên một ha đất nông nghiệp. Tăng cường quản lý chất lượng, xây dựng thương hiệu gạo bao thai và một số cây đặc sản của địa phương để phục vụ phát triển du lịch, nâng cao đời sống nhân dân;

- Phát triển lâm nghiệp theo hướng phục vụ công nghiệp chế biến các sản phẩm từ rừng gắn với bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, góp phần xóa đói, giảm nghèo, nâng cao sinh kế cho người dân, đặc biệt là các nhóm dân tộc ít người. Thực hiện bảo vệ nghiêm ngặt và duy trì ổn định diện đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; nâng cao chất lượng, hiệu quả rừng sản xuất; xây dựng cơ chế chính sách giao quyền cho người dân quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ để đảm bảo việc quản lý, khai thác hiệu quả nguồn lâm sản, dược liệu quý tại địa phương bảo đảm phát triển bền vững, góp phần nâng cao đời sống nhân dân trong vùng ATK.

- Bảo đảm môi trường sống ngày càng tốt hơn, theo hướng chủ động, ngăn ngừa, hạn chế tác động xấu đối với môi trường; kết hợp với xử lý ô nhiễm môi trường, khắc phục suy thoái, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên;

- Đẩy mạnh công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu gắn với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư kết cấu hạ tầng, quy hoạch bố trí dân cư; tăng cường công tác thẩm định điều kiện bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư, thực hiện có hiệu quả công tác giám sát

môi trường; tăng cường công tác truyền thông, nâng cao ý thức của người dân trong bảo vệ môi trường và phòng chống biến đổi khí hậu.

### **5.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ tới.**

Từ những kết quả đạt được và những tồn tại trong quá trình thực hiện quy hoạch kỳ trước, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho việc quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2021-2030 như sau:

- Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt coi trọng dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực, tính toán khoa học, sát với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Cân nhắc về hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững trong sử dụng đất, phát huy cao nhất tiềm năng đất đai. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành và các xã, thị trấn trong công tác lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Quy hoạch sử dụng đất cần phải đảm bảo tính đồng bộ, tính liên vùng và phát huy được thế mạnh của từng vùng để phát triển hài hòa của toàn khu vực.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cấp; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Cần có chính sách ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển các cụm công nghiệp, khu chăn nuôi tập trung, khu dân cư nông thôn, khu đô thị... ở những diện tích đất ít khả năng nông nghiệp.

## **PHẦN II: PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030**

### **I. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT**

Quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030 được lập theo quy định của Luật Đất đai và Luật Quy hoạch và Nghị Quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của giải thích một số điều của Luật Quy hoạch, trong đó cho phép các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh đã được sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến quy hoạch có thể lập đồng thời. Quy hoạch nào được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước. Sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn.

Để đáp ứng nhu cầu đất cho phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế-xã hội của huyện, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Thái Nguyên, UBND huyện Định Hóa đã triển khai lập Quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030 và được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt làm căn cứ lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm để triển khai thực hiện.

Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trên cơ sở đó UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2023 phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Để đảm bảo định hướng sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030 phù hợp với định hướng sử dụng đất trong Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cần thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030.

#### **1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.**

Khai thác tiềm năng, lợi thế, huy động mọi nguồn lực để phát triển công nghiệp, nông nghiệp, nông thôn, xây dựng đô thị gắn với phát triển du lịch, tập trung huy động, thu hút các nguồn lực đầu tư để phát triển các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp, dịch vụ, du lịch; đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; tập trung phát triển đô thị, phấn đấu đến năm 2025 thị trấn Chợ Chu cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV; thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, các chính sách an sinh xã hội, việc làm, giảm

nghèo và bảo vệ môi trường; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; xây dựng huyện Định Hóa phát triển nhanh, bền vững đạt chuẩn huyện nông thôn mới vào năm 2023.

Hỗ trợ phát triển sản xuất nông – lâm nghiệp theo hướng nông, lâm kết hợp bền vững, nhân rộng mô hình cánh rừng mẫu lớn, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa quy mô vừa và nhỏ; khai thác tốt thế mạnh các cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế cao ở địa phương như: gạo, chè, cây dược liệu, trồng rừng...

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng thương mại - dịch vụ - du lịch và công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm giải phóng sức lao động và nâng cao giá trị sản xuất trên 01 đơn vị diện tích đất canh tác nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế. Phát triển sản xuất gắn với sắp xếp ổn định dân cư, đẩy nhanh tốc độ xóa đói, giảm nghèo.

Tranh thủ sự giúp đỡ của trung ương, tỉnh, các nguồn tài trợ, tập trung đầu tư cho vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao hiệu quả sự nghiệp giáo dục, y tế. Phát triển kinh tế xã hội gắn với ổn định về an ninh, trật tự an toàn xã hội, xây dựng đường biên giới hoà bình hữu nghị, gắn phát triển kinh tế với các vấn đề văn hoá xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với bảo vệ môi trường sinh thái để đảm bảo sự phát triển bền vững và lâu dài.

Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở, đảm bảo đáp ứng được yêu cầu công việc; đồng thời tăng cường năng lực cho người dân và công đồng trong việc quản lý các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu được đầu tư, từng bước phát huy lợi thế về địa lý, khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

Trong những năm tới, tỉnh Thái Nguyên và huyện Định Hóa nói riêng đang trong giai đoạn phát triển nhanh với lợi thế nằm trong vùng Thủ đô Hà Nội và vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên-Tuyên Quang-Bắc Kạn với vị trí huyện Định Hóa thuộc tiểu vùng trọng tâm ATK sẽ thuận lợi trong phát triển kinh tế-xã hội.

Cơ cấu kinh tế của huyện trong những năm tới: Thương mại - dịch vụ; nông, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp xây dựng. Trong đó:

Phương hướng phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế-xã hội

\*. Ngành nông, lâm, thủy sản

Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn đi đôi với tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ, của Tỉnh. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 21/10/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2019-2025, định hướng đến

năm 2030; Đề án phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2030; tập trung chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản để mở rộng, hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện gắn với sản xuất an toàn, hữu cơ tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Tạo điều kiện và môi trường phát triển chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, đến năm 2025 có 12 doanh nghiệp, trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung (quy mô chiếm 50% tổng đàn); tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 15.000 tấn, thủy sản đạt 1.500 tấn. Cùng cố, phát triển và tạo điều kiện để các tổ hợp tác, hợp tác xã tham gia thực hiện các mô hình, dự án gắn với Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP). Phân đấu đến năm 2025 trên địa bàn huyện có 13 sản phẩm OCOP.

Tập trung thâm canh diện tích chè hiện có, hằng năm trồng mới và trồng thay thế 100 ha với các giống chè chất lượng cao, phân đấu đến năm 2025 tổng diện tích chè kinh doanh đạt 2.780 ha; tổng sản lượng chè búp tươi đạt trên 30.000 tấn. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp liên kết theo chuỗi sản phẩm đối với các làng nghề chè của huyện, xây dựng thương hiệu riêng cho sản phẩm trà Định Hóa.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; quan tâm chỉ đạo, mỗi năm trồng mới, trồng thay thế 1.000 ha rừng. Có phương án hỗ trợ để khuyến khích nhân dân trồng rừng quế và các loại cây dược liệu có giá trị kinh tế cao, phân đấu hằng năm trồng 500 ha quế trở lên để đến năm 2025 toàn huyện có 5.000 ha quế, cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến các sản phẩm từ cây quế. Thực hiện chuyển đổi từ trồng rừng gỗ nhỏ sang trồng cây gỗ lớn nhằm tăng hiệu quả kinh tế, phân đấu đến năm 2025 đạt trên 1.100 ha, trong đó có 100 ha rừng trồng gỗ lớn được cấp chứng chỉ rừng.

**\*. *Ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng***

Tập trung lập quy hoạch, bổ sung quy hoạch các cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung, khu thương mại... để thu hút đầu tư; xây dựng và đề xuất các cơ chế ưu đãi đặc thù báo cáo, xin ý kiến của tỉnh để mời gọi các nhà đầu tư đến sản xuất kinh doanh tại huyện, đặc biệt là các lĩnh vực may mặc, chăn nuôi công nghệ cao, chế biến nông, lâm sản, chế biến các sản phẩm từ cây quế, sản xuất vật liệu xây dựng...hoàn thành xây dựng cụm công nghiệp Tân Dương, tiếp tục kêu gọi đầu tư vào cụm công nghiệp Kim Sơn.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Nhà nước và vận dụng linh hoạt vào tình hình thực tế của địa phương để khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, làng nghề, hợp tác xã mở rộng đầu tư

sản xuất kinh doanh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động mạng lưới dịch vụ, thương mại trên địa bàn, nhất là hệ thống chợ; hỗ trợ khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho phát triển công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

Tăng cường công tác quản lý thị trường, thường xuyên kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại, tạo thị trường hàng hóa lưu thông ổn định phục vụ nhu cầu của nhân dân và thúc đẩy kinh tế phát triển.

**\*. Ngành kinh tế dịch vụ-thương mại**

Khai thác có hiệu quả các tiềm năng của huyện vào phát triển dịch vụ, du lịch, đặc biệt là huy động nguồn lực đầu tư các hạng mục trong quy hoạch khu du lịch lịch sử liên hoàn Chùa Hang - Nhà tù Chợ Chu - Hồ Bảo Linh. Xây dựng đề án phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa truyền thống các dân tộc huyện Định Hóa, giai đoạn 2021 - 2025. Nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ về lưu trú, khách sạn, nhà hàng và các sản phẩm du lịch có lợi thế. Phối hợp với Ban quản lý di tích lịch sử, sinh thái ATK Định Hóa xây dựng và khai thác tốt các tuyến du lịch về nguồn, du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp xanh trên địa bàn.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của mạng lưới dịch vụ, thương mại trên địa bàn. Tăng cường công tác quản lý thị trường, thường xuyên kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại, tạo thị trường hàng hóa lưu thông ổn định phục vụ nhu cầu của nhân dân và thúc đẩy kinh tế phát triển.

**1.2. Quan điểm sử dụng đất.**

Đất đai nằm trong nhóm tài nguyên hạn chế và vô cùng quý giá thuộc sở hữu toàn dân, nhưng lại là điều kiện không thể thiếu được trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, vì vậy việc sử dụng tốt tài nguyên đất đai không chỉ quyết định tương lai của nền kinh tế mà còn là sự đảm bảo cho mục tiêu ổn định chính trị, an ninh quốc phòng vững chắc. Xã hội ngày càng phát triển thì giá trị của đất đai sẽ càng cao và yêu cầu về sử dụng, khai thác đất càng đòi hỏi có hiệu quả kinh tế và xã hội cao hơn. Do vậy định hướng sử dụng đất của huyện phải đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, đầy đủ và có hiệu quả cao trên quan điểm cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Cùng với xu thế phát triển chung của cả nước, tương lai huyện Định Hóa sẽ có nền kinh tế khá phát triển. Đời sống của đại bộ phận nhân dân được cải thiện, về cơ bản nhu cầu ăn ở, đi lại và các mặt phúc lợi công cộng không ngừng được nâng cao. Môi trường sinh thái được cải thiện và được quan tâm bảo vệ tốt thì việc sử dụng đất đai cũng cần phải được tính toán theo một cơ sở nhất định, có tính định hướng lâu dài để đáp ứng được yêu cầu phát triển của xã hội.

Định hướng sử dụng đất được dựa trên cơ sở tiềm năng đất đai, các điều kiện tự nhiên, lợi thế của từng vùng và phương hướng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2030, nhằm kết hợp tốt quy hoạch phát triển của các ngành để đưa ra hướng sử dụng đất cho các mục đích và các tổ chức sử dụng theo các quan điểm sử dụng đất đã đề ra. Để khai thác triệt để, có hiệu quả quỹ đất đai của huyện, đặc biệt đối với diện tích đất chưa sử dụng cần phải khai thác sử dụng theo khả năng thích nghi để trong tương lai không còn diện tích đất bỏ hoang. Đối với đất đang sử dụng cần phải xem xét mức độ phù hợp để thay đổi cơ cấu để sử dụng hợp lý hơn, chu chuyển giữa các loại đất tùy theo sự thích nghi và mục đích, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội:

- Định Hóa là một huyện miền núi tỉnh Thái Nguyên có địa hình tương đối phức tạp, với phần lớn diện tích đất đai là đồi, núi đá, đất giành cho sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp và cho xây dựng cơ sở hạ tầng hạn chế, do vậy việc khai thác triệt để, có hiệu quả quỹ đất đai của huyện cho các mục đích trên là quan điểm được đặt lên hàng đầu. Từ nay đến năm 2030 cơ bản khai thác một phần quỹ đất chưa sử dụng có khả năng sử dụng để đưa vào sử dụng theo các mục đích thích hợp.

- Vấn đề bảo vệ, sử dụng đất đai hợp lý, chuyển đổi mục đích sử dụng góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi và sử dụng có hiệu quả kinh tế cao là nhiệm vụ quan trọng để đáp ứng cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội một cách ổn định lâu bền của huyện trong tương lai.

- Đối với huyện Định Hóa dân số sống ở khu vực nông thôn còn cao nên kinh tế nông - lâm nghiệp vẫn có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Vì vậy cần duy trì bảo vệ đất nông nghiệp, lâm nghiệp ổn định và tăng nhanh diện tích gieo trồng, từng bước nâng cao hệ số sử dụng đất. Bố trí hợp lý cơ cấu diện tích cây trồng, phát huy thế mạnh của từng vùng, từng bước ra khỏi thế sản xuất độc canh cây lúa, tạo bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp - nông thôn. Nhưng phải phù hợp với hệ sinh thái ở những vùng địa hình khác nhau, đảm bảo sự phát triển bền vững. Hạn chế tối đa việc lấy đất sản xuất nông nghiệp (đặc biệt là đất trồng lúa) sử dụng cho các mục đích khác. Có những biện pháp cụ thể, đồng bộ trong sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, khuyến khích khai hoang mở rộng diện tích, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, đầu tư thâm canh tăng vụ, nhằm giải quyết vững chắc nhu cầu lương thực, thực phẩm (đặc biệt là vùng cao, vùng còn nhiều khó khăn) để từng bước có tích lũy, tạo khối lượng sản phẩm hàng hoá cao phục vụ đời sống của nhân dân trong huyện.

- Rừng Định Hóa là một bộ phận đặc biệt quan trọng trong quần thể di tích lịch sử cách mạng ATK - Định Hóa do vậy, đầu tư bảo vệ và phát triển rừng là

một giải pháp quan trọng nhằm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Đồng thời quản lý, bảo vệ và phát triển ba loại rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất) gắn với việc bảo vệ, phục hồi, tôn tạo cảnh quan thiên nhiên, bảo vệ quần thể di tích lịch sử; bảo vệ đa dạng sinh học, tăng cường chức năng phòng hộ môi trường; cung cấp lâm sản cho nhu cầu tiêu dùng và công nghiệp chế biến; tạo thêm việc làm, góp phần nâng cao mức sống của đồng bào các dân tộc vùng “Thủ đô kháng chiến”; tăng cường giáo dục môi trường và giác ngộ lý tưởng cách mạng cho các thế hệ. Bảo vệ, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn rừng hiện có của huyện, tăng cường việc khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng, tăng độ che phủ của rừng để đến năm 2030 toàn huyện có độ che phủ của rừng đạt trên 60%.

- Trong khai thác sử dụng đất phải kết hợp giữa lợi ích lâu dài và lợi ích trước mắt, giữa phạm vi toàn huyện và cụ thể từng vùng, từng xã trong việc xây dựng các chương trình mục tiêu, các dự án kinh tế - xã hội.

- Gắn việc phát triển nông thôn với sự phát triển các đô thị (thị trấn, trung tâm cụm xã), thúc đẩy quá trình đô thị hoá tại chỗ, tạo điều kiện cho sản xuất hàng hoá và công nghiệp khai thác, chế biến; đặc biệt là khai thác khoáng sản, nguyên vật liệu xây dựng và chế biến nông lâm sản phục vụ cho sản xuất trong huyện, tỉnh và xuất khẩu.

- Ưu tiên đáp ứng đất đai cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phục vụ sản xuất và phục vụ đời sống văn hoá xã hội của nhân dân, góp phần đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của huyện.

- Sử dụng đất tiết kiệm, không ngừng bảo vệ, cải tạo, làm giàu đất, có mô hình canh tác hợp lý trên nền đất dốc, chống xói mòn, rửa trôi, thoái hoá đất. Điều chỉnh dần và tiến tới giải quyết dứt điểm những bất hợp lý trong sử dụng đất. Trong khai thác, sử dụng đất đặc biệt quan tâm tới việc bảo vệ môi trường đất để sử dụng ổn định lâu dài và bền vững.

### **1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng.**

- Huyện Định Hóa thuộc vùng du lịch phía Tây của tỉnh Thái Nguyên với vai trò là vùng chủ đạo phát triển các không gian dịch vụ du lịch, không gian bảo tồn di tích lịch sử cách mạng ATK và các vùng cảnh quan, sinh thái tự nhiên. Sản xuất nông lâm nghiệp theo hình thức kinh tế vườn đồi trang trại. Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản, khai thác vật liệu xây dựng. Là vùng sử dụng đất hạn chế, mật độ rất thấp. Do đó định hướng sử dụng đất theo khu chức năng trên địa bàn huyện đến năm 2030 sẽ tiếp tục được duy trì phát triển theo các khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu

năm (chè), khu vực rừng phòng hộ, khu vực rừng đặc dụng, khu vực rừng sản xuất... hiện có trên địa bàn huyện, cụ thể:

- Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm) có diện tích 11.639,63 ha, trong đó:

+ Khu vực chuyên trồng lúa nước: Với định hướng hình thành vùng trồng lúa hàng hóa chất lượng cao (lúa bao thai, lúa nếp cái hoa vàng và nếp vải...) diện tích 2.000 ha (1.500 ha lúa bao thai, 500 ha lúa nếp cái hoa vàng và nếp vải), tập trung đồng bộ tại các xã: Trung Lương, Tân Thịnh, Đồng Thịnh, Thanh Định, Phú Đình, Phượng Tiến, Bình Yên, Diềm Mặc, Kim Phượng, Trung Hội, Quy Kỳ, Định Biên, Bộc Nhiêu, Bảo Cường, Phúc Chu, Lam Vỹ.

+ Khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm (chè): Diện tích đến năm 2030 là 3.000 ha, phân bố ở 23 xã, thị trấn, trong đó tập trung nhiều ở xã: Sơn Phú, Bình Thành, Diềm Mặc, Phú Đình, Phú Tiến, Thanh Định, Bộc Nhiêu, Bình Yên...

- Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất) có diện tích: 33.364,12 ha, trong đó:

+ Khu vực rừng phòng hộ: Diện tích 9.957,66 ha, tập trung các xã vùng I của huyện: Quy kỳ, Lam Vỹ, Linh Thông, Tân Thịnh, Bảo Linh, Tân Dương... và các xã vùng II: Phúc Chu, Phượng Tiến...

+ Khu vực rừng đặc dụng: Diện tích 5.505,46 ha, tập trung các xã vùng III của huyện: Phú Đình, Thanh Định, Diềm Mặc, Bình Thành... và vùng I: Tân Dương, Tân Thịnh, Quy Kỳ, Lam Vỹ, Linh Thông, Bảo Linh... vùng II: Phượng Tiến, Thị trấn Chợ Chu...

+ Khu vực rừng sản xuất: Diện tích 17.901,0 ha phân bố các xã trên địa bàn huyện, tập trung nhiều các xã: Tân Thịnh, Bộc Nhiêu, Bình Thành, Phú Tiến, Lam Vỹ, Tân Dương, Quy Kỳ ...

Với đặc thù địa hình là huyện miền núi, để có hướng đầu tư chuyên sâu theo các đặc điểm sinh thái, căn cứ vào điều kiện địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu, điều kiện kinh tế - xã hội có thể phân chia huyện thành 3 tiểu vùng như sau:

- Tiểu vùng 1 (vùng phía Bắc gồm 7 xã): Linh Thông, Quy Kỳ, Lam Vỹ, Tân Thịnh, Bảo Linh, Kim Phượng và Tân Dương, với đặc điểm đặc trưng là núi cao, đất lâm nghiệp chiếm ưu thế do đó diện tích đất nông nghiệp ở đây phân tán.

- Tiểu vùng 2 (vùng trung tâm gồm 7 xã): Phúc Chu, TT Chợ Chu, Định Biên, Đồng Thịnh, Bảo Cường, Phượng Tiến, Trung Hội, với địa hình bằng phẳng, đất đai màu mỡ, đây là vùng sản xuất lúa trọng điểm của huyện. Có xen lẫn núi đá vôi.

- Tiểu vùng 3 (vùng phía Nam gồm 9 xã): Thanh Định, Bình Yên, Trung Lương, Diềm Mặc, Phú Tiến, Phú Đình, Sơn Phú, Bộc Nhiêu, Bình Thành, vùng này chủ yếu là đất đồi gò xen kẽ, là vùng trọng điểm phát triển cây công nghiệp.

Sự phân hóa theo không gian của các yếu tố tự nhiên và quá trình khai thác, phát triển kinh tế xã hội trong nhiều thập kỷ qua đã hình thành nên 3 vùng phát triển với những đặc điểm chính và định hướng sử dụng như sau:

a. Phạm vi và diện tích:

Vùng I: Linh Thông, Quy Kỳ, Lam Vỹ, Tân Thịnh, Bảo Linh, Kim Phượng và Tân Dương. Diện tích tự nhiên vùng I là 25.987,02 ha.

Vùng II: Phúc Chu, TT Chợ Chu, Định Biên, Đồng Thịnh, Bảo Cường, Phượng Tiến, Trung Hội. Diện tích tự nhiên vùng II là 8.045,91 ha.

Vùng III: Thanh Định, Bình Yên, Trung Lương, Diềm Mặc, Phú Tiến, Phú Đình, Sơn Phú, Bộc Nhiêu, Bình Thành. Diện tích tự nhiên vùng III là 17.344,51 ha.

b. Đặc điểm và định hướng sử dụng:

\* Vùng I:

Lợi thế nổi bật của vùng này là khí hậu tương đối ổn định, mát mẻ, có nhiều cảnh quan đẹp, diện tích rừng còn tương đối lớn.

Hạn chế rõ nét là đất dốc, không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và các công nghiệp. Hướng phát triển kinh tế là nông lâm nghiệp - dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp. Cần đặc biệt chú trọng công tác bảo vệ tài nguyên đất, rừng, cảnh quan. Nghiên cứu phát triển một số cây đặc sản như Ba Kích, Gừng đá, Quế, cây đinh lăng, dong riềng...

\* Vùng II:

Khí hậu khá ổn định, nắng nhiều, đất tốt, phù hợp với nhiều loại cây trồng, có nhiều cảnh quan ngoạn mục, nằm ở cửa ngõ của huyện, đầu mối giao lưu kinh tế xã hội.

Vùng có địa hình dốc thoải, một số địa phương tương đối bằng, đất đai màu mỡ là vựa lúa chính của huyện, có thể xây dựng thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa lớn. Hạn chế của vùng là thị trường chưa ổn định, công tác quảng bá các sản phẩm còn yếu, cơ sở hạ tầng phát triển chưa đồng bộ. Hướng phát triển kinh tế về lâu dài là công nghiệp - nông lâm nghiệp - dịch vụ và du lịch. Ưu tiên bố trí quỹ đất cho phát triển cơ sở hạ tầng, công nghiệp gắn với phát triển các đô thị.

Về sử dụng đất nông nghiệp: ổn định diện tích đất lúa, quy hoạch các vùng sản xuất rau, hoa tập trung.

Về sử dụng đất lâm nghiệp: bảo vệ và khôi phục rừng phòng hộ, chú trọng phát triển rừng sản xuất gắn với khai thác và chế biến lâm sản.

Cần đặc biệt chú trọng xây dựng hệ thống thủy lợi để chủ động tưới cho các loại cây trồng, kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với tôn tạo và làm đẹp cảnh quan, giữa phát triển nông-công nghiệp với các cụm du lịch.

\* Vùng III:

Có diện tích rừng tương đối lớn, có một số cảnh quan đẹp nằm trong quần thể du lịch Thái Nguyên, có khả năng mở rộng và phát triển vùng chè. Hạn chế rõ nét là nhiều khu vực có tầng đất rất mỏng, đất dễ bị xói mòn và rửa trôi. Hướng phát triển kinh tế về lâu dài là dịch vụ-nông lâm nghiệp công nghiệp. Ưu tiên bố trí quỹ đất cho phát triển công nghiệp gắn với phát triển đô thị.

Về nông nghiệp: Mở rộng thêm diện tích chè, cây ăn quả, nghiên cứu phát triển một số cây dược liệu và cây đặc sản.

Về lâm nghiệp: bảo vệ và khôi phục rừng phòng hộ, chú trọng phát triển rừng sản xuất gắn với khai thác và chế biến lâm sản.

Cần đặc biệt chú trọng công tác bảo vệ tài nguyên đất và rừng cho phát triển nông - lâm nghiệp.

- Khu du lịch: Tổng diện tích khu du lịch đến năm 2030 có 197,0 ha. Thực hiện chương trình phát triển du lịch của tỉnh Thái Nguyên với mục tiêu trở thành trung tâm du lịch của vùng Trung Đông Bắc, tỉnh Thái Nguyên xác định mục tiêu phát triển du lịch trong thời gian tới là du lịch văn hóa kết hợp với du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Định hướng đến năm 2030 phát triển các khu du lịch: đỉnh Thâm Bâ - Quy Kỳ; Khu hồ Bảo Linh; Khu Hồ Khuôn Tát - thác Bảy tầng xã Phú Đình; Khu du lịch cộng đồng bản Quyên; Khu Đồng Duyên - Phú Đình.

- Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Tổng diện tích 5.505,46ha, xác định Khu bảo vệ cảnh quan ATK Định Hóa.

- Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp): Tổng diện tích 50 ha (cụm công nghiệp Tân Dương 30 ha, cụm công nghiệp Kim Sơn 20 ha).

Cụm công nghiệp Tân Dương, định hướng các ngành, nghề: may mặc, chế biến nông, lâm sản, TP ngành nghề TTCN nông thôn, SX và KD hoá chất, sản xuất điện,...

Cụm công nghiệp Kim Sơn, định hướng các ngành, nghề: may mặc, chiết xuất tinh dầu quế, CB nông, lâm sản, TTCN nông thôn; SX và KD hoá chất, sản xuất điện,...

- Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới): Tổng diện tích 146,34 ha, gồm

khu phát triển đô thị tại thị trấn Chợ Chu và các khu phát triển mới đến năm 2030, theo định hướng phát triển thị trấn Chợ Chu thành đô thị loại IV.

- Khu thương mại, dịch vụ: Tổng diện tích 56,62 ha, bao gồm các khu thương mại dịch vụ tại thị trấn Chợ Chu, khu dịch vụ thương mại Thâm Bậy, hồ Bảo Linh, Thác Khuôn Tát...

Phát huy tiềm năng thuộc không gian du lịch phía Tây Bắc tỉnh Thái Nguyên xác định khu vực ATK - huyện Định Hoá thế mạnh: Du lịch về nguồn, du lịch trải nghiệm và du lịch sinh thái chè, tuyến du lịch kết nối Chùa Hang - Nhà tù Chợ Chu - Hồ Bảo Linh.

- Khu dân cư nông thôn: Tổng diện tích 2.379,66 ha, phân bố trên 22 xã, bao gồm 228 xóm.

## **II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

### **2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội**

Giai đoạn 2021-2030: Tốc độ tăng trưởng kinh tế phân đầu bình quân hàng năm tăng 13,5%/năm. Cơ cấu kinh tế: Thương mại - dịch vụ chiếm 51,1%; công nghiệp xây dựng chiếm 31,0%; nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 17,9%. Dự báo dân số huyện Định Hóa đến năm 2030 có 93.191 người, thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 80,5 triệu đồng, đến năm 2030 đạt 100,0 triệu đồng.

Huyện Định Hoá, huyện Phú Lương, huyện Đồng Hỷ, huyện Võ Nhai thuộc vùng Bắc Thái Nguyên được xác định trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là vùng trọng điểm về phát triển nông lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh với các sản phẩm chủ lực như: Chè, cây ăn quả (Na, nhãn, bưởi), sản phẩm thịt lợn, gà và trứng gà, sản phẩm gỗ, quế (Chủ yếu ở huyện Định Hóa). Phát triển rừng sản xuất gắn với chế biến. Phát triển rừng đặc dụng; quản lý phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn. Phát triển nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái cảnh quan, du lịch trải nghiệm nông nghiệp, du lịch tham quan rừng phòng hộ gắn với tham quan di tích lịch sử cách mạng và du lịch văn hóa cộng đồng.

#### **2.1.1. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế.**

##### **a) Khu vực kinh tế nông nghiệp**

Từng bước hình thành nền nông nghiệp hàng hóa phù hợp với nhu cầu thị trường. Phát triển lâm nghiệp gắn với việc bảo vệ quần thể di tích lịch sử, tăng cường chức năng phòng hộ môi trường mà trọng tâm là phục hồi cảnh quan, gắn kết chặt chẽ với việc sử dụng, khai thác hợp lý tài nguyên rừng và phát triển rừng góp phần nâng cao đời sống đồng bào dân tộc vùng thủ đô kháng chiến.

Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn đi đôi với tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ, của Tỉnh. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 21/10/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030; tập trung chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản để mở rộng, hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện gắn với sản xuất an toàn, hữu cơ tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Tạo điều kiện và môi trường phát triển chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, đến năm 2025 có 12 doanh nghiệp, trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung (quy mô chiếm 50% tổng đàn); tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 15.000 tấn, thủy sản đạt 1.500 tấn. Cùng cố, phát triển và tạo điều kiện để các tổ hợp tác, hợp tác xã tham gia thực hiện các mô hình, dự án gắn với Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP). Phân đầu đến năm 2025 trên địa bàn huyện có 13 sản phẩm OCOP.

Tập trung thâm canh diện tích chè hiện có, hằng năm trồng mới và trồng thay thế 100 ha với các giống chè chất lượng cao, phân đầu đến năm 2025 tổng diện tích chè kinh doanh đạt 2.780 ha; tổng sản lượng chè búp tươi đạt trên 30.000 tấn. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp liên kết theo chuỗi sản phẩm đối với các làng nghề chè của huyện, xây dựng thương hiệu riêng cho sản phẩm trà Định Hóa.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; quan tâm chỉ đạo, mỗi năm trồng mới, trồng thay thế 1.000 ha rừng. Có phương án hỗ trợ để khuyến khích nhân dân trồng rừng quế và các loại cây dược liệu có giá trị kinh tế cao, phân đầu hằng năm trồng 500 ha quế trở lên để đến năm 2025 toàn huyện có 5.000 ha quế, cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến các sản phẩm từ cây quế. Thực hiện chuyển đổi từ trồng rừng gỗ nhỏ sang trồng cây gỗ lớn nhằm tăng hiệu quả kinh tế, phân đầu đến năm 2025 đạt trên 1.100 ha, trong đó có 100 ha rừng trồng gỗ lớn được cấp chứng chỉ rừng.

Với mục tiêu đến năm 2030 cơ cấu kinh tế ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 17,9% tổng sản phẩm trong huyện, trong đó:

Tổng sản lượng lương thực có hạt đến năm 2025 đạt 46.000 tấn, trong đó riêng thóc đạt 43.160 tấn.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 4%/năm trở lên. Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất nông nghiệp trồng trọt đến năm 2025 đạt 105 triệu đồng.

*b) Khu vực kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng*

Tập trung lập quy hoạch, bổ sung quy hoạch các cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung, khu thương mại... để thu hút đầu tư; xây dựng và đề xuất các cơ chế ưu đãi đặc thù báo cáo, xin ý kiến của tỉnh để mời gọi các nhà đầu tư đến sản xuất kinh doanh tại huyện, đặc biệt là các lĩnh vực may mặc, chăn nuôi công nghệ cao, chế biến nông, lâm sản, chế biến các sản phẩm từ cây quế, sản xuất vật liệu xây dựng...

Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Nhà nước và vận dụng linh hoạt vào tình hình thực tế của địa phương để khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, làng nghề, hợp tác xã mở rộng đầu tư sản xuất kinh doanh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động mạng lưới dịch vụ, thương mại trên địa bàn, nhất là hệ thống chợ; hỗ trợ khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho phát triển công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

Mục tiêu đến năm 2030 cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chiếm 31,0% tổng sản phẩm trong huyện, Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân từ 10%/năm trở lên.

Cụm công nghiệp Tân Dương chế biến nông, may mặc, lâm sản, ngành nghề TTCN nông thôn, sản xuất và kinh doanh hoá chất, sản xuất điện,..., cụm công nghiệp Kim Sơn May mặc, chiết xuất tinh dầu quế, chế biến nông, lâm sản, tiểu thủ công nghiệp nông thôn; sản xuất và kinh doanh hoá chất, sản xuất điện...

#### *c) Khu vực kinh tế dịch vụ-thương mại*

Khai thác có hiệu quả các tiềm năng của huyện vào phát triển dịch vụ, du lịch, đặc biệt là khu du lịch ATK Phú Đình và khu du lịch Chùa Hang - di tích Nhà tù Chợ Chu - hồ Bảo Linh, gắn phát triển du lịch với nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ về lưu trú, khách sạn, nhà hàng và các sản phẩm du lịch có lợi thế. Phối hợp với Ban quản lý di tích lịch sử, sinh thái ATK Đình Hóa xây dựng và khai thác tốt các tuyến du lịch về nguồn, du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp xanh trên địa bàn.

Xây dựng đề án phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa truyền thống các dân tộc huyện Đình Hóa, giai đoạn 2021-2025.

Tăng cường công tác quản lý thị trường, thường xuyên kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại, tạo thị trường hàng hóa lưu thông ổn định phục vụ nhu cầu của nhân dân và thúc đẩy kinh tế phát triển.

Mục tiêu đến năm 2030 cơ cấu kinh tế ngành Thương mại - dịch vụ chiếm 51,10% tổng sản phẩm trong huyện.

### **2.1.2. Chỉ tiêu dân số, lao động, việc làm và thu nhập**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện các chính sách về dân số, kế hoạch hóa gia đình; thường xuyên kiện toàn tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác dân số, kết hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong quản lý dân số, phấn đấu ổn định mức phát triển dân số tự nhiên hàng năm. Dự báo dân số huyện Định Hóa đến năm 2030 có 93.191 người.

Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm 2% trở lên.

Giải quyết việc làm hàng năm trên 1.800 lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt 30%.

Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 100 triệu đồng.

### **2.1.3. Chỉ tiêu phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn**

#### **a) Phát triển đô thị**

\*. Quy hoạch xây dựng thị trấn Chợ Chu là trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của huyện Định Hóa; là cửa ngõ quan trọng của huyện giao lưu với thành phố Thái Nguyên và tỉnh Tuyên Quang.

Với vai trò vùng trung tâm ATK Định Hóa thuộc khu vực trọng điểm vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn (theo Quyết định 419/QĐ-TTg ngày 17 tháng 03 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn đến năm 2030) Thị trấn Chợ Chu xác định là đô thị du lịch, do đó:

Ưu tiên tập trung vào việc bảo tồn tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng như: nhà tù Chợ Chu, Chùa hang... Đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; Phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với công nghệ mới trong sản xuất để nâng cao hiệu quả lao động và sản phẩm.

Theo quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, dự kiến đến năm 2025 thị trấn Chợ Chu sẽ được mở rộng và nâng lên đô thị loại IV.

Phát triển mở rộng thị trấn hiện hữu bám theo trục đường quốc lộ 3C đi qua trung tâm thị trấn; mở rộng phát triển trục đường mới ở phía Tây thị trấn, đi song song với trục đường quốc lộ 3C hiện tại và phát triển bám theo trục đường Hồ Chí Minh đoạn qua thị trấn.

Hình thành các trung tâm về dịch vụ công cộng cung cấp các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa, vui chơi giải trí, tài chính, thông tin; trung tâm chuyển giao công nghệ, trung tâm quảng bá giới thiệu sản phẩm... các trung tâm này cần được bố trí tập trung, đảm bảo tiếp cận và sử dụng thuận lợi cho mọi người dân

trong vùng. Quản lý chặt chẽ về không gian kiến trúc, môi trường, hạn chế việc phát triển đô thị dọc các tuyến đường ảnh hưởng tới an toàn giao thông và hoạt động của thị trấn. Hình thành mạng lưới không gian xanh, công viên vui chơi giải trí tại các thị trấn.

Đất dân dụng đô thị: 100m<sup>2</sup>/người. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật tuân thủ quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

\*. Đô thị Bình Yên là đô thị chuyên ngành, chức năng đô thị dịch vụ.

Theo quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, xác định đô thị Bình Yên là đô thị chuyên ngành, chức năng đô thị dịch vụ, diện tích tự nhiên 1.268,56ha, Quy mô dân số đến năm 2025 đạt 5.451 người (chưa bao gồm dân số quy đổi).

Tính chất đô thị: Là trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, dịch vụ, du lịch, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện; Là trung tâm chuyên ngành về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế của một cụm liên xã. Đến năm 2030 là đô thị loại V. Hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đáp ứng tiêu chuẩn đô thị V.

Xây dựng không gian đô thị tập trung tại khu vực nút giao của 2 tuyến TL 264B và TL 264. Quỹ dự trữ phát triển đô thị bố trí ở khu vực phía Nam.

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng khu dân dụng đô thị đến năm 2025 khoảng 50,79 ha; đến năm 2030 là 54,51 ha (với chỉ tiêu đất dân dụng đô thị khoảng 100m<sup>2</sup>/người). Diện tích đất dân dụng trên chưa bao gồm phần diện tích đất tính theo dân số quy đổi đô thị và phần diện tích đất khu vực sắp xếp đơn vị hành chính, trong quá trình lập quy hoạch chung đô thị diện tích đất dân dụng sẽ được xác định cụ thể phải tuân thủ quy định pháp luật.

Định hướng phát triển hệ thống các đô thị theo quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030. Các đô thị trên địa bàn huyện Định Hóa được phân bố và phát triển như sau:

Dự kiến đến năm 2025 sẽ có 02 đô thị bao gồm thị trấn Chợ Chu sẽ được mở rộng và nâng lên đô thị loại IV và 01 đô thị mới là đô thị Bình Yên (đô thị loại V). Đến năm 2030, huyện Định Hóa có 02 đô thị đô thị Chợ Chu đô thị loại IV và đô thị Bình Yên (đô thị loại V) được hình thành.

#### *b) Khu dân cư nông thôn*

Hệ thống các khu dân cư nông thôn được bố trí trên cơ sở các định hướng về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế trên địa bàn huyện cũng như hiện trạng phân bố dân cư tại các xóm thuộc 22 xã.

Địa điểm xây dựng các khu dân cư nông thôn mới phải hạn chế tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, thuận tiện trong kết nối giao thông, phù hợp với tập quán sinh hoạt và sản xuất, đáp ứng yêu cầu theo các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

Các khu dân cư nông thôn huyện Định Hóa thuộc phạm vi vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn với Tính chất là vùng bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa lịch sử và di tích cách mạng gắn với việc giáo dục các truyền thống đấu tranh, yêu nước của dân tộc trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp; vùng phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp và hoạt động du lịch gắn với việc phát triển các khu dân cư theo hướng bền vững hướng tới một trung tâm du lịch sinh thái - văn hóa - lịch sử cấp quốc gia; Có vị trí quan trọng về an ninh - quốc phòng, do vậy quy hoạch phát triển khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Định Hóa theo hướng:

Phát triển mô hình tổ chức dân cư nông thôn gắn với phát triển kinh tế vườn rừng, dân cư với phát triển kinh tế vườn đồi, dân cư gắn với khu, cụm di tích,... Trong đó ưu tiên đầu tư phát triển dân cư trong vùng trọng điểm ATK, đồng bào dân tộc và trung tâm cụm xã.

Từng bước chuyển dịch nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa chất lượng cao, cung ứng các sản phẩm phục vụ cho nhu cầu của nhân dân. Bảo tồn được các giá trị cảnh quan, văn hóa lối sống và di sản, di tích trong vùng nông thôn. Khắc phục được các vấn đề môi trường trong nông thôn hiện nay.

- Các thôn, xóm phát triển theo mô hình nông thôn mới trên cơ sở bổ sung hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và cơ sở sản xuất theo mô hình nông thôn mới.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật kết nối thuận lợi từ các thôn, xóm tới các khu vực đô thị và các trung tâm dịch vụ.

- Phát triển các trung tâm dịch vụ, hỗ trợ sản xuất như chuyển giao công nghệ, thông tin, đào tạo nghề, tài chính, thu mua và quảng bá giới thiệu sản phẩm.

- Bảo vệ các không gian, cảnh quan, di tích tôn giáo tín ngưỡng, lịch sử văn hóa và các không gian có giá trị trong vùng nông thôn.

- Khắc phục triệt để các vấn đề gây ô nhiễm môi trường.

- Xây dựng các đề án phát triển riêng cho mỗi đối tượng làng xóm để có các quy định quản lý, ứng xử phù hợp.

Đến năm 2030, chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân phần đầu đạt khoảng 32,70m<sup>2</sup>/người.

- Đến năm 2030, quy mô dân số khu dân cư nông thôn huyện khoảng 80.128 người, chiếm tỷ lệ 85,98% dân số toàn huyện (việc phát triển mở rộng thị trấn Chợ Chu đạt tiêu chí đô thị loại IV và xã Bình Yên nâng lên đô thị loại V, dân số nông thôn khu vực mở rộng thị trấn Chợ Chu và xã Bình Yên sẽ được thống kê sang dân số đô thị).

#### **2.1.4. Chỉ tiêu phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội**

##### **a) Về giao thông**

Phương hướng phát triển giao thông của huyện đến năm 2030: Bám sát định hướng quy hoạch tỉnh Thái Nguyên để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông của huyện, đẩy mạnh huy động vốn đầu tư xây dựng cải tạo nâng, xây dựng mới hệ thống giao thông; Ưu tiên xây dựng và nâng cấp các tuyến trục giao thông phục vụ cho việc hình thành và phát triển nhanh các cụm công nghiệp..., các trục giao thông trọng yếu trên địa bàn huyện - nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển, từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội.

Phấn đấu đến năm 2030, hệ thống giao thông của huyện cơ bản đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Hoàn thành xây dựng mới đường Hồ Chí Minh giai đoạn 2;
- Nâng cấp mở rộng quốc lộ 3C, tỉnh lộ 264, 264B (Tuyến đường liên kết vùng kéo dài từ Khuôn Ngàn, Đại Từ lên ngã ba Bình Yên, Định Hóa);
- Đường huyện được nâng cấp mở rộng đạt cấp III-IV miền núi.
- Đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của bộ giao thông vận tải chiếm 100%;
- Các đường trục thôn, ngõ xóm sạch và không lầy lội.
- Bến xe khách: bến xe khách tại thị trấn Chợ Chu đạt tiêu chuẩn loại 4 trở lên. Đầu tư xây dựng công trình phục vụ: nhà chờ, phòng bán vé... tiếp tục xây dựng các điểm gửi xe công cộng tại khu vực đông dân cư trung tâm thị trấn Chợ Chu.

##### **b) Về cấp điện**

Tập trung phát triển mạng lưới điện cho trung tâm huyện lỵ; Ngoài ra, cần phát triển nâng cấp các mạng lưới điện, trạm biến áp, trung áp được phân bổ hợp lý thuận tiện cho việc cung cấp điện cho khu vực nông thôn. Cải tạo và nâng cao chất lượng hệ thống truyền tải điện. Quản lý, khai thác và sử dụng an toàn lưới điện, đảm bảo ổn định điện cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng, phấn đấu 100% các hộ dân được sử dụng điện, xây dựng trạm biến áp 110KV và hệ thống đường dây 110KV cấp điện riêng cho vùng Trung tâm ATK Định Hóa.

##### **c) Về công trình thủy lợi**

Để đáp ứng cho sản xuất nông nghiệp trên toàn huyện cần xây dựng mới, nâng cấp, bảo dưỡng các hệ thống kênh mương thủy lợi nhằm đảm bảo tiêu chuẩn cho sự phát triển bền vững. Sử dụng hiệu quả nguồn nước, đề xuất các giải pháp công trình và phi công trình cấp nước cho nông nghiệp, phòng chống lũ và giảm thiên tai. Đầu tư xây dựng hoàn thành 6 hồ chứa với dung tích từ 150.000m<sup>3</sup> đến 800.000m<sup>3</sup>; 18 công trình đập dâng và khoảng 100km kênh mương nội đồng. Cải tạo, nâng cấp hệ thống nước cấp thoát nước cho thị trấn Chợ Chu và xây dựng 07 công trình cấp nước sinh hoạt tại các xã của huyện;

*d) Hệ thống cấp nước, thoát nước, vệ sinh môi trường và xử lý chất thải*

*\*. Cấp nước:*

Thực hiện chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường. Tập trung đầu tư đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt cho dân cư, để đến năm 2030 đảm bảo 100% số dân cư thành thị được sử dụng nước sạch và 100% số dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn QCVN02 - 2009/BYT.

*\*. Về thoát nước, vệ sinh môi trường và xử lý chất thải:*

Thoát nước đô thị đã có hệ thống thoát nước chung sẽ cải tạo thành hệ thống thoát nước hỗn hợp. Xây dựng bổ sung các tuyến cống bao giếng tách thu gom nước thải về trạm xử lý tập trung. Đối với nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp được xử lý trước khi thải ra sông suối, hồ ao. Hạ tầng thoát nước tại các khu công nghiệp, các đô thị được xây dựng hoàn chỉnh theo hướng hiện đại, có các hệ thống thoát nước riêng cho nước mưa, nước thải. Khu vực dân cư nông thôn: Sử dụng hệ thống thoát nước chung. Xây dựng nhà vệ sinh hợp quy cách.

Môi trường được giữ vững, không còn tình trạng ô nhiễm ở các làng nghề. Đảm bảo 100% số dân cư thành thị được sử dụng nước sạch, 98% số dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Bảo tồn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được bảo tồn và tôn tạo.

Đẩy mạnh công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu gắn với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư kết cấu hạ tầng, quy hoạch bố trí dân cư; tăng cường công tác thẩm định điều kiện bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư, thực hiện có hiệu quả công tác giám sát môi trường; tăng cường công tác truyền thông, nâng cao ý thức của người dân trong bảo vệ môi trường và phòng chống biến đổi khí hậu.

Tiếp tục đầu tư khu xử lý rác thải rắn thị trấn Chợ Chu, quy hoạch hệ thống bãi chôn lấp rác thải, xử lý và các điểm thu gom rác thải các xã. Xây dựng và ban hành quy định việc bố trí, sử dụng kinh phí để vận hành hệ thống xử lý chất

thải ở các bệnh viện. Đầu tư xây dựng lò đốt chất thải y tế ở bệnh viện huyện để lập dự án và xây dựng lò đốt chất thải y tế nguy hại bệnh viện Định Hóa...

*e) Về thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông*

Đầu tư xây dựng, phát triển và hiện đại hoá hạ tầng thông tin liên lạc, hệ thống bưu cục, hệ thống viễn thông; phát triển các điểm phục vụ mới, nhất là các điểm gần các khu, cụm công nghiệp. Nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính, đặc biệt là các dịch vụ đảm bảo nhanh về thời gian như chuyển phát nhanh.

- Tăng cường phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông nhằm truyền tải các thông tin, văn hóa, kinh tế, xã hội đến cộng đồng dân cư nhanh chóng.

- Phát triển mạng lưới điện thoại tới các xã vùng sâu, vùng xa.

- Phát triển hạ tầng truyền thông, thông tin để phủ sóng di động đến tất cả các xã trong huyện.

*f) Về giáo dục, đào tạo*

Rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô lớp học hợp lý, thu gọn lại một số điểm trường lẻ trên nguyên tắc thuận lợi cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Đến năm 2030, có 100% số trường học đạt chuẩn quốc gia. Phấn đấu đến năm 2030 có ít nhất 30% số lao động đã qua đào tạo, 100% số xã, xóm có nhà văn hóa, 98% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, 98% số xóm đạt tiêu chuẩn xóm văn hóa.

*g) Về y tế*

Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, phát triển mạng lưới y tế cơ sở, xây dựng cơ sở vật chất các trạm y tế xã theo hướng đạt tiêu chí quốc gia; xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị Trung tâm Y tế Dự phòng và bệnh viện Đa khoa huyện Định Hóa đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm tính hệ thống và tính liên tục trong hoạt động chuyên môn từ tuyến xã đến tuyến huyện. Phát triển đào tạo thêm các chuyên khoa sâu và chuyên khoa lẻ ở bệnh viện Đa khoa huyện; đảm bảo 100% trẻ em trong độ tuổi được tiêm phòng các bệnh theo quy định của Bộ Y tế...

*h) Về văn hóa, thể dục thể thao*

Bảo tồn và phát huy các giá trị di tích lịch sử, văn hóa đã được xếp hạng, các bản sắc văn hóa dân tộc. Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin tuyên truyền. Đẩy mạnh phát triển các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao. Thực hiện có hiệu quả phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”; Chương trình hành động số 22-CTr/HU ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Huyện ủy Định Hóa về việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) về “*Xây dựng và phát triển văn hóa, con*

*người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*”. Bố trí nguồn ngân sách hàng năm và huy động thêm các nguồn xã hội hóa để xây dựng các thiết chế văn hóa ở cơ sở.

Phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng các cơ quan liên quan thực hiện tốt công tác sưu tầm lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xếp hạng các di tích quan trọng. Huy động các nguồn lực để bảo tồn, tôn tạo một số điểm di tích lịch sử cách mạng quan trọng trên địa bàn. Quan tâm đầu tư có các cơ chế hỗ trợ để duy trì, nâng cao và quảng bá di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của huyện đã được xếp hạng cấp Quốc gia năm 2015. Nâng cao chất lượng các chương trình truyền thanh, truyền hình nhằm cung cấp đầy đủ thông tin đến với nhân dân.

#### *i) Thương mại-dịch vụ*

Tạo bước phát triển quan trọng về chất lượng các loại hình dịch vụ, phục vụ có hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu đời sống nhân dân; Tạo bước phát triển quan trọng về chất lượng các loại hình dịch vụ, phục vụ có hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội.

Lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư bảo vệ tôn tạo di tích, giữ môi trường, cảnh quan trong các khu điểm du lịch. Xây dựng mạng lưới dịch vụ du lịch góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho nhân dân trong vùng căn cứ cách mạng;

Định hướng phát triển: Trong những năm tới cần phát triển mạnh hệ thống chợ trên cơ sở xây dựng mới, nâng cấp chợ, sửa chữa mở rộng các chợ hiện có, hình thành các chợ liên xã, đầu tư xây dựng chợ đầu mối nông sản.

#### *k) Quốc phòng, an ninh*

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý Nhà nước đối với công tác an ninh quốc phòng, vận động nhân dân phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, giữ gìn các địa bàn (*xã, thị trấn, huyện*) trong sạch, vững mạnh. Đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động phá hoại, gây rối. Luôn luôn nêu cao tinh thần cảnh giác chống “*diễn biến hòa bình*” của các thế lực thù địch. Chống tham nhũng, chống buôn lậu và gian lận thương mại, phòng chống ma túy, mại dâm, trộm cắp, cờ bạc... Xây dựng củng cố lực lượng: lực lượng công an, lực lượng bảo vệ các cơ quan, xí nghiệp, trường học, vững mạnh để hoàn thành tốt nhiệm vụ giữ vững an ninh - trật tự trong mọi tình huống, chú ý các địa bàn, lĩnh vực trọng điểm.

Xây dựng lực lượng quân sự địa phương, củng cố dân quân tự vệ đủ biên chế và có chất lượng, quản lý chặt chẽ lực lượng dự bị động viên, tăng cường huấn luyện diễn tập đạt hiệu quả, xây dựng thế trận quốc phòng vững chắc; Đẩy

manh phong trào toàn quân bảo vệ an ninh tổ quốc, thường xuyên chú trọng giáo dục kiến thức quốc phòng an ninh để có kế hoạch bồi dưỡng đào tạo trang bị hợp lý để xây dựng lực lượng nòng cốt vững mạnh đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

## 2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng

### 2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Trên cơ sở đó UBND tỉnh Thái Nguyên đã có Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2023 phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Trên cơ sở chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất phân bổ cho huyện Định Hóa, căn cứ vào nhu cầu sử dụng đất của các cấp, các ngành và địa phương phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030, huyện Định Hóa đã xác định, các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 như sau:

Bảng 6: Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020	Quy hoạch 2021-2030 (Phê duyệt theo Quyết định 2738/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên)	Diện tích phân bổ (theo Quyết định 578/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên)	Phương án Điều chỉnh đến năm 2030	So sánh Tăng (+)/Giảm (-)		
							Phương án điều chỉnh và hiện trạng	Phương án điều chỉnh và được duyệt	Phương án điều chỉnh và phân bổ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(7)-(4)	(9)=(7)-(5)	(10)=(7)-(6)
<b>1</b>	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>51.377,45</b>	<b>51.377,44</b>		<b>51.377,45</b>			
	Đất nông nghiệp	NNP	<b>48.118,24</b>	<b>46.619,56</b>	<b>47.118,84</b>	<b>47.118,84</b>	<b>-999,40</b>	<b>499,28</b>	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.364,05	4.902,29	5.090,22	5.090,22	-273,83	187,93	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	4.126,54	3.879,33	4.021,80	4.021,80	-104,74	142,47	
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	LUK	1.237,51	1.022,96		1.068,42	-169,09	45,46	1.068,42
	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	957,99	835,28		870,12	-87,86	34,84	870,12
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5.062,04	6.973,12	5.695,84	6.043,64	981,60	-929,48	347,80
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	9.039,03	9.458,29	9.957,66	9.957,66	918,63	499,37	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020	Quy hoạch 2021-2030 (Phê duyệt theo Quyết định 2738/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên)	Diện tích phân bổ (theo Quyết định 578/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên)	Phương án Điều chỉnh đến năm 2030	So sánh Tăng (+)/Giảm (-)		
							Phương án điều chỉnh và hiện trạng	Phương án điều chỉnh và được duyệt	Phương án điều chỉnh và phân bổ
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	5.420,09	6.005,46	5.505,46	5.505,46	85,37	-500,00	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	21.122,15	16.558,30	17.901,00	17.901,00	-3.221,15	1.342,70	
1.6	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>		5.409,88		3.073,10	3.073,10			
	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.152,88	1.103,24		1.139,23	-13,65	35,99	1.139,23
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,02	783,59		611,53	611,51	-172,06	611,53
1.8	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3.111,24</b>	<b>4.672,75</b>	<b>4.112,29</b>	<b>4.112,29</b>	<b>1.001,04</b>	<b>-560,47</b>	
<b>2</b>	<b>Đất quốc phòng</b>	<b>CQP</b>	<b>25,71</b>	<b>158,13</b>	<b>357,30</b>	<b>357,30</b>	<b>331,59</b>	<b>199,17</b>	
	Đất an ninh	CAN	0,55	14,21	14,21	14,21	13,66		
2.1	Đất khu công nghiệp	SKK							
2.2	Đất cụm công nghiệp	SKN		40,00	50,00	50,00	50,00	10,00	
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,07	63,56	56,62	56,62	55,55	-6,94	
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	38,39	89,96	56,45	56,45	18,06	-33,51	
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	7,64	49,40	7,64	7,64		-41,76	
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	3,89	37,81		44,14	40,25	6,33	44,14
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.416,50	1.980,90	1.639,61	1.639,61	223,11	-341,29	
2.9	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.017,59</i>	<i>1.286,52</i>	<i>1.154,25</i>	<i>1.154,25</i>	136,65	-132,28	
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>222,82</i>	<i>508,01</i>	<i>262,74</i>	<i>262,74</i>	39,92	-245,27	
2.9.1	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>24,39</i>	<i>34,99</i>	<i>29,65</i>	<i>29,65</i>	5,26	-5,34	
2.9.2	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>5,09</i>	<i>5,37</i>	<i>8,50</i>	<i>8,50</i>	3,41	3,13	
2.9.3	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>51,46</i>	<i>59,74</i>	<i>58,07</i>	<i>58,07</i>	6,61	-1,67	
2.9.4	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>20,38</i>	<i>39,06</i>	<i>29,13</i>	<i>29,13</i>	8,75	-9,93	
2.9.5	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>0,60</i>	<i>34,45</i>	<i>10,52</i>	<i>10,52</i>	9,93	-23,92	
2.9.6	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,52</i>	<i>1,44</i>	<i>20,44</i>	<i>20,44</i>	19,92	19,00	
2.9.7	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,16	0,16	1,09	1,09	0,93	0,93	
2.9.8	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ,	NTD	44,82	141,95	53,67	53,67	8,85	-88,28	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020	Quy hoạch 2021-2030 (Phê duyệt theo Quyết định 2738/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên)	Diện tích phân bổ (theo Quyết định 578/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên)	Phương án Điều chỉnh đến năm 2030	So sánh Tăng (+)/Giảm (-)		
							Phương án điều chỉnh và hiện trạng	Phương án điều chỉnh và được duyệt	Phương án điều chỉnh và phân bổ
	nhà hòa táng								
2.9.9	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH							
2.9.10	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH							
2.9.11	Đất chợ	DCH	7,63	11,33		11,55	3,92	0,22	11,55
2.10	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG							
2.11	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	16,10	215,23	167,87	167,87	151,77	-47,36	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,94	27,02	24,02	24,02	19,08	-3,00	
2.13	Đất danh lam thắng cảnh	DDL							
2.14	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH							
2.15	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	7,82			25,41	17,59	25,41	25,41
2.16	Đất ở tại nông thôn	ONT	892,96	1.001,61	951,86	951,86	58,90	-49,75	
2.17	Đất ở tại đô thị	ODT	44,39	155,52	58,54	58,54	14,14	-96,99	
2.18	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,10	26,98	15,05	15,05	0,95	-11,93	
2.19	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,98	0,98	0,98	0,98			
2.20	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG							
2.21	Đất tín ngưỡng	TIN	0,76	0,76		1,08	0,32	0,32	1,08
2.22	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	543,83	543,42		497,27	-46,56	-46,15	497,27
2.23	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	112,59	111,84		112,58	-0,01	0,74	112,58
<b>3</b>	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,06	0,06		31,67	31,61		31,67
3.1	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>147,97</b>	<b>85,13</b>	<b>146,32</b>	<b>146,32</b>	<b>-1,65</b>	<b>61,18</b>	
3.2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	136,40	77,51		135,20	-1,20	57,69	135,2
3.3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	<b>11,41</b>	<b>7,47</b>		10,96	-0,45	3,49	10,96
<b>1</b>	Núi đá không có rừng cây	NCS	<b>0,16</b>	<b>0,16</b>		0,16			0,16
<b>II</b>	<b>KHU CHỨC NĂNG</b>					-			
1	Đất khu công nghệ cao	KCN							

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020	Quy hoạch 2021-2030 (Phê duyệt theo Quyết định 2738/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên)	Diện tích phân bổ (theo Quyết định 578/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên)	Phương án Điều chỉnh đến năm 2030	So sánh Tăng (+)/Giảm (-)		
							Phương án điều chỉnh và hiện trạng	Phương án điều chỉnh và được duyệt	Phương án điều chỉnh và phân bổ
2	Đất khu kinh tế	KKT							
3	Đất đô thị	KDT			443,78	443,78			
4	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNN			11.639,63	11.639,63			
5	Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)	KLN			33.364,12	33.364,12			
6	Khu du lịch	KDL			197,00	197,00			
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT			5.505,46	5.505,46			
8	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC			50,00	50,00			
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC			146,34	146,34			
10	Khu thương mại, dịch vụ	KTM			56,62	56,62			
11	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV							
12	Khu dân cư nông thôn	DNT			2.379,66	2.379,66			
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON							

### 2.2.1.1. Đất nông nghiệp

\*. Đất nông nghiệp của huyện Định Hóa đến năm 2030 có 47.118,84 ha; bằng với chỉ tiêu tỉnh phân bổ và cao hơn 499,28 ha so với quy hoạch được duyệt, giảm 999,39 ha so với hiện trạng năm 2020, trong đó: đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất, đảm bảo chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ. Đất trồng cây lâu năm, cấp huyện xác định cao hơn 347,80 ha so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ, các loại đất còn lại như: đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác được xác định đảm bảo đủ nhu cầu sử dụng đất trong thời kỳ đến năm 2030.

### 2.2.1.2. Đất phi nông nghiệp

\* Đất phi nông nghiệp của huyện Định Hóa đến năm 2030 là 4.112,29 ha, bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ và giảm 560,47 ha so với quy hoạch được duyệt và tăng 1.001,04 ha so với hiện trạng năm 2020. Các loại đất: quốc phòng, an ninh, cụm công nghiệp, thương mại dịch vụ, cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, sử dụng cho hoạt động khoáng sản, giao thông, thủy lợi, văn hoá, y tế, giáo dục đào tạo, thể dục thể thao, năng lượng, bưu chính viễn thông, đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng, cơ sở tôn giáo, di tích lịch sử văn hoá, bãi thải xử lý chất thải, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất xây dựng trụ sở cơ quan ....xác định bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

Các loại đất còn lại không được phân bổ như: đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm, đất chợ, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, đất tín ngưỡng, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối, đất có mặt nước chuyên dùng, đất phi nông nghiệp khác huyện xác định đảm bảo đủ nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 theo quy định.

### 2.2.1.3. Đất chưa sử dụng

Đất chưa sử dụng năm 2030 còn 146,32 ha bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ và giảm 1,65 ha so với hiện trạng, diện tích đất chưa sử dụng chủ yếu diện tích đất ven sông suối, núi đá khó khai thác cho mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp.

## 2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030 căn cứ theo định hướng quy hoạch tỉnh Thái Nguyên và xuất phát từ tình hình phát triển kinh tế-xã hội huyện trong giai đoạn 2021-2030, nhu cầu sử dụng đất các ngành, trên cơ sở đó để quy hoạch phân bổ quỹ đất đáp ứng thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2021-2030.

Tài nguyên đất thuộc loại tài nguyên có nguồn cung cố định, do đó quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm đạt được mục tiêu ổn định chính trị, phát triển kinh tế và công bằng xã hội đồng thời tạo được hệ thống quản lý đất đai có thể chế hành chính chặt chẽ, thủ tục hành chính đơn giản và điều tiết hợp lý trong quan hệ đất đai.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là thể động tạo điều kiện cho việc phát triển kinh tế - xã hội, như vậy việc chuyển đổi mục đích sử dụng một số loại đất là vấn đề tất yếu như một phần quỹ đất nông nghiệp được chuyển sang mục đích phi nông nghiệp đáp ứng cho phát triển kinh tế - xã hội, mặt khác nội bộ đất nông nghiệp

cũng chuyển đổi cơ cấu hợp lý để thu được hiệu quả kinh tế cao trên đơn vị đất sản xuất để không ngừng nâng cao đời sống kinh tế - xã hội cho nhân dân.

Đối với huyện Định Hóa để đáp ứng yêu cầu và phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2021-2030 với các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Định Hóa lần thứ XXIV đề ra, cụ thể:

*a. Điều chỉnh quy hoạch đất nông nghiệp*

Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn đi đôi với tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ tại Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 25/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 và Đề án phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực của Tỉnh. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 21/10/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030; tập trung chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản để mở rộng, hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện gắn với sản xuất an toàn, hữu cơ tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Tạo điều kiện và môi trường phát triển chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, đến năm 2025 có 12 doanh nghiệp, trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung (quy mô chiếm 50% tổng đàn); tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 15.000 tấn, thủy sản đạt 1.500 tấn. Cùng cố, phát triển và tạo điều kiện để các tổ hợp tác, hợp tác xã tham gia thực hiện các mô hình, dự án gắn với Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP). Phấn đấu đến năm 2025 trên địa bàn huyện có 25 sản phẩm OCOP.

Tập trung thâm canh diện tích chè hiện có, hằng năm trồng mới và trồng thay thế 100 ha với các giống chè chất lượng cao, phấn đấu đến năm 2025 tổng diện tích chè kinh doanh đạt 2.780 ha; tổng sản lượng chè búp tươi đạt trên 30.000 tấn. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp liên kết theo chuỗi sản phẩm đối với các làng nghề chè của huyện, xây dựng thương hiệu riêng cho sản phẩm trà Định Hóa.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; quan tâm chỉ đạo, mỗi năm trồng mới, trồng thay thế 1.000 ha rừng. Có phương án hỗ trợ để khuyến khích nhân dân trồng rừng quế và các loại cây dược liệu có giá trị kinh tế cao, phấn đấu hằng năm trồng 500 ha quế trở lên để đến năm 2025 toàn huyện có 5.000 ha quế, đến năm 2030 có 10.000ha, cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến các sản phẩm từ cây quế. Thực hiện chuyển đổi từ trồng rừng gỗ nhỏ sang trồng cây gỗ lớn nhằm tăng hiệu quả kinh tế, phấn đấu đến năm 2025 đạt trên 1.100 ha, trong đó có 100 ha rừng trồng gỗ lớn được cấp chứng chỉ rừng.

Nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nói chung cũng như của ngành nông nghiệp nói riêng; trong giai đoạn 2020 - 2030 nhu cầu sử dụng đất trong toàn huyện của ngành nông, lâm nghiệp cần bố trí tăng thêm 1,65 ha sử dụng từ đất chưa sử dụng.

#### *b. Điều chỉnh quy hoạch đất phi nông nghiệp*

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu phát triển của các ngành, nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp đến năm 2030 tăng so với năm 2020 là 1.001,04 ha, gồm:

- Đất quốc phòng tăng	331,59 ha
- Đất an ninh tăng	13,66 ha
- Đất cụm công nghiệp tăng	50,0 ha
- Đất thương mại dịch vụ tăng	55,55 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng	18,06 ha
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	40,25 ha
- Đất phát triển hạ tầng tăng	244,14 ha
- Đất di tích lịch sử văn hoá tăng	151,77 ha
- Đất bãi thải, xử lý chất thải tăng	19,08 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng tăng	17,59 ha
- Đất ở tại nông thôn tăng	58,90 ha
- Đất ở tại đô thị tăng	14,14 ha
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp tăng	0,95 ha
- Đất tín ngưỡng tăng	0,32 ha
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm	46,56 ha
- Đất phi nông nghiệp khác tăng	31,61 ha

### **2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất**

#### *2.2.3.1. Quy hoạch đất nông nghiệp*

Phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất chất lượng, hiệu quả gắn với yêu cầu của thị trường. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng tạo ra các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh, thâm canh năng suất cao, chất lượng cao thông qua ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất, bảo quản chế biến. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, chú trọng phát triển cây vụ đông. Cây công nghiệp mũi nhọn là cây chè, quế. Tập trung phát triển sản xuất chăn nuôi. Tăng thu nhập trên 1 đơn vị diện tích đất canh tác. Triển khai thực hiện theo Đề án phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh

Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, huyện Định Hóa đã cụ thể hóa đề án tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn huyện Định Hóa.

Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp đến năm 2030 tăng thêm khoảng 1,65 ha, diện tích đất tăng thêm được sử dụng từ đất bằng chưa sử dụng và đồi núi chưa sử dụng, hiện nay quỹ đất chưa sử dụng còn khoảng 147,97 ha, tuy nhiên quỹ đất này khó khai thác vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp, do vậy việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, nâng cao hệ số sử dụng đất là rất cần thiết. Để đáp ứng mục tiêu phát triển của ngành nông lâm nghiệp trong giai đoạn 2021 - 2030 các loại đất nông nghiệp sẽ được đáp ứng đủ cả về số lượng và chất lượng đất đai, trong giai đoạn này đất nông nghiệp được bố trí sử dụng là 47.118,84 ha trong đó: Phần diện tích tăng thêm được sử dụng từ đất chưa sử dụng; chuyển nội bộ giữa các loại đất nông nghiệp và một phần diện tích đất nông nghiệp sẽ được chuyển sang sử dụng vào các mục đích phi nông nghiệp.

Đến năm 2030 tổng diện tích đất nông nghiệp của huyện là 47.118,84 ha, giảm so với năm 2020 là 999,39 ha, để chuyển sang mục đích đất phi nông nghiệp như đất cụm công nghiệp, đất phát triển hạ tầng, quốc phòng, an ninh,... trong đó. Diện tích đất nông nghiệp trong giai đoạn 2020 - 2030 được quy hoạch cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng 2020	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	So với hiện trạng
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>48.118,24</b>	<b>47.118,84</b>	<b>-999,40</b>
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	5.364,05	5.090,22	-273,83
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	4.126,54	4.021,80	-104,74
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	1.237,51	1.068,42	-169,09
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	957,99	870,12	-87,86
1.3	Đất trồng cây lâu năm	5.062,04	6.043,64	981,60
1.4	Đất rừng phòng hộ	9.039,03	9.957,66	918,63
1.5	Đất rừng đặc dụng	5.420,09	5.505,46	85,37
1.6	Đất rừng sản xuất	21.122,15	17.901,00	-3221,15
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	5.409,88	3.073,10	-2336,78
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	1.152,88	1.139,23	-13,65
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,02	611,53	611,51

*a. Quy hoạch đất trồng lúa:*

Thực hiện Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi một số điều Nghị định 35/2015/NĐ-CP, huyện xác định các công trình hạn chế lấy vào đất trồng lúa mà sử dụng từ các loại đất khác; trong đó:

- Diện tích đất trồng lúa được bảo vệ ổn định, giữ nguyên không thay đổi mục đích là 5.025,16 ha.

- Đồng thời để đáp ứng nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn,... Trong giai đoạn này diện tích đất trồng lúa giảm 273,83 ha (đất chuyên trồng lúa nước giảm 104,74 ha) để chuyển sang các mục đích khác; trong đó:

- Đất phi nông nghiệp : 187,55 ha.
- Sang đất cây lâu năm : 9,56 ha.
- Sang đất nuôi trồng thủy sản : 4,12 ha.
- Sang đất nông nghiệp khác : 72,60 ha.

Đất trồng lúa chuyển đổi sang các loại đất sản xuất nông nghiệp là diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả do không có nguồn nước và do vị trí không thuận tiện chuyển sang trồng cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi tập trung.

Đất trồng lúa đến năm 2030 có 5.090,22 ha, bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ, thực giảm 273,83 ha so với hiện trạng 2020.

*b. Đất trồng cây hàng năm còn lại:*

Trên cơ sở định hướng quy hoạch tăng diện tích trồng cây thực phẩm, các cây trồng hàng năm có giá trị kinh tế cao. Triển khai thực hiện một số mô hình sản xuất rau an toàn đạt hiệu quả tại thị trấn Chợ Chu và xã Bảo Cường, trên cơ sở đó nhân rộng ra các xã khác.

Chú trọng phát triển diện tích trồng cây công nghiệp ngắn ngày và cây công nghiệp dài ngày như lạc, đậu tương, hoa cây cảnh,... Ổn định sản lượng lương thực có hạt khoảng trên 50.000 tấn/năm. Đến năm 2030, đất trồng cây hàng năm khác được huyện xác định 870,12 ha.

*\* Giai đoạn 2020 - 2030 đất trồng cây hàng năm khác được quy hoạch cụ thể như sau:*

- Diện tích đất trồng cây hàng năm khác đến năm 2030 là 870,12 ha, tập trung chủ yếu ở các xã: Lam Vỹ, Quy Kỳ, Bình Thành, Linh Thông, Tân Thịnh, Phượng Tiên,...

- Diện tích đất trồng cây hàng năm còn lại không thay đổi mục đích sử dụng có 870,12 ha.

- Trong kỳ quy hoạch diện tích đất trồng cây hàng năm khác giảm 87,86 ha để thực hiện xây dựng công trình hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cụ thể:

- Sang đất phi nông nghiệp : 73,08 ha.
- Sang đất nuôi trồng thủy sản : 2,78 ha.
- Sang đất nông nghiệp khác : 12,0 ha.

*c. Đất trồng cây lâu năm:*

Với định hướng quy hoạch vùng chè tập trung, tạo điều kiện ổn định để phát triển và khai thác tiềm năng hiện có của sản xuất chè ở Định Hóa trên cơ sở tiết kiệm tài nguyên đất, đồng thời cũng sẽ chủ động về nguồn lao động sản xuất chè trong quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động ở Định Hóa. Giữ ổn định diện tích chè hiện có khoảng 3.500 ha, phát triển vùng chè lấy từ đất rừng sản xuất chuyển sang, trồng thay thế trên nương chè giống Trung du trồng hạt, đã già cỗi, năng suất thấp bằng các giống chè mới.

Ngoài ra, phát triển vùng cây ăn quả dưới mô hình như các trang trại cây ăn quả, vườn cây cảnh, rừng cây bản địa sinh thái, hồ nuôi cá sinh thái v.v..

*\*. Đất trồng cây lâu năm trong giai đoạn 2020 - 2030 được quy hoạch cụ thể như sau:*

- Trong giai đoạn 2020 - 2030 diện tích đất trồng cây lâu năm không thay đổi mục đích sử dụng đất là 4.262,53 ha.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm tăng thêm 1.781,11 ha (do chuyển từ đất rừng sản xuất, đất trồng lúa 1 vụ kém hiệu quả sang).

- Đồng thời để đảm bảo nhu cầu đất cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng; phát triển các ngành, lĩnh vực; trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất trồng cây lâu năm cũng giảm 799,51 ha do chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp 221,81 ha, chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp 577,70 ha.

Đất trồng cây lâu năm đến năm 2030 có 6.043,64 ha, cao hơn 347,80 ha so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ (5.695,84 ha) và tăng 981,60 ha so với năm 2020.

*d. Quy hoạch đất rừng phòng hộ:*

Diện tích đất rừng phòng hộ trong giai đoạn điều chỉnh được giữ ổn định không thay đổi mục đích sử dụng là 8.470,23 ha. Tập trung chủ yếu tại các xã có rừng phòng hộ đầu nguồn quan trọng như: xã Quy Kỳ, Tân Thịnh, Linh Thông, Lam Vỹ, Bảo Linh, ....

- Đất rừng phòng hộ tăng 1.487,43 ha, chủ yếu điều chỉnh nội bộ từ rừng sản xuất và rừng đặc dụng sang.

- Đất rừng phòng hộ giảm 568,80 ha, do chuyển sang sử dụng vào các mục đích phi nông nghiệp 117,60 ha, chuyển nội bộ đất lâm nghiệp 451,20 ha.

Đất rừng phòng hộ đến năm 2030 có 9.957,66 ha, bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ và tăng 918,63 ha so với hiện trạng năm 2020.

#### *d. Đất rừng đặc dụng:*

Bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, giá trị cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Hạn chế tối đa việc chuyển mục đích sử dụng diện tích đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác. Bảo vệ hệ thống rừng đặc dụng hiện có theo hướng nâng cao chất lượng rừng và giá trị đa dạng sinh học, bảo vệ các di tích lịch sử - văn hóa và diện tích rừng được mở rộng đảm bảo đạt các tiêu chí của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đến năm 2030 diện tích đất rừng đặc dụng của huyện là 5.505,46 ha, tăng 85,37 ha so với hiện trạng năm 2020. Cụ thể:

- Diện tích đất rừng đặc dụng được giữ ổn định không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 5.116,85 ha.

- Trong kỳ quy hoạch để đảm bảo mục đích quốc phòng, quy hoạch các điểm di tích lịch sử, xây dựng hồ chứa nước phục vụ sinh hoạt và nước tưới, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đất rừng đặc dụng giảm 53,32 ha chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp. Giảm 249,92 ha sang nội bộ rừng phòng hộ và rừng sản xuất cho đúng thực trạng sử dụng.

Đất rừng đặc dụng đến năm 2030 có 5.505,46 ha, bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ, tăng 85,37 ha so với năm 2020.

#### *e. Quy hoạch đất rừng sản xuất:*

Với quan điểm phát triển chủ yếu theo hướng thâm canh, coi trọng năng suất và chất lượng; kết hợp với sản xuất nông - ngư nghiệp, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và các dịch vụ môi trường khác. Đẩy mạnh việc khôi phục và phát triển rừng tự nhiên thông qua các biện pháp lâm sinh nuôi dưỡng và làm giàu rừng bằng các loài cây đa tác dụng và lâm sản ngoài gỗ nhằm nâng cao chất lượng, giá trị của rừng và tăng thu nhập cho người dân sống bằng nghề rừng. Phát triển rừng trồng sản xuất trên cơ sở nhu cầu thị trường, tập trung vào các vùng có lợi thế cạnh tranh, sản xuất ổn định và hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra, để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi tập trung, phát

triển vùng cây ăn quả, trồng chè... chuyển diện tích đất rừng sản xuất sang các mục đích trên.

Đến năm 2030, diện tích đất rừng sản xuất là 17.901,0 ha, bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ, thực giảm 3.221,12 ha so với năm 2020.

*\* Cụ thể trong giai đoạn 2020 - 2030 đất rừng sản xuất chuyển dịch như sau:*

- Diện tích đất rừng sản xuất được đảm bảo giữ nguyên, ổn định không chuyển đổi mục đích sử dụng là 17.090,96 ha.

- Diện tích đất rừng sản xuất giảm 4.031,19 ha:

+ Nội bộ đất nông nghiệp : 3.664,25 ha.

+ Đất phi nông nghiệp : 366,94 ha.

- Diện tích đất rừng sản xuất tăng 810,04 ha, được chuyển sang từ cây lâu năm, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

*g. Quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản:*

Với định hướng phát triển ngành thủy sản theo phương thức nuôi cá ao hồ nhỏ quy mô hộ gia đình, nuôi cá hồ thủy lợi theo hướng nuôi thâm canh và nuôi công nghiệp, trọng tâm là nuôi cá thịt, nuôi thủy sản đặc sản, sản xuất con giống; khai thác và sử dụng có hiệu quả mặt nước hiện có; tiếp tục cải tạo diện tích vùng trũng sang kết hợp nuôi cá trong ruộng lúa ngắn ngày. Khai thác thế mạnh các khu vực sông, suối, mặt nước... để phát triển diện tích nuôi thủy sản kết hợp hồ thủy lợi, phát triển mô hình nuôi hộ gia đình trong các khu dân cư... đất nuôi trồng thủy sản tăng 44,43 ha.

Thời kỳ 2021-2030 đất nuôi trồng thủy sản giảm 58,08 ha, do chuyển sang đất nông nghiệp khác 31,40 ha và đất phi nông nghiệp 26,68 ha.

Đến năm 2030, đất nuôi trồng thủy sản là 1.170,23 ha, giảm 13,65 ha so với năm 2020.

*h. Quy hoạch đất nông nghiệp khác:*

Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, trang trại, sản xuất hàng hoá, ứng dụng khoa học công nghệ gắn với đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp. Chuyển đổi mạnh cơ cấu giống vật nuôi theo hướng tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Từng bước quản lý tốt công tác giết mổ gia súc, gia cầm, công tác thú y; đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng chống dịch, bệnh. Triển khai lập và thực hiện tốt quy hoạch phát triển chăn nuôi gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Đến năm 2030, đất nông nghiệp khác là 611,53 ha, tăng 611,51 ha so với năm 2020.

### 2.2.3.2. Quy hoạch đất phi nông nghiệp

Thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng thương mại - dịch vụ - du lịch và công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Phát triển sản xuất gắn với sắp xếp ổn định dân cư, đẩy nhanh tốc độ xóa đói, giảm nghèo; diện tích nhóm đất phi nông nghiệp có xu thế tăng nhanh nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ; phát triển tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch; phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn; đảm bảo quốc phòng, an ninh và các nhu cầu khác.

Đến năm 2030, diện tích đất phi nông nghiệp là 4.112,29 ha tăng 1.001,04 ha so với năm 2020 và bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng 2020	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	So với hiện trạng
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>3.111,24</b>	<b>4.112,29</b>	<b>1001,04</b>
	<i>Trong đó:</i>	-		
2.1	Đất quốc phòng	25,71	357,30	331,59
2.2	Đất an ninh	0,55	14,21	13,66
2.3	Đất khu công nghiệp	-		
2.4	Đất cụm công nghiệp	-	50,00	50,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	1,07	56,62	55,55
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	38,39	56,45	18,06
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	7,64	7,64	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	3,89	44,14	40,25
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	1.395,47	1.639,61	244,14
	<i>Trong đó:</i>	-		
2.9.1	<i>Đất giao thông</i>	1.017,59	1.154,25	136,65
2.9.2	<i>Đất thủy lợi</i>	222,82	262,74	39,92
2.9.3	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	24,39	29,65	5,26
2.9.4	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	5,09	8,50	3,41
2.9.5	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	51,46	58,07	6,61
2.9.6	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	20,38	29,13	8,75
2.9.7	<i>Đất công trình năng lượng</i>	0,60	10,52	9,93

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng 2020	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	So với hiện trạng
2.9.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	0,52	20,44	19,92
2.9.9	Đất cơ sở tôn giáo	0,16	1,09	0,93
2.9.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa tang	44,82	53,67	8,85
2.9.12	Đất chợ	7,63	11,55	3,92
2.11	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	16,10	167,87	151,77
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	4,94	24,02	19,08
2.15	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	7,82	25,41	17,59
2.16	Đất ở tại nông thôn	892,96	951,86	58,90
2.17	Đất ở tại đô thị	44,39	58,54	14,14
2.18	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	14,10	15,05	0,95
2.19	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,98	0,98	
2.21	Đất tín ngưỡng	0,76	1,08	0,32
2.22	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	543,83	497,27	-46,56
2.23	Đất có mặt nước chuyên dùng	112,59	112,58	-0,01
2.24	Đất phi nông nghiệp khác	0,06	31,67	31,61
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>147,97</b>	<b>146,32</b>	<b>-1,65</b>

### a. Đất quốc phòng

Để đáp ứng nhu cầu đất cho các mục đích xây dựng thao trường Sư đoàn 346 tại xã Lam Vỹ với diện tích 260 ha; xây dựng các công trình quốc phòng tại căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương và các trận địa trên địa bàn huyện và đất sử dụng xây dựng các công trình thao trường, bãi tập,... Đến năm 2030, diện tích đất quốc phòng huyện là 357,30 ha, bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ, thực tăng 331,59 ha so với năm 2020.

### b. Đất an ninh:

Đến năm 2030 diện tích đất an ninh của huyện là 14,21 ha. Diện tích quy hoạch tăng thêm, để xây dựng mới trụ sở công an huyện, trụ sở công an PCCC, trạm cảnh sát giao thông, trụ sở công an các xã.

Đến năm 2030, diện tích đất an ninh huyện là 14,21 ha, bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ, thực tăng 13,66 ha so với năm 2020.

### c. Đất cụm công nghiệp

Khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển hạ tầng cụm công nghiệp; thu hút đầu tư phát triển các cơ sở sản xuất, dịch vụ vào cụm.

Chú trọng các hoạt động bảo vệ môi trường trong cụm công nghiệp, đảm bảo các doanh nghiệp, các hộ sản xuất kinh doanh trong cụm phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc có cam kết bảo vệ môi trường theo quy định.

Quy hoạch 2 cụm công nghiệp: Kim Sơn diện tích 20,0 ha và Tân Dương 30,0 ha. Diện tích đất cụm công nghiệp tăng lên 50,0 ha.

Đến năm 2030 diện tích đất cụm công nghiệp là 50,0 ha đảm bảo diện tích cho nhu cầu nhà đầu tư thuê đất sản xuất kinh doanh và đảm bảo diện tích phân bổ của tỉnh.

#### *d. Đất thương mại-dịch vụ*

Với định hướng phát triển các loại hình du lịch văn hóa tín ngưỡng, giáo dục truyền thống cách mạng, du lịch thăm quan di tích, du lịch sinh thái... định hướng xây dựng khu du lịch lịch sử, sinh thái liên hoàn Chùa Hang - Nhà tù Chợ Chu - Hồ Bảo Linh; Tổ hợp du lịch sinh thái, thương mại dịch vụ, nghỉ dưỡng Thâm Báy và 3 trung tâm dịch vụ gồm:

Trung tâm dịch vụ du lịch tại Phú Đình: Xây dựng đồng bộ cơ sở vật chất phục vụ du lịch như: Quảng trường, khu trưng bày, giới thiệu, biểu diễn ngoài trời, trong nhà, khu lưu trú, nhà hàng ăn uống, khu vui chơi giải trí chất lượng cao, các trung tâm mua sắm đồ lưu niệm...

Tại Quán Vuông bố trí xây dựng trung tâm giới thiệu, thông tin; các dịch vụ hỗ trợ như: lưu niệm, ăn uống, dừng chân, bưu điện, lưu trú ngắn, bến bãi đỗ chuyển tiếp, thăm quan di tích liền kề.

Thương mại dịch vụ tại thị trấn Chợ Chu và trung tâm các xã có lợi thế phát triển dịch vụ, phát triển hệ thống cửa hàng giới thiệu những sản phẩm lợi thế của huyện.

Tổ hợp du lịch sinh thái, thương mại dịch vụ, nghỉ dưỡng Thâm Báy phục vụ phát triển du lịch sinh thái, cảnh quan.

Xây dựng Khu du lịch sinh thái Bảo Linh.

Xây dựng khu dịch vụ trong Khu du lịch cộng đồng, sinh thái, thương mại dịch vụ Khuân Tát - Thác Bảy Tầng, xã Phú Đình.

Xây dựng khu dịch vụ thương mại, nghỉ dưỡng sinh thái Vân Hà.

Đến năm 2030 diện tích đất thương mại dịch vụ là 56,62 ha, tăng thêm 55,55 ha so với năm 2020, bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

*đ. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*

Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển sản xuất trước hết là giao thông, điện, cấp thoát nước... Tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân mở rộng sản xuất, chế biến lâm sản, tìm kiếm thị trường, mở rộng các hoạt động tín dụng, ngân hàng cho vay vốn ưu đãi để các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả.

Đến năm 2030 diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp xác định là 56,45 ha, tăng 18,06 ha so với năm 2020 bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

*e. Đất khai thác khoáng sản*

Đến năm 2030 diện tích đất khai thác khoáng sản 7,64 ha, tiếp tục khai thác khu khai thác Mangan tại Phú Tiến.

*f. Quy hoạch đất làm vật liệu xây dựng:*

Đất làm vật liệu xây dựng quy hoạch tăng thêm 40,0 ha, để quy hoạch điếm khai mỏ đất để làm vật liệu san lấp, mở rộng mỏ đá.

Giai đoạn này đất làm vật liệu xây dựng giảm 1,17 ha để chuyển sang đất sản xuất kinh doanh.

Đến năm 2030, diện tích đất làm vật liệu xây dựng có 44,14 ha, thực tăng 40,25 ha so với năm hiện trạng 2020.

*g. Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã*

Với mục tiêu tập trung huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ bản và từng bước hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội tương đối đồng bộ, phục hồi tôn tạo di tích lịch sử cách mạng, văn hóa; phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật bảo đảm cho phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng nông thôn mới, phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh; giải quyết việc làm, thực hiện giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc trong vùng căn cứ cách mạng;

Đến năm 2030, huyện Định Hóa cân đối, xác định diện tích đất phát triển hạ tầng 1.639,61 ha, tăng 244,14 ha so với năm 2020, cụ thể:

*\*. Quy hoạch đất giao thông*

Đảm bảo quỹ đất cho các công trình trọng điểm như: Đường Hồ Chí Minh giai đoạn 2, Đường quốc lộ 3C (Ngã 3 Quán Vuông - Đèo So, Đường tỉnh lộ 264, Đường tỉnh lộ 264B (Tuyến đường liên kết vùng kéo dài từ Khuôn Ngàn, Đại Từ lên ngã ba Bình Yên, Định Hoá)...

Tuyến đường huyện: Giai đoạn 2020 - 2030 nâng cấp, cải tạo toàn bộ các tuyến đường huyện đạt cấp IV miền núi có nền đường rộng 7,5m; mặt đường rộng 5,5m, tỷ lệ nhựa hóa đạt 100%.

Tuyến đường xã: Giai đoạn 2020 - 2030 hệ thống đường xã đầu tư xây dựng 100% đạt quy mô đường đạt cấp kỹ thuật đường loại A, B miền núi, tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đạt 100%, bề rộng mặt 3,0-3,5m; bề rộng nền 4,0-6,0m. Các đoạn đường xã qua trung tâm xã quy mô đạt cấp kỹ thuật đường loại A.

Đường thôn, xóm, giao thông nội đồng:

Đường thôn, xóm: quy hoạch nâng cấp mở rộng đạt đường cấp B và C miền núi, bề rộng mặt 2,0-3,0m; bề rộng nền 3,0-4,0m.

Đường nội đồng: quy hoạch đường trục nội đồng cần nâng cấp, mở rộng đạt cấp C bề rộng mặt 2,0-3,0m; bề rộng nền 3,0-4,0m;

Nhu cầu đất cho giao thông trên địa bàn huyện đến năm 2030 là 1.154,25 ha tăng thêm 136,65 ha so với năm 2020 để quy hoạch mới, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường trên.

*\*. Quy hoạch đất thủy lợi*

Quy hoạch, đất thủy lợi tăng thêm 47,49 ha.

Để thực hiện xây dựng mở rộng các công trình thủy lợi gồm: hồ Khuân Tát, hồ Lương Bình..... các hệ thống kênh mương và các công trình thủy lợi khác.

Đất thủy lợi giai đoạn 2020 - 2030 giảm 7,57 ha để chuyển sang đất nông nghiệp khác, đất hạ tầng, đất ở.

Đến năm 2030, đất thủy lợi là 262,74 ha, thực tăng 39,92 ha so với năm 2020.

*\* Quy hoạch đất cơ sở văn hóa:* với mục tiêu bảo tồn, khai thác, phát huy có hiệu quả văn hoá vật thể và phi vật thể. Đẩy mạnh hiệu quả hoạt động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” gắn với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Đầu tư hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã đảm bảo đến năm 2030 100% xã có nhà văn hóa theo tiêu chí nông thôn mới; xây dựng Trung tâm văn hóa, thể thao, thiết chế văn hóa cơ sở. Diện tích đất cơ sở văn hóa tăng 10,94 ha, để đáp ứng cho các nhu cầu trên.

Diện tích đất cơ sở văn hóa thời kỳ quy hoạch giảm 5,68 ha, do sắp xếp lại nhà văn hoá các xóm không còn sử dụng để chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng và sang đất di tích lịch sử văn hóa.

Đến năm 2030, đất cơ sở văn hoá là 29,65 ha, thực tăng 5,26 ha so với năm 2020.

\* *Quy hoạch đất cơ sở y tế:* để đảm bảo chất lượng khám chữa bệnh ngày càng được nâng cao. Đảm bảo cung cấp đủ và kịp thời thuốc phòng bệnh và chữa bệnh có chất lượng. Công tác xã hội hoá y tế bước đầu đã được triển khai, đặc biệt trong lĩnh vực khám chữa bệnh - đa dạng các loại hình dịch vụ y tế, góp phần tăng cường công tác chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân trong huyện, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị để 100% trạm y tế xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí nông thôn mới. Đất cơ sở y tế tăng 3,59 ha để quy hoạch xây dựng mới trạm y tế xã Đồng Thịnh và quỹ đất y tế quy hoạch cho thị trấn Chợ Chu và một số xã.

Ngoài ra, đất cơ sở y tế giảm 0,18 ha để chuyển sang đất xây dựng trụ sở công an và đất xây dựng trụ sở cơ quan.

Đến năm 2030 diện tích đất cơ sở y tế là 8,50 ha, thực tăng 3,41 ha so với năm 2020.

\* *Quy hoạch đất cơ sở giáo dục:* phát triển giáo dục - đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện phát huy nguồn lực con người, là yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Đến năm 2030 có 100% số trường học đạt chuẩn quốc gia.

Trong thời kỳ 2020 - 2030, đất cơ sở giáo dục - đào tạo tăng 8,34 ha để thực hiện quy hoạch, mở rộng trường học đảm bảo diện tích theo tiêu chí quy định.

Thời kỳ 2020 - 2030, đất cơ sở giáo dục đào tạo giảm 1,69 ha, để chuyển sang đất an ninh, đất hạ tầng và đất ở tại đô thị.

Đến năm 2030, đất cơ sở giáo dục - đào tạo là 58,07 ha, thực tăng 6,61 ha so với năm 2020, để thực hiện quy hoạch, mở rộng trường học đảm bảo diện tích theo tiêu chí quy định.

\* *Quy hoạch đất cơ sở thể dục thể thao:* với mục tiêu, đẩy mạnh phong trào thể thao quần chúng. Trên cơ sở các công trình quy hoạch đã được duyệt; huyện tiếp tục triển khai xây dựng mở mới, mở rộng một số sân vận động xã, hoàn thiện các thiết chế thể thao trên địa bàn các xã.

Do đó, giai đoạn 2020 - 2030 đất cơ sở thể dục thể thao tăng thêm 9,87 ha để quy hoạch cho các công trình trên.

Thời kỳ này diện tích đất thể thao giảm 1,12 ha, do chuyển sang đất văn hoá, giáo dục, trụ sở cơ quan.

Như vậy, đến năm 2030, đất cơ sở thể dục thể thao là 29,13 ha, thực tăng 8,75 ha so với năm 2020, bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

\*. *Quy hoạch đất công trình năng lượng:*

Quy hoạch tăng thêm 9,93 ha, để thực hiện xây dựng trạm 110kv, hệ thống cột, đường dây 110kv, xây dựng các trạm biến áp còn thiếu các xã...

Đến năm 2030 diện tích đất công trình năng lượng là 10,52 ha, thực tăng 9,93 ha so với năm 2020 bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

*\*. Quy hoạch đất công trình bưu chính viễn thông:*

Quy hoạch tăng thêm 19,92 ha, để quy hoạch trạm BTS và các công trình bưu chính viễn thông trên địa bàn huyện...

Đến năm 2030 diện tích đất công trình bưu chính viễn thông là 20,44 ha, thực tăng 19,92 ha so với năm 2020 bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

*\*. Quy hoạch đất cơ sở tôn giáo:*

Được cấp tỉnh phân bổ tăng thêm 0,93 ha so với năm 2020, để quy hoạch đất cơ sở tôn giáo trên địa bàn huyện.

Đến năm 2030 diện tích đất cơ sở tôn giáo là 1,09 ha, thực tăng 0,93 ha so với năm 2020 bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

*\*. Quy hoạch đất làm nghĩa trang, nghĩa địa:*

Đất nghĩa trang, nghĩa địa quy hoạch tăng thêm 10,05 ha, để quy hoạch nghĩa địa thị trấn Chợ Chu, mở rộng nghĩa địa các xã.

Thời kỳ này đất nghĩa trang, nghĩa địa giảm 1,20 ha chuyển sang đất giao thông và đất thủy lợi.

Đến năm 2030, diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa có 53,67 ha, thực tăng 8,85 ha so với năm 2020, bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

*\*. Quy hoạch đất chợ:*

Quy hoạch tăng thêm 3,02 ha, để quy hoạch mở rộng chợ Sơn Phú, Bình Yên, Bảo Linh và quy hoạch mới chợ Linh Thông, Bình Thành, Phú Tiến.

Đất chợ giảm 0,64 ha để chuyển sang đất thương mại dịch vụ và đất ở.

Đến năm 2030 diện tích đất chợ là 11,55 ha, thực tăng 3,92 ha so với năm 2020.

*l. Quy hoạch đất có di tích lịch sử văn hóa:*

Di tích lịch sử An toàn khu (ATK) Định Hóa là di tích quốc gia đặc biệt (Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ).

Hiện nay đã có 28 di tích xếp hạng Quốc gia; 28 di tích xếp hạng cấp tỉnh; 03 di tích - danh lam thắng cảnh, khảo cổ, trong đó:

Số di tích do Ban quản lý di tích lịch sử ATK Định Hóa quản lý 18 di tích, số di tích xếp hạng cấp tỉnh, Quốc gia do UBND huyện Định Hóa trực tiếp quản

lý ( UBND xã phối hợp) là 36 di tích; số di tích chưa xếp hạng do UBND xã, thị trấn trực tiếp quản lý 128 di tích.

Việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện có vai trò hết sức quan trọng, ngoài ra trên địa bàn huyện còn nhiều các điểm di tích lịch sử cần được quy hoạch, đầu tư, tôn tạo, phục dựng.

Thực hiện Quyết định 1008/QĐ- TTg, ngày 24/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK) Định Hóa gắn với phát triển du lịch Thái Nguyên đến năm 2030 và nhu cầu cần quy hoạch quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện. Trong thời kỳ quy hoạch diện tích đất có di tích lịch sử văn hóa tăng thêm 151,78 ha.

Đến năm 2030 diện tích đất di tích lịch sử văn hóa là 167,87 ha, tăng 151,77 ha so với năm 2020 bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

*m. Quy hoạch đất bãi thải, xử lý chất thải::*

Quy hoạch tăng thêm 19,08 ha, để thực hiện xây dựng khu xử lý chất thải rắn tại thị trấn Chợ Chu và các xã, các bãi thu gom, tập kết xử lý rác thải các xã.

Đến năm 2030, đất bãi thải, xử lý chất thải là 24,02 ha, tăng 19,08 ha so với năm 2020, bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

*n. Quy hoạch đất khu vui chơi, giải trí công cộng:*

Trong kỳ quy hoạch, đất khu vui chơi giải trí công cộng tăng thêm 17,59 ha, để quy hoạch xây dựng Hồ Điều hòa và công viên cây xanh, quảng trường tại thị trấn Chợ Chu, chuyển nhà văn hoá các xóm không sử dụng sang làm khu vui chơi cho xóm.

Đến năm 2030, diện tích đất khu vui chơi giải trí công cộng có 25,39 ha, tăng 17,59 ha so với năm 2020.

*o. Đất ở tại nông thôn:*

Hiện trạng năm 2020, diện tích đất ở tại nông thôn của huyện có 892,96 ha.

Để phát triển cơ sở hạ tầng, đất ở tại nông thôn giảm 7,85 ha, do chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp.

Đồng thời, đất ở tại nông thôn tăng thêm 65,75 ha, để xây dựng các khu dân cư do nhu cầu đất giãn dân, đất tái định cư giải tỏa xây dựng các cơ sở hạ tầng, các khu sản xuất và sắp xếp lại dân cư nông thôn theo quy hoạch nông thôn mới trên cơ sở dự báo nhu cầu đất tại nông thôn phần trên.

Đến năm 2030, đất ở tại nông thôn là 951,86 ha, thực tăng 58,90 ha so với năm 2020, bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

*p. Quy hoạch đất ở đô thị:*

Hiện trạng năm 2020, diện tích đất ở tại đô thị của huyện có 44,39 ha.

Trong giai đoạn quy hoạch 2021 - 2030 đất ở tại đô thị giảm 0,85 ha, do chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp.

Căn cứ vào quy hoạch chung thị trấn Chợ Chu đã được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt đến năm 2030; quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030, dự kiến phân loại đô thị giai đoạn 2021-2025 thị trấn Chợ Chu loại IV, trên cơ sở dự báo nhu cầu đất ở đô thị. Đất ở đô thị thị trấn chợ chu quy hoạch tăng thêm 15,02 ha, để xây dựng khu tái định, khu đô thị, khu dân cư tập trung..., chuyển mục đích sang đất ở...

Đến năm 2030, đất ở đô thị là 58,54 ha, thực tăng 14,14 ha so với năm 2020.

*q. Đất xây dựng trụ sở cơ quan:*

Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp tăng thêm 1,57 ha.

Để xây dựng các công trình: mở rộng trụ sở UBND xã Bình Yên để xây dựng nhà văn hóa xã; mở rộng trụ sở UBND xã Định Biên, xã Thanh Định; quy hoạch xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự cho các xã, thị trấn...

Trong thời kỳ quy hoạch đất trụ sở cơ quan bị giảm 0,62 ha, để chuyển sang đất an ninh, đất thương mại dịch vụ, đất phát triển hạ tầng.

Đến năm 2030, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan có 15,05 ha, thực tăng 0,95 ha so với năm hiện trạng 2020.

*P. Quy hoạch đất tín ngưỡng:*

Quy hoạch tăng thêm 0,32 ha.

Đến năm 2030 diện tích đất tín ngưỡng là 1,08 ha, thực tăng 0,32 ha so với năm 2020.

*k. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối :*

Trong thời kỳ quy hoạch đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 46,56 ha để chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản, đất thủy lợi, đất công an, đất hạ tầng, đất di tích,...

Đến năm 2030 diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 497,27 ha, thực giảm 46,56 ha so với năm 2020.

*2.2.3.3. Quy hoạch đất chưa sử dụng*

Hiện trạng năm 2020, diện tích đất chưa sử dụng của huyện còn 147,94 ha, trong đó:

- Đất bằng chưa sử dụng còn : 136,40 ha.
- Đất đồi núi chưa sử dụng : 11,41 ha.
- Núi đá không có rừng cây : 0,16 ha.

Diện tích đất chưa sử dụng có nhiều diện tích nằm ven các sông suối, núi đá, chủ yếu là đất sỏi đá, còn lại một số diện tích nằm xen kẽ trên đất lâm nghiệp.

Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, đất chưa sử dụng sẽ được khai thác vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp là 1,65 ha.

Đến năm 2030, diện tích đất chưa sử dụng còn 146,32 ha, chủ yếu là diện tích ven sông suối, núi đá, khó khai thác sử dụng cho mục đích nông, lâm nghiệp.

### **2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.**

#### **2.3.1. Khu sản xuất nông nghiệp**

Trên cơ sở Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch phát triển nông nghiệp, xác định và lập quy hoạch phát triển các ngành hàng, sản phẩm chủ yếu, có lợi thế so sánh theo các vùng tập trung với quy mô sản xuất phù hợp định hướng quy hoạch khu sản xuất nông nghiệp như sau:

##### *a) Cây lúa*

Diện tích lúa bố trí chủ yếu theo hướng: Sản xuất lúa năng suất cao để đảm bảo ANLT và sản xuất lúa hàng hoá chất lượng cao, lúa đặc sản; Lúa Bao thai: Duy trì phát triển diện tích lúa bao thai quy hoạch đến năm 2030 ổn định 1.500 ha, năng suất đạt 52,5 tạ/ha, sản lượng đạt 7.875 tấn. Các khu vực trọng điểm trong sản xuất lúa bao thai gồm các xã: Trung Lương, Tân Thịnh, Đồng Thịnh, Thanh Định, Phú Đình, Phương Tiến, Bình Yên, Diêm Mặc, Kim Phương, Trung Hội, Quy Kỳ, Định Biên, Bộc Nhiêu, Bảo Cường, Phúc Chu, Lam Vỹ ...

Lúa nếp: Dự kiến quy hoạch tại 10 xã: Tân Thịnh, Đồng Thịnh, Phương Tiến, Kim Phương, Trung Hội, Quy Kỳ, Định Biên, Bảo Cường, Phúc Chu, Lam Vỹ với diện tích đến năm 2030, diện tích là 500 ha, năng suất đạt 44,5 tạ/ha và sản lượng đạt 2.250 tấn.

##### *b) Cây ngô:*

Phát triển mạnh cây ngô để tăng sản lượng ngô hạt làm nguyên liệu chế biến thức ăn cho chăn nuôi. Cây ngô thuộc cây trọng điểm trong chương trình phát

triển cây trồng vụ đông của huyện để góp phần nâng cao hệ số sử dụng đất, tăng thu nhập/1ha đất canh tác.

Bố trí diện tích ngô cả năm 2030 là 1.700 ha, sản lượng ngô đạt 8.330 tấn vào năm 2030, phân đầu diện tích giống ngô lai có năng suất cao chiếm 90 - 95% diện tích gieo trồng. Cần tận dụng các loại đất 1 vụ, mở rộng diện tích ngô vụ đông trên đất ruộng 2 lúa chủ động nước và một phần diện tích chuyên màu. Sản phẩm ngô hàng hoá chiếm 80- 85% sản lượng ngô hàng năm.

#### *c) Cây rau:*

Đề từng bước tạo ra được sản phẩm rau xanh phục vụ thị trường trong huyện và tiến tới cung cấp cho thị trường các huyện, thị trong tỉnh Thái Nguyên, dự kiến sẽ quy hoạch một số vùng trồng rau an toàn chất lượng cao tại các xã: Lam Vỹ, Phượng Tiến, Kim Phượng, Bảo Cường, Phượng Tiến, Phú Đình và Diêm Mặc với diện tích từ 150 – 200 ha.

Mô hình đề xuất để phát triển là các mô hình sản xuất rau an toàn. Đây là phương hướng và mô hình cơ bản cho phát triển sản xuất rau ở huyện trong những năm tới. Bên cạnh đó, mô hình sản xuất rau kết hợp phát triển chăn nuôi gia cầm cũng rất phù hợp với điều kiện sản xuất của các hộ sản xuất trên địa bàn huyện Định Hóa.

Để triển khai mô hình trồng rau an toàn nên liên doanh, liên kết nhiều hộ gia đình để hình thành vùng thâm canh tập trung lớn tạo thành khu sản xuất rau sạch đáp ứng cho việc thu mua và vận chuyển theo cơ chế thị trường.

#### *d) Sản xuất hoa - cây cảnh*

Thời gian tới sẽ nghiên cứu và xây dựng mô hình sản xuất hoa và trồng cây cảnh vừa tăng thu nhập vừa góp phần phục vụ nhu cầu trang trí cảnh quan, đáp ứng nhu cầu của người dân về món ăn tinh thần. Đây là một trong những mô hình điển hình của nông nghiệp xanh và bền vững, cung cấp sản phẩm nông nghiệp cao cấp cho nhu cầu sinh hoạt, giải trí cho cư trong huyện và đặc biệt là người dân thành phố Thái Nguyên. Các loại hoa, cây cảnh đề xuất ở mô hình này là:

- Hoa cao cấp như lan cắt cành, hoa hồng, hoa layon.
- Bonsai, gồm một số loại như lộc vừng , khế, đào cảnh, đào thế, si...
- Cây cảnh chậu để bày trí trong nhà.

Các khu vực đề xuất trồng hoa – cây cảnh là xã Bảo Cường, Sơn Phú, thị trấn Chợ Chu, Trung Hội, Phượng Tiến, với diện tích mỗi xã từ 5 – 10,0 ha.

#### *đ) Khu phát triển chè*

Giữ ổn định diện tích trong khoảng 3.000 ha, trồng mới 250 ha (trong đó trồng mới 20 - 25 ha diện tích cây đầu dòng phục vụ nhu cầu phát triển chè của huyện trong thời gian tới, trồng mới 225 - 300 ha thay thế diện tích chè xấu), trồng thay thế 700 ha trên nương chè giống Trung du trồng hạt, đã già cỗi, năng suất thấp bằng các giống chè mới, phân bố ở 23 xã, thị trấn, trong đó tập trung nhiều ở xã: Sơn Phú, Bình Thành, Diềm Mặc, Phú Đình, Phú Tiến, Thanh Định, Bộc Nhiêu, Bình Yên...

*e) Cây ăn quả:*

- Để phục vụ khách du lịch, không chỉ dựa vào các di tích lịch sử, văn hoá và tài nguyên thiên nhiên đang có mà huyện cần tạo thêm các sản phẩm du lịch sinh thái trực tiếp từ các hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp của mình như: các trang trại cây ăn quả, vườn cây cảnh, rừng cây bản địa sinh thái, hồ nuôi cá sinh thái v.v... Các sản phẩm du lịch này sẽ tăng thêm phần hấp dẫn cho du khách khi đến tham quan.

- Việc sản xuất ra những sản phẩm đặc sản là chiến lược của vùng du lịch, tận dụng diện tích canh tác, đất vườn tạp để đa dạng hoá các loại rau quả phục vụ nhu cầu khách du lịch. Có thể trồng các loại rau quả sau: (1) Trồng chuối ngự và chuối hương, chuối hột lấy quả xanh làm chuối lát tẩm đường; (2) Trồng khoai tào, khoai lệ phổ, củ từ, củ cây kết hợp với làm khoai chiên; (3) Trồng ngô làm ngô nỏ; (4) Trồng rau rừng đặc sản: Bò khai, Giốn, ngót rừng; (5) Trồng dưa lạc tiên tại vườn cọ làm nơi nghỉ mát sinh thái vừa là để chế biến nước giải khát.

- Quy hoạch các vùng trồng cây ăn quả: Cây na dai (Trồng ven núi đá gồm các xã: Linh Thông, Kim Phượng, Phượng Tiến, Tân Dương, cây cam sành: tại các xã Quy Kỳ, Linh Thông, Bảo Linh...

- Phát triển cây dược liệu khác (Xạ đen, Giảo cổ lam, Cà gai leo, Ba kích, Dứa dại, Mật gấu, Đinh lăng...) tập trung tại các một số xã vùng sâu, vùng cao của huyện như xã Lam Vỹ, Linh Thông, Quy Kỳ, Bảo Linh, Phú Đình và Tân Thịnh. Cây dược liệu được định hướng phát triển mạnh nhất ở Đình Hóa đó là cây quế, đây vừa là cây lấy gỗ, vừa là cây dược liệu có giá trị kinh tế cao.

*g) Chăn nuôi*

Phát triển chăn nuôi tập trung của huyện Đình Hoá đến năm 2030 chủ yếu theo 3 hình thức: trang trại, gia trại và khu chăn nuôi tập trung. Trong đó, các khu vực chăn nuôi tập trung đã được xác định trên địa bàn các xã, Bố trí phát triển chăn nuôi trâu, bò, lợn, gia cầm ...

*h) Nuôi trồng thủy sản*

- *Nuôi cá ao hồ nhỏ quy mô hộ gia đình*: Để từng bước giúp đỡ các nông hộ này chuyển dần sang nuôi vừa đáp ứng tự cung tự cấp, vừa đáp ứng nhu cầu thị trường.

- *Nuôi cá hồ thuỷ lợi nhỏ*:

Đối với những hồ có diện tích dưới 1 đến 5 ha: Những hồ này do xã hoặc thôn quản lý do vậy có thể giao khoán cho các hộ nông dân vừa quản lý điều tiết nước, vừa nuôi trồng thuỷ sản.

Đối với những hồ có diện tích trên 5 ha đến 10 ha: Những hồ có thể tháo cạn hoặc không thể tháo cạn đều nên thả cá giống trực tiếp vào hồ.

Đối với những hồ có diện tích trên 10 ha: Có thể sử dụng nuôi cá lồng. Sử dụng các hồ chứa cần theo nguyên tắc kết hợp giữa nông nghiệp, du lịch, thuỷ sản và lâm nghiệp.

### **2.3.2. Khu lâm nghiệp**

Căn cứ vào Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 về phát triển 3 loại rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất) gắn với việc bảo vệ, phục hồi, tôn tạo cảnh quan thiên nhiên, bảo vệ quần thể di tích lịch sử; bảo vệ đa dạng sinh học, tăng cường chức năng phòng hộ môi trường.

#### **\*. Định hướng vùng bảo vệ và phát triển rừng**

+ Rừng đặc dụng: bảo vệ diện tích rừng hiện có; khoanh nuôi tự nhiên và trồng rừng mới.

+ Rừng phòng hộ: Bảo vệ diện tích rừng hiện có; khoanh nuôi tự nhiên và trồng rừng mới, bảo vệ khu vực đất rừng đầu nguồn.

+ Rừng sản xuất: bảo vệ, nuôi dưỡng diện tích rừng hiện có; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên thành rừng sản xuất; cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt; trồng mới; trồng lại rừng sau khai thác rừng trồng.

Dự kiến tiến độ khoanh nuôi rừng: Đối tượng khoanh nuôi gồm các loại đất trống có cây rải rác (IC) mật độ cây tái sinh đạt >1.000 cây/ha. Giao cho các hộ gia đình, cá nhân, tập thể quản lý thông qua các hợp đồng giao khoán.

### **2.3.3. Khu du lịch**

Du lịch Định Hoá thuộc không gian du lịch phía Tây Bắc của tỉnh gồm các địa phương: khu vực ATK - huyện Định Hoá, huyện Phú Lương. Phát triển sản phẩm du lịch về nguồn tận dụng lợi thế về tài nguyên với di tích quốc gia đặc biệt ATK Định Hoá, các di tích lịch sử, khai thác giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể; du lịch về nguồn với hoạt động giáo dục, tìm hiểu truyền thống cách mạng dành cho học sinh, sinh viên và du lịch sinh thái chèo.

Phát triển du lịch sinh thái cảnh quan nông nghiệp, du lịch trải nghiệm gắn với vùng di tích lịch sử cách mạng ATK Định Hóa.

ATK Định Hóa vốn biết đến là vùng đất chiến khu giàu truyền thống cách mạng, phát triển du lịch được coi là thế mạnh nếu biết đánh thức tiềm năng của thiên nhiên ban tặng. Một số định hướng:

- Thăm quan vùng sinh thái cảnh quan đồi chè, đồi cọ, vùng sản xuất quế hữu cơ cùng với đó là các hoạt động trải nghiệm ngoài trời.
- Thăm quan vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
- Xây dựng các mô hình làng du lịch gắn với các dịch vụ homestay, farmstay, du lịch trải nghiệm ẩm thực, đặc sản.
- Hình thành các tour du lịch thể thao tại các vùng sản xuất nông nghiệp (Tour đạp xe đạp, tour chạy bộ tại các vùng có cảnh quan đẹp), du lịch đi bộ trong rừng, du lịch mạo hiểm trong rừng phòng hộ.
- Kết nối các tour du lịch nông nghiệp với thăm quan di tích lịch sử căn cứ cách mạng ATK.

#### **2.3.4. Khu thương mại - dịch vụ**

Với định hướng phát triển các loại hình du lịch văn hóa tín ngưỡng, giáo dục truyền thống cách mạng, du lịch thăm quan di tích, du lịch sinh thái... định hướng xây dựng khu du lịch lịch sử, sinh thái liên hoàn Chùa Hang - Nhà tù Chợ Chu - Hồ Bảo Linh và 3 trung tâm dịch vụ gồm:

Trung tâm dịch vụ du lịch tại Phú Đình: Xây dựng đồng bộ cơ sở vật chất phục vụ du lịch như: Quảng trường, khu trưng bày, giới thiệu, biểu diễn ngoài trời, trong nhà, khu lưu trú, nhà hàng ăn uống, khu vui chơi giải trí chất lượng cao, các trung tâm mua sắm đồ lưu niệm...

Tại Quán Vuông bố trí xây dựng trung tâm giới thiệu, thông tin; các dịch vụ hỗ trợ như: lưu niệm, ăn uống, dừng chân, bưu điện, lưu trú ngắn, bến bãi đỗ chuyển tiếp, thăm quan di tích liền kề.

Xây dựng trung tâm chăm sóc sức khỏe, nghỉ dưỡng chất lượng cao tại khu vực hồ Bảo Linh.

#### **2.3.5. Di tích-danh lam thắng cảnh**

Phát huy thế mạnh vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn với Tính chất là vùng bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa lịch sử và di tích cách mạng gắn với việc giáo dục các truyền thống đấu tranh, yêu nước của dân tộc trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp; vùng phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp và hoạt động du lịch gắn với việc phát triển các khu danh lam-thắng cảnh như: Đình Thâm Bậy - Quy Kỳ; Khu hồ Bảo Linh;

Khu Hồ Khuôn Tát - thác Bảy tầng xã Phú Đình; Khu du lịch cộng đồng bản Quyên; Khu Đồng Duyên - Phú Đình.

#### **2.4. Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng phải xin phép trong kỳ quy hoạch**

Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch 2021 - 2030 diện tích đất chuyển mục đích sử dụng 3.371,46 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp: 1.046,99 ha; gồm:
  - + Đất lúa chuyển sang phi nông nghiệp: 187,55 ha.
  - + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang phi nông nghiệp 73,08 ha.
  - + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang phi nông nghiệp: 221,81 ha.
  - + Đất rừng phòng hộ chuyển sang phi nông nghiệp: 117,60 ha
  - + Đất rừng đặc dụng chuyển sang phi nông nghiệp: 53,32 ha
  - + Đất rừng sản xuất chuyển sang phi nông nghiệp : 366,94 ha
  - + Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp: 26,68 ha
- Chuyển đổi cơ cấu trong nội bộ đất nông nghiệp: 2.324,47 ha, gồm:
  - + Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm: 94,69 ha.
  - + Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản: 4,12 ha.
  - + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản: 15,78 ha.
  - + Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng: 2.209,68 ha.

#### **2.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ điều chỉnh quy hoạch.**

Thời kỳ điều chỉnh quy hoạch 2021 - 2030 diện tích đất chưa sử dụng giảm 1,65 ha, để chuyển sang đất nông nghiệp khác và đất phi nông nghiệp

Đến năm 2030 diện tích đất chưa sử dụng của huyện còn 146,32 ha bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ, trong đó đất bằng chưa sử dụng còn 135,20 ha, đất đồi núi chưa sử dụng còn 10,96 ha, đất núi đá còn 0,16 ha đây là những diện tích không thể khai thác cho mục đích nông, lâm nghiệp.

### III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

#### 3.1. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa đến năm 2030 làm căn cứ cho việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất góp phần hạn chế sử dụng đất sai mục đích, điều tiết nguồn thu từ đất, trên cơ sở các yếu tố gia tăng giá trị đất.

Việc thực hiện chỉ tiêu các loại đất theo phương án điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhất là các chỉ tiêu sử dụng đất cho mục đích phi nông nghiệp sẽ huy động mọi nguồn lực cho phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn. Đẩy mạnh công tác đô thị hoá thị trấn, trung tâm các xã trên địa bàn huyện. Đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh làm tốt công tác giải phóng mặt bằng tạo điều kiện để doanh nghiệp nhanh chóng đầu tư vào địa bàn huyện. Khai thác có hiệu quả nguồn thu từ đất; khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, tham gia kinh doanh dịch vụ.

Phương án điều chỉnh Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tác động tích cực đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, tạo điều kiện tốt hơn cho người có đất bị thu hồi ổn định đời sống và sản xuất, với việc quy hoạch đảm bảo có quỹ đất và nguồn vốn xây dựng khu tái định cư trước khi thu hồi đất.

Ngoài ra tác phương án điều chỉnh Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo quyền lợi và sự bình đẳng cho người có đất bị thu hồi, người bị ảnh hưởng do việc thu hồi đất gây ra; hạn chế khiếu nại tố cáo trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; đảm bảo ổn định chính trị, xã hội; đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người có đất bị thu hồi, nhà đầu tư thực hiện các dự án.

#### 3.2. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực.

Phương án điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Định Hóa đảm bảo giữ diện tích đất lúa nhằm đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm, diện tích đất trồng lúa có giảm nhưng nhờ nâng cao chất lượng giống, thâm canh tăng vụ nên tăng năng suất và tăng sản lượng lúa. Như vậy, thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất vừa đảm bảo nhu cầu sử dụng đất cho các ngành kinh tế, vừa đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn huyện.

### **3.3. Đánh tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất.**

Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã giải quyết quỹ đất ở, hạn chế mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất, bố trí ổn định dân cư cho các xã. Việc bố trí, sắp xếp dân cư một cách hiệu quả, hợp lý đã góp phần thúc đẩy tiến trình xây dựng nông thôn mới, qua đó bố trí dân cư tập trung giải quyết các vấn đề cơ bản về phong tục tập quán, đầu tư cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống nhân dân...

Định Hóa là huyện miền núi của tỉnh Thái Nguyên, là huyện có diện tích đất tự nhiên lớn thứ 3 so với 9 huyện, thị, thành phố và chiếm 14,54% diện tích tự nhiên tỉnh Thái Nguyên, dân cư phân bố tập trung ở 23 xã, thị trấn với 228 xóm, mật độ dân số 174 người/km<sup>2</sup>, diện tích đất ở bình quân đầu người 104,98 m<sup>2</sup>/người. Phương án điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện sẽ đảm bảo bố trí đủ nhu cầu đất ở của người dân và đảm bảo quỹ đất tái định cư phục vụ các công trình trọng điểm và để di dời các hộ dân ở một số vị trí sạt lở, nguy hiểm.

Theo Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 Định Hóa thuộc phân vùng không gian du lịch phía Tây Bắc. Phát triển sản phẩm du lịch về nguồn tận dụng lợi thế về tài nguyên với di tích quốc gia đặc biệt ATK Định Hoá, các di tích lịch sử, khai thác giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể; du lịch về nguồn với hoạt động giáo dục, tìm hiểu truyền thống cách mạng dành cho học sinh, sinh viên và du lịch sinh thái chè. Sản xuất nông lâm nghiệp theo hình thức kinh tế vườn đồi trang trại. Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản, khai thác vật liệu xây dựng. Là vùng sử dụng đất hạn chế, mật độ rất thấp. Do vậy, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất là không cao, quỹ đất sẽ đủ để đảm bảo chỗ ở cho người dân khi phải di dời.

### **3.4. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng.**

Thực hiện Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 6 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng trung tâm ATK Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2013 - 2020; Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2015 về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035; Quyết định số 419/QĐ-TTg

ngày 17 tháng 03 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn đến năm 2030 và cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Theo đó huyện Định Hóa định hướng phát triển đô thị: Thị trấn Chợ Chu là đô thị du lịch, đô thị Bình Yên là đô thị dịch vụ, thương mại.

Theo định hướng phát triển đô thị trong phương án quy hoạch tỉnh Thái Nguyên quá trình đô thị hóa tại huyện Định Hóa tập trung tại thị trấn Chợ Chu và đô thị Bình Yên, cụ thể:

Thị trấn Chợ Chu là trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của huyện Định Hóa; là cửa ngõ quan trọng của huyện giao lưu với thành phố Thái Nguyên và tỉnh Tuyên Quang do đó quá trình đô thị hóa tại thị trấn sẽ diễn ra nhanh hơn .

Đô thị Bình Yên là đô thị dịch vụ, thương mại sau năm 2025 quá trình đô thị hóa sẽ diễn ra.

Với quá trình đô thị hóa diễn ra tại thị trấn Chợ Chu và đô thị Bình Yên, phương án điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sẽ đảm bảo đủ quỹ đất cho quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng trên địa bàn huyện Định Hóa đến năm 2030 và xa hơn.

Như vậy, đô thị hóa dẫn đến tăng thu nhập, thay đổi cách sống, đem lại chất lượng cao về dịch vụ và cũng phù hợp với dân số ngày càng tăng lên, hạ tầng phát triển. Tuy nhiên, đô thị hóa cũng đưa lại một số hiệu quả tiêu cực về phát triển đô thị và môi trường nếu không có biện pháp quản lý và kiểm soát chặt chẽ.

### **3.5. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc.**

Thực hiện Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 24/06/2021 Phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK) Định Hóa gắn với phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030, trên địa bàn các xã Phú Đình, Diềm Mặc, Định Biên, Bảo Linh, thị trấn Chợ Chu.

Huyện Định Hóa là huyện trung tâm ATK, khu di tích lịch sử sinh thái

ATK Định Hóa đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định xếp hạng di tích Quốc gia đặc biệt. Khu di tích này bao gồm 14 điểm di tích thuộc Khu di tích Quốc gia đặc biệt, trên địa bàn huyện Định Hóa còn có nhiều di tích có giá trị được xếp hạng Quốc gia và cấp tỉnh, gắn liền với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc Việt Nam. Nơi đây không chỉ có giá trị về mặt văn hóa, lịch sử mà còn có ý nghĩa chính trị to lớn, do đó phương án điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất bố trí sử dụng theo hướng:

Quản lý bảo vệ, chăm sóc trực tiếp, khai thác, phát huy giá trị di tích Quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK) Định Hóa, quy hoạch, khoanh vùng, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất đối với các điểm di tích được giao quản lý khi thực hiện các dự án đầu tư bảo tồn, tôn tạo do Ban Quản lý di tích lịch sử - sinh thái ATK Định Hóa được giao làm chủ đầu tư, các di tích còn lại do UBND huyện Định Hóa làm chủ đầu tư.

Quản lý, bảo vệ và phát triển ba loại rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất) gắn với việc bảo vệ, phục hồi, tôn tạo cảnh quan thiên nhiên, bảo vệ quần thể di tích lịch sử; bảo vệ đa dạng sinh học, tăng cường chức năng phòng hộ môi trường; cung cấp lâm sản cho nhu cầu tiêu dùng và công nghiệp chế biến; tạo thêm việc làm, góp phần nâng cao mức sống của đồng bào các dân tộc vùng “Thủ đô kháng chiến”; tăng cường giáo dục môi trường và giác ngộ lý tưởng cách mạng cho các thế hệ. Việc đầu tư bảo vệ và phát triển rừng là một giải pháp quan trọng nhằm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc vùng ATK.

### **3.6. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.**

Quy hoạch sử dụng đất là một hệ thống các biện pháp kinh tế, kỹ thuật và pháp chế của nhà nước về tổ chức và sử dụng đất đầy đủ, hợp lý, khoa học và có hiệu quả cao nhất thông qua việc phân phối và tái phân phối quỹ đất, tổ chức sử dụng đất như một tư liệu sản xuất cùng với các tư liệu sản xuất khác gắn liền với đất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất xã hội, tạo điều kiện bảo vệ đất và bảo vệ môi trường.

Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã hạn chế bố trí quỹ đất cho các công trình sử dụng nhiều đất sản xuất nông nghiệp và đất rừng như: cụm công nghiệp, nhà máy, khu khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản... những công trình khai thác và sử dụng thiếu bền vững tài nguyên thiên nhiên, suy thoái môi trường. Những công trình sử dụng đất rừng phải có phương án trồng rừng thay thế.

Thực hiện Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng trung tâm ATK Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2013 - 2020, trong những năm qua việc giao đất, giao rừng đã ngăn chặn được tình trạng suy thoái rừng. Diện tích đất chưa sử dụng được khai thác đưa vào sử dụng một cách hợp lý, vừa đảm bảo yêu cầu cân bằng hệ sinh thái và bảo vệ môi trường, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; vừa đáp ứng khả năng mở rộng diện tích đất rừng, đất phi nông nghiệp theo yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Khôi phục và bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng, rừng khoanh nuôi tái sinh, rừng trồng kinh tế, nâng độ che phủ của rừng lên trên 60%.

Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất theo hướng bố trí khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn huyện; bảo tồn, phát triển diện tích 3 loại rừng và tiếp tục nâng tỷ lệ che phủ rừng. Bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học các hệ sinh thái trên cạn, nông nghiệp và các hệ sinh thái nước ngọt. Sử dụng bền vững nguồn tài nguyên đa dạng sinh học, quản lý hệ sinh thái rừng bền vững.

## PHẦN III: GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### I. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

#### \*. Biện pháp chống xói mòn, rửa trôi, hủy hoại đất

Áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện địa hình đất dốc là điều kiện bắt buộc trong sử dụng đất nông nghiệp. Hạn chế cây, xới bề mặt đất (nhất là trong mùa mưa), tránh khai thác trắng đối với rừng sản xuất, hạn chế xói mòn rửa trôi đất.

Bảo vệ nghiêm ngặt rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng (bảo vệ cảnh quan ATK Định Hóa). Khuyến khích trồng rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng, đẩy mạnh phong trào trồng cây nhân dân để nâng cao độ che phủ. Kết hợp nông - lâm trong sử dụng đất.

Sử dụng đất trong các hoạt động khai thác khoáng sản phải có phương án an toàn về môi trường, khi kết thúc các hoạt động khai thác phải có kế hoạch phục hồi hiện trạng bề mặt sử dụng đất ban đầu.

#### \*. Biện pháp sử dụng đất tiết kiệm và tăng giá trị của đất

Thực hiện có hiệu quả các biện pháp quản lý, bảo vệ, bảo tồn hệ sinh thái rừng đặc dụng, giành đầu tư cho hành lang xanh, giữ cảnh quan môi trường, đa dạng sinh học, xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường.

Cần nghiên cứu, ban hành các định mức sử dụng đất cho từng ngành. Cần tận dụng không gian trong quy hoạch xây dựng công nghiệp và đô thị. Phát triển các khu dân cư nông thôn theo hướng đô thị hóa tại chỗ.

Xây dựng và thực hiện đồng bộ các phương án quy hoạch phát triển các ngành có liên quan đến sử dụng đất: Quy hoạch phát triển các đô thị, khu dân cư nông thôn, quy hoạch phát triển các ngành giao thông, thủy lợi, ....

Phát triển nông nghiệp gắn với phát triển cơ sở hạ tầng như giao thông, điện, nước, thủy lợi, cơ sở chế biến, ...

Giao đất theo tiến độ, năng lực khai thác sử dụng thực tế đối với tất cả các trường hợp có nhu cầu sử dụng đất. Đất đã giao khi hết hạn sử dụng, sử dụng xong phải có kế hoạch thu hồi kịp thời.

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường bằng việc lồng ghép quy hoạch bảo vệ môi trường với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển đô thị, phát triển công nghiệp, phát triển mạng lưới giao thông...

## II. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

### 1. Giải pháp về chính sách

#### a) Về quy hoạch sử dụng đất:

Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Định Hóa sau khi được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt sẽ là cơ sở để các ngành, địa phương thực hiện; việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ huyện đến các xã, thị trấn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện.

#### b) Về quản lý sử dụng đất:

- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp lý để quản lý và bảo vệ các vùng trồng lúa, vùng phát triển rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng.

- Huyện Định Hóa khó thực hiện công tác dồn điền đổi thửa do các thửa đất sản xuất nông nghiệp không tập trung do vậy khuyến khích tích tụ, phát triển các vùng chuyên canh trong sản xuất nông nghiệp.

- Xây dựng và ban hành quy định để xác định rõ trách nhiệm cụ thể giữa các cấp, các ngành trong từng cơ quan, đơn vị, trách nhiệm tập thể và cá nhân trong việc quản lý đất đai nói chung và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được quyết định, xét duyệt.

#### c) Các chính sách đối với nông nghiệp

- Chính sách đối với đất trồng lúa:

+ Chính sách về đầu tư: Trung ương, tỉnh tiếp tục đầu tư kinh phí cho việc điều tra, đánh giá, phân hạng, kiểm kê, lập quy hoạch. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các công trình công trình thủy lợi, hồ chứa nước để phục vụ thủy lợi, thoát lũ, cung cấp nước sinh hoạt nhân dân... tăng mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho diện tích trồng lúa trên cơ sở diện tích đất lúa cần giữ; đồng thời phải có hướng dẫn cụ thể về cơ chế và định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên đối với việc hỗ trợ kinh phí để giữ đất lúa.

+ Chính sách hỗ trợ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất lúa: khuyến khích khai hoang mở rộng diện tích; hỗ trợ khâu sản xuất, thu hoạch, bảo quản lúa và khâu tiêu thụ lúa.

- Chính sách bảo vệ và phát triển rừng:

+ Ưu tiên giao đất, giao và khoán rừng phòng hộ cho các cộng đồng, hộ gia đình để quản lý bảo vệ và hưởng lợi lâu dài theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đòi mới cơ chế quản lý sử dụng đất gắn với tổ chức sản xuất, bảo vệ, phát triển rừng ở các công ty nông nghiệp, lâm nghiệp, ban quản lý rừng.

+ Tạo điều kiện cho chủ rừng thực hiện quyền sử dụng đất, sử dụng và sở hữu rừng theo quy định của pháp luật.

+ Tăng ngân sách đầu tư của Nhà nước cho quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Thực hiện các chính sách hưởng lợi từ rừng cho người dân và đồng thời rà soát, bổ sung các chính sách hỗ trợ khác như: Tạo công ăn việc làm, đào tạo nghề, nâng cao năng lực quản lý kinh tế hộ gia đình cho đồng bào dân tộc, tạo đầu ra cho các sản phẩm nông lâm kết hợp, chế biến và bảo quản nông sản... tiếp tục đổi mới hệ thống quản lý ngành lâm nghiệp để đáp ứng nhu cầu cho công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng.

#### ***đ) Chính sách đất đai đối với phát triển cụm công nghiệp, khu sản xuất kinh doanh, khu chăn nuôi tập trung***

Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các nhà đầu tư vào các cụm công nghiệp trên địa bàn huyện và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở sản xuất kinh doanh, các khu chăn nuôi tập trung trên địa bàn các xã đã quy hoạch. Tỉnh có chính sách ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã có vị trí thuận lợi nhằm từng bước thu hút phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh để hạn chế việc phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp lầy vào diện tích đất trồng lúa.

### **2. Nhóm giải pháp về sử dụng đất**

- *Đất trồng lúa*: Rà soát, xác định rõ chỉ tiêu khống chế về diện tích đất trồng lúa; giao cho Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm quản lý.

- *Đất lâm nghiệp*: rà soát, xác định rõ chỉ tiêu khống chế về diện tích đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng cần bảo vệ nghiêm ngặt; phân bổ, xác định ranh giới, cắm mốc; giao cho các Ban quản lý rừng và Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm quản lý. Trong trường hợp cần chuyển mục đích phải được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

- *Đối với đất đô thị*: rà soát điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đô thị theo hướng bố trí sử dụng đất hợp lý, bảo đảm đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với hạ tầng xã hội.

- *Đất cơ sở hạ tầng*: cần ưu tiên bố trí đất để đầu tư phát triển hạ tầng đi trước một bước nhằm tạo động lực thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất một cách đồng bộ. Phân định rõ trách nhiệm và quản lý tốt các loại đất xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, năng lượng, bưu chính viễn thông, các cơ sở y

tế, cơ sở giáo dục, cơ sở văn hóa, thể dục thể thao và đất hành lang an toàn các công trình theo quy định.

### **3. Nhóm giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật**

- Bố trí đủ điều kiện vật chất, từng bước ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong việc lập và giám sát, tổ chức thực hiện quy hoạch.

- Tăng cường công tác điều tra cơ bản về đất đai, tập trung vận hành cơ sở dữ liệu đất đai, nâng cao chất lượng công tác dự báo, nhằm nâng cao tính khả thi của phương án quy hoạch sử dụng đất.

- Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên đất, áp dụng công nghệ tiên tiến để cải thiện chất lượng điều tra quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào phát triển sản xuất công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, dịch vụ... nhằm sản xuất ra hàng hóa có số lượng nhiều và chất lượng tốt, giá thành rẻ đối với hàng hóa chủ lực, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong huyện và yêu cầu thị trường ngoài nước.

- Tập trung xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ, chú trọng phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ có trình độ cao ở các ngành mũi nhọn của huyện. Thực hiện xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ theo Luật Khoa học và Công nghệ.

- Tăng cường đổi mới cơ chế và hoàn thiện chính sách pháp luật trong lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường phù hợp với địa phương, tạo môi trường cho hoạt động khoa học và công nghệ, trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường đầu tư trong việc ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý đất đai và sử dụng đất như kỹ thuật công nghệ số trong thống kê, xây dựng bản đồ địa chính, những tiến bộ sử dụng đất dốc - bảo đảm môi trường sinh thái, tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng, trong sản xuất - nông - lâm nghiệp... để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

### **4. Nhóm giải pháp về quản lý, giám sát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

- củng cố hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về đất đai: quản lý đất đai là một vấn đề phức tạp liên quan đến lịch sử, kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học công nghệ. Để đáp ứng cho nhu cầu quản lý sử dụng đất đai trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế và ổn định chính trị xã hội, người sử dụng đất yên tâm đầu tư, cần thiết phải có hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về đất đai đủ mạnh về tổ chức bộ máy, năng lực chuyên môn và khoa học - công nghệ.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai. Tăng cường công tác giám sát của Hội đồng nhân dân và công tác thanh tra, kiểm tra của ngành, các địa phương trong công tác lập và thực hiện quy hoạch,

kế hoạch sử dụng đất. Thực hiện công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Có các chế tài xử lý các vi phạm trong việc quản lý và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật về đất đai, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền và nghĩa vụ sử dụng đất, thông qua đó tạo ra sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Phát huy vai trò của các cấp ủy đảng, tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong tham gia đóng góp và giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Sử dụng hiệu quả đất đai và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác: thông qua việc công khai, minh bạch quy hoạch sử dụng đất, quỹ đất; xây dựng hoặc hỗ trợ xây dựng cụm công nghiệp cùng với hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào và ngoài hàng rào; đảm bảo các quyền cơ bản theo luật định của các nhà đầu tư đối với đất đai.

- Để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, mặc dù quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được xác định, nhưng cần đến đâu thì triển khai thu hồi đất đến đó. Kiên quyết thu hồi các diện tích đất đã giao cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhưng chưa sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên phải gắn với xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật đất đai, pháp luật về môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng quy định; quản lý chặt chẽ quỹ đất trồng lúa, quỹ đất dự trữ cho phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn theo quy hoạch được duyệt,... Biểu dương các ngành, các cấp thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, đạt hiệu quả cao.

- Nâng cao chất lượng xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp, gắn quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và quy hoạch các ngành, các lĩnh vực.

- Cơ quan quản lý tài nguyên và môi trường của huyện tham mưu cho UBND huyện có biện pháp quản lý chặt chẽ tài nguyên đất đai theo Luật Đất đai hiện hành, hướng dẫn các ngành sử dụng đất có hiệu quả đi đôi với việc bảo vệ tài nguyên đất và môi trường.

- Khi có biến động lớn về nhu cầu sử dụng đất cần phải thực hiện Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **5. Nhóm giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực**

- Xây dựng và thực hiện đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất

đại ở các cấp, đặc biệt là ở cấp huyện, cán bộ địa chính xã, thị trấn để đáp ứng yêu cầu về đổi mới ngành.

- Chú trọng công tác đào tạo cán bộ chuyên môn có đủ năng lực lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đạt hiệu quả và chất lượng.

- Nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp.

- Xây dựng các chương trình đào tạo ngắn hạn trên cơ sở đào tạo theo chuyên đề, ưu tiên đào tạo cho cán bộ lập, thực hiện và giám sát quy hoạch sử dụng đất ở địa phương.

## **6. Nhóm giải pháp về ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên nước, môi trường, cải tạo và bảo vệ đất**

- Có chính sách thỏa đáng tiếp tục khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo, nâng cao độ phì của đất. Khuyến khích đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp nhằm sử dụng triệt để, tiết kiệm và hiệu quả quỹ đất tự nhiên trên địa bàn huyện.

- Đẩy mạnh việc khoanh nuôi, bảo vệ, trồng mới rừng, trồng lại rừng đã khai thác phủ xanh đất trống, nâng cao hệ số che phủ, phục hồi và phát triển rừng phòng hộ và trồng cây xanh phân tán trong các khu dân cư và khu vực đô thị, cụm công nghiệp,...

- Đầu tư các công trình xử lý chất thải ở các cụm công nghiệp, bệnh viện, khu đô thị,... đảm bảo chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường, các cụm công nghiệp chỉ được đưa vào hoạt động khi có khu xử lý nước thải hoàn chỉnh.

- Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản, hoàn trả quỹ đất sạch cho phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư, đảm bảo an toàn cho nhân dân.

- Nghiên cứu xây dựng quy chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị sản xuất hiện đại, cũng như trang thiết bị xử lý các tác động môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đầu tư xây dựng công trình xử lý rác thải sinh hoạt tại các đô thị, khu dân cư nông thôn.

- Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, coi ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### I. KẾT LUẬN

Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030 được xây dựng dựa trên phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, dựa trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và các xã, thị trấn; cân đối phân bổ phù hợp, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 của huyện trong giai đoạn mới.

- Kết quả của phương án thể hiện được chiến lược sử dụng đất của huyện trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng thời là công cụ quan trọng để các địa phương trong huyện thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo pháp luật.

- Kết quả của phương án đã xử lý, tổng hợp được hầu hết các nghiên cứu, đề án và phương hướng phát triển của các cấp, các ngành ở tỉnh, huyện và các xã, thị trấn... trên cơ sở cân đối hài hoà giữa nhu cầu và khả năng đáp ứng về đất đai, đảm bảo được tính thực tiễn và có tính khả thi.

- Để đảm bảo cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đất nông nghiệp tiếp tục có xu hướng giảm, nhưng với việc đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Với mục tiêu đến năm 2030 cơ cấu kinh tế cơ cấu kinh tế: Thương mại - dịch vụ chiếm 51,1%; công nghiệp xây dựng chiếm 31,0%; nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 17,9%. GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 80,5 triệu đồng, đến năm 2030 đạt 100,0 triệu đồng..

- Diện tích rừng hiện có tiếp tục được chăm sóc bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường. Việc rà soát điều chỉnh diện tích 03 loại rừng nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, bảo vệ môi trường và phù hợp với tình hình thực tế.

- Đất phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn được cân nhắc cho từng vùng, từng điểm, đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của từng khu vực và mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Phát triển khu vực đô thị, trung tâm cụm xã theo quy hoạch được duyệt sẽ thực sự trở thành điểm sáng, văn minh, hiện đại, không chỉ thu hút được sự đầu tư mà còn tạo ra ảnh hưởng lớn đến quá trình xây dựng nông thôn mới ở các khu vực khác, đáp ứng được mục tiêu của huyện.

- Đất dành cho phát triển tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ thương mại được tính theo phương án có tính khả thi cao nhất. Trong đó sẽ hình thành cụm

công nghiệp có quy mô tập trung, vị trí thuận lợi, bố trí đủ đất cho phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống, thu hút nhiều ngành có công nghệ cao. Hình thành 3 trung tâm dịch vụ du lịch, tại đây sẽ xây dựng đồng bộ cơ sở vật chất phục vụ du lịch như quảng trường, khu trung bày, giới thiệu, biểu diễn ngoài trời, trong nhà, khu lưu trú, nhà hàng ăn uống, khu vui chơi giải trí chất lượng cao, các trung tâm mua sắm đồ lưu niệm từ sản phẩm của địa phương, đảm bảo đáp ứng các tuyến du lịch.

- Đất quốc phòng, an ninh, cụm công nghiệp, đất đô thị được xác định bám sát nhu cầu sử dụng. Đất để phát triển hạ tầng được xem xét và tính toán cho các loại đất (giao thông, thủy lợi..) trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn và từng năm, đảm bảo tính hợp lý và tiết kiệm đất.

## **II. KIẾN NGHỊ**

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn mới; Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên xem xét, phê duyệt. Sau khi được phê duyệt, ủy ban nhân dân huyện Định Hóa sẽ công bố, công khai và tổ chức triển khai thực hiện./.

## **PHẦN BẢNG BIỂU**

**HỆ THỐNG BIỂU TRONG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT  
HUYỆN ĐỊNH HÓA THỜI KỲ 2021-2030**

<b>STT</b>	<b>Ký hiệu biểu</b>	<b>Tên biểu</b>
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Định Hóa - tỉnh Thái Nguyên
2	Biểu 02/CH	Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Định Hóa - tỉnh Thái Nguyên
3	Biểu 03/CH	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Định Hóa - tỉnh Thái Nguyên
4	Biểu 04/CH	Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã huyện Định Hóa - tỉnh Thái Nguyên
5	Biểu 05/CH	Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã của huyện Định Hóa
6	Biểu 06/CH	Diện tích, cơ cấu sử dụng đất các khu chức năng huyện Định Hóa - tỉnh Thái Nguyên
7	Biểu 07/CH	Chu chuyển đất đai trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất 10 năm (2021-2030) huyện Định Hóa - tỉnh Thái Nguyên
8	Biểu 08/CH	Danh mục các công trình, dự án đăng ký thực hiện trong kỳ thời kỳ 2021-2030 huyện Định Hóa - tỉnh Thái Nguyên

## HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 HUYỆN ĐỊNH HÓA - TỈNH THÁI NGUYÊN

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính																							
					Xã Bảo Cường	Xã Bảo Linh	Xã Bình Thành	Xã Bình Yên	Xã Bộc Nhiêu	Thị Trấn Chợ Chu	Xã Diêm Mặc	Xã Định Biên	Xã Đông Thịnh	Xã Kim Phượng	Xã Lam Vỹ	Xã Linh Thông	Xã Phú Đình	Xã Phú Tiến	Xã Phúc Chu	Xã Phương Tiến	Xã Quy Kỳ	Xã Sơn Phú	Xã Tân Dương	Xã Tân Thịnh	Xã Thanh Định	Xã Trung Hội	Xã Trung Lương	
(1)	(2)	(3)	(4) = (5)+...+(26)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>51.377,45</b>	<b>100,00</b>	<b>955,43</b>	<b>2.787,78</b>	<b>2.844,62</b>	<b>796,74</b>	<b>2.690,67</b>	<b>443,78</b>	<b>1.676,33</b>	<b>761,23</b>	<b>1.253,08</b>	<b>2.267,20</b>	<b>4.349,48</b>	<b>2.792,63</b>	<b>3.113,03</b>	<b>1.460,59</b>	<b>1.289,98</b>	<b>2.073,85</b>	<b>5.594,15</b>	<b>1.484,53</b>	<b>2.201,50</b>	<b>5.994,27</b>	<b>1.925,11</b>	<b>1.268,57</b>	<b>1.352,90</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>48.118,24</b>	<b>93,65</b>	<b>858,98</b>	<b>2.609,69</b>	<b>2.666,60</b>	<b>700,40</b>	<b>2.588,18</b>	<b>308,58</b>	<b>1.539,43</b>	<b>684,74</b>	<b>1.131,79</b>	<b>2.079,32</b>	<b>4.154,78</b>	<b>2.675,09</b>	<b>2.929,83</b>	<b>1.357,69</b>	<b>1.221,02</b>	<b>1.861,63</b>	<b>5.379,88</b>	<b>1.354,73</b>	<b>2.031,21</b>	<b>5.771,86</b>	<b>1.785,44</b>	<b>1.171,14</b>	<b>1.256,22</b>	
	<i>Trong đó:</i>		-	-																								
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.364,05	10,44	248,35	122,64	336,42	163,25	207,46	75,78	259,06	214,03	265,73	389,23	328,71	214,85	283,29	148,11	158,39	232,45	274,80	269,12	255,72	308,10	259,45	163,97	185,14	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>4.126,54</i>	<i>8,03</i>	<i>208,57</i>	<i>80,41</i>	<i>269,54</i>	<i>114,95</i>	<i>105,26</i>	<i>49,58</i>	<i>200,97</i>	<i>212,36</i>	<i>240,80</i>	<i>356,82</i>	<i>308,14</i>	<i>171,45</i>	<i>202,05</i>	<i>66,60</i>	<i>151,79</i>	<i>187,38</i>	<i>198,08</i>	<i>213,56</i>	<i>147,67</i>	<i>193,10</i>	<i>191,75</i>	<i>107,44</i>	<i>148,28</i>	
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	<i>LUK</i>	<i>1.237,51</i>	<i>2,41</i>	<i>39,78</i>	<i>42,23</i>	<i>66,89</i>	<i>48,30</i>	<i>102,19</i>	<i>26,20</i>	<i>58,09</i>	<i>1,67</i>	<i>24,93</i>	<i>32,41</i>	<i>20,57</i>	<i>43,41</i>	<i>81,24</i>	<i>81,51</i>	<i>6,59</i>	<i>45,06</i>	<i>76,72</i>	<i>55,56</i>	<i>108,06</i>	<i>115,01</i>	<i>67,70</i>	<i>56,53</i>	<i>36,86</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	957,99	1,86	28,24	13,61	83,95	18,93	29,93	32,28	22,06	13,81	38,43	51,57	85,64	73,77	37,20	35,37	24,76	57,04	82,48	22,67	57,89	55,70	17,92	44,20	30,53	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5.062,04	9,85	162,94	171,21	372,27	235,06	184,12	77,12	511,55	83,14	299,58	165,73	118,82	63,83	425,95	111,25	79,07	140,04	178,97	465,36	93,21	168,91	430,67	247,56	275,68	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	9.039,03	17,59		1.530,61								167,66	1.471,06	1.259,53			241,81	351,13	2.454,13		142,12	1.388,44			32,53	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	5.420,09	10,55	32,96	152,48	202,52			59,57	515,58	19,59		353,30	392,46	205,30	1.614,55			238,79	345,52		313,62	196,35	683,11	90,98	3,41	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	21.122,15	41,11	361,38	588,62	1.583,10	258,40	2.060,75	57,77	195,87	324,38	466,99	907,02	1.635,04	812,98	530,98	1.009,18	697,10	740,86	2.005,34	564,39	1.117,59	3.582,04	335,00	596,84	690,54	
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>5.409,88</i>	<i>10,53</i>	33,40	93,78	82,73	110,45			67,87	133,43	87,18	119,85	686,71	265,19	364,31	207,73	0,42	316,50	671,56		12,78	1.500,77	302,27	352,93		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.152,88	2,24	25,11	30,51	88,34	24,77	105,93	6,07	35,31	29,78	61,06	44,81	123,04	44,81	37,85	53,78	19,89	101,33	38,65	33,20	51,06	72,31	59,29	27,59	38,39	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,02												0,02													
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3.111,24</b>	<b>6,06</b>	<b>89,98</b>	<b>166,60</b>	<b>168,32</b>	<b>95,98</b>	<b>102,28</b>	<b>135,10</b>	<b>129,62</b>	<b>72,02</b>	<b>121,23</b>	<b>179,14</b>	<b>184,07</b>	<b>112,20</b>	<b>178,52</b>	<b>95,59</b>	<b>66,13</b>	<b>205,34</b>	<b>209,42</b>	<b>128,11</b>	<b>162,49</b>	<b>189,76</b>	<b>133,52</b>	<b>94,23</b>	<b>91,59</b>	
	<i>Trong đó:</i>																											
2.1	Đất quốc phòng	CQP	25,71	0,05	2,60						0,60								1,82			20,60				0,08		
2.2	Đất an ninh	CAN	0,55								0,55																	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-																								
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,07								1,07																	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	38,39	0,07	0,42		0,12	1,71			0,23				0,10		0,08	0,02	0,11	33,25	0,07	0,98	0,03			1,16	0,08	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	7,64	0,01														7,64										
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	3,89	0,01	1,97			0,63											0,08	1,21								
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.395,48	2,72	33,65	44,11	74,56	52,96	52,62	60,19	59,31	28,64	67,27	91,48	68,91	43,30	76,59	44,47	25,92	91,29	77,32	70,10	73,78	82,69	74,19	47,54	54,60	
	<i>Trong đó:</i>		-	-																								
2.9.1	Đất giao thông	DGT	1.017,59	1,98	23,31	35,13	57,38	33,21	40,92	34,05	47,09	18,22	53,85	78,04	56,02	25,86	60,92	37,17	16,54	50,94	62,64	51,99	58,12	71,08	35,08	35,66	34,39	
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	222,82	0,43	6,57	5,00	8,44	5,75	5,49	1,74	7,18	6,13	9,65	7,88	8,88	14,58	8,49	4,30	4,90	33,33	10,42	12,71	6,92	6,06	31,69	5,87	10,87	
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	24,39	0,05	0,50	0,32	0,63	0,83	0,76	8,79	0,56	0,40	0,78	0,91	0,60	0,58	0,95	0,88	0,17	1,28	0,50	0,63	1,00	0,68	0,82	1,29	0,53	
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DTY	5,09	0,01	0,11	0,08	0,20	0,17	0,09	2,29	0,14	0,11		0,20	0,13	0,16	0,14	0,08	0,10		0,13	0,15	0,09	0,16	0,21	0,15	0,21	
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	51,46	0,10	1,29	2,00	1,74	7,30	1,12	5,99	1,40	0,99	1,04	2,69	2,19	1,62	2,57	1,24	1,13	2,34	2,03	2,09	2,65	1,78	1,96	1,40	2,90	
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	20,38	0,04	1,26	0,32	0,98	0,74	1,30	1,17	0,56	0,60		1,63	0,31	0,50	2,12	0,55		1,17	0,36	0,65	1,01	2,14	0,68	1,33	1,00	
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	0,61			0,06					0,17			0,02	0,02	0,20	-	-	-		0,01	0,01	-	0,01	0,01		0,10	
2.9.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,52			0,01	0,02	0,05	0,02	0,14	0,01	0,02	0,01	0,02	0,01				0,01	0,02	0,01	0,01	0,01	0,01	0,02	0,04	0,02	0,01
2.9.9	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,16				0,05			0,11																		
2.9.10	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	44,82	0,09	0,61	0,84	3,78	4,41	2,51	4,90	1,74	2,17	1,56	0,11	0,14	0,01	0,76	0,03	3,07	2,21	0,65	1,52	3,93	0,47	3,44	1,37	4,58	
2.9.11	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-																								
2.9.12	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-																								
2.9.13	Đất chợ	DCH	7,63	0,01		0,41	1,29	0,50	0,39	0,84	0,64		0,36		0,42		0,63	0,21			0,58	0,34	0,06	0,26	0,28	0,44		
2.10	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-																								
2.11	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	16,10	0,03		0,15	1,97	0,05		3,74	1,00	1,09	0,16		0,16		7,60					0,06			0,12			
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,94	0,01				0,61			4,02									0,03					0,24			
2.13	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-																								
2.14	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-	-																								
2.15	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	7,82	0,02		0,59	0,28	0,64		0,02	1,49				0,30	0,32	1,25	0,25		1,12	0,42	0,52			0,63			
2.16	Đất ở tại nông thôn	ONT	892,96	1,74	33,03	14,97	53,37	33,43	35,40		47,04	25,22	39,08	54,05	52,18													

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020**  
**HUYỆN ĐỊNH HÓA - TỈNH THÁI NGUYÊN**

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)
	<b>DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>51.350,53</b>	<b>51.377,45</b>	<b>26,92</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>47.438,24</b>	<b>48.118,24</b>	<b>680,00</b>	<b>98,59</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.337,00	5.364,05	27,05	99,50
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>4.060,00</i>	<i>4.126,54</i>	<i>66,54</i>	<i>98,39</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	978,00	957,99	- 20,02	97,95
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5.230,00	5.062,04	- 167,96	103,32
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	9.634,00	9.039,03	- 594,97	93,82
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	8.758,00	5.420,09	- 3337,91	61,89
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	16.176,00	21.122,15	4946,15	76,58
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.249,57	1.152,88	- 96,69	108,39
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	75,68	0,02	- 75,66	0,02
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3.857,29</b>	<b>3.111,24</b>	<b>- 746,05</b>	<b>80,66</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	92,02	25,71	- 66,31	27,94
2.2	Đất an ninh	CAN	9,00	0,55	- 8,45	6,10
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	20,00		- 20,00	
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	48,02	1,07	- 46,95	2,22
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	49,00	38,39	- 10,61	78,34
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	14,00	7,64	- 6,36	54,56
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.534,59	1.350,49	- 184,10	88,00
	<i>Trong đó:</i>					
	<i>Đất cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>	<i>13,99</i>	<i>24,39</i>	<i>10,39</i>	<i>174,26</i>
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>5,19</i>	<i>5,09</i>	<i>- 0,10</i>	<i>98,08</i>
	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>58,05</i>	<i>51,46</i>	<i>- 6,59</i>	<i>88,65</i>
	<i>Đất cơ sở thể dục-thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>28,70</i>	<i>20,38</i>	<i>- 8,32</i>	<i>71,02</i>
	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>9,90</i>	<i>7,63</i>	<i>- 2,27</i>	<i>77,10</i>
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	13,00	16,10	3,10	123,81
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	20,00	4,94	- 15,06	24,69
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.135,00	892,96	- 242,04	78,67
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	61,00	44,39	- 16,60	72,78
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,61	14,10	- 4,51	75,75
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		0,98	0,98	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,24	0,16	- 0,08	65,73
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	59,79	44,82	- 14,97	74,97
2.20	Đất sản xuất vật liệu xd, làm đồ gốm	SKX	7,80	3,89	- 3,91	49,87
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	16,70	-	- 16,70	-
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		7,82	7,82	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,30	0,76	- 3,54	17,62
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	541,08	543,83	2,74	100,51
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	212,98	112,59	- 100,40	52,86
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,16	0,06	- 0,10	37,99
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>55,00</b>	<b>147,97</b>	<b>92,97</b>	<b>37,17</b>



**DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÂN BỐ ĐẾN TỪNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ  
HUYỆN ĐỊNH HOÁ - TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính																						
				Xã Bảo Cường	Xã Bảo Linh	Xã Bình Thành	Xã Bình Yên	Xã Bộc Nhiêu	Thị Trấn Chợ Chu	Xã Diềm Mặc	Xã Định Biên	Xã Đồng Thịnh	Xã Kim Phụng	Xã Lam Vỹ	Xã Linh Thông	Xã Phú Đình	Xã Phú Tiến	Xã Phúc Chu	Xã Phụng Tiến	Xã Quy Kỳ	Xã Sơn Phú	Xã Tân Dương	Xã Tân Thịnh	Xã Thanh Định	Xã Trung Hội	Xã Trung Lương
(1)	(2)	(3)	(4) = (5)+...+(27)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>1.046,99</b>	<b>31,04</b>	<b>26,84</b>	<b>23,00</b>	<b>23,00</b>	<b>13,86</b>	<b>64,71</b>	<b>41,53</b>	<b>34,48</b>	<b>22,10</b>	<b>41,64</b>	<b>278,10</b>	<b>19,56</b>	<b>164,45</b>	<b>29,04</b>	<b>42,42</b>	<b>16,87</b>	<b>29,81</b>	<b>21,89</b>	<b>43,21</b>	<b>14,79</b>	<b>13,43</b>	<b>25,93</b>	<b>25,31</b>
	<i>Trong đó:</i>																									
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	187,55	10,29	6,00	4,46	3,37	2,44	18,26	11,79	4,09	4,04	11,71	13,50	4,93	26,38	3,47	7,45	3,75	2,69	4,19	28,76	2,84	1,81	7,56	3,77
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>115,10</i>	<i>6,16</i>	<i>3,70</i>	<i>3,40</i>	<i>2,50</i>	<i>1,31</i>	<i>14,14</i>	<i>8,44</i>	<i>2,53</i>	<i>2,90</i>	<i>2,10</i>	<i>1,22</i>	<i>2,75</i>	<i>12,52</i>	<i>1,85</i>	<i>5,19</i>	<i>2,51</i>	<i>1,90</i>	<i>3,31</i>	<i>27,11</i>	<i>2,18</i>	<i>0,95</i>	<i>3,92</i>	<i>2,55</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	73,08	4,27	1,60	3,03	1,29	1,02	8,99	0,74	2,34	4,47	5,77	4,99	1,61	10,08	1,33	2,19	2,22	7,30	1,88	2,06	1,10	0,89	2,80	1,08
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	221,81	7,74	5,35	5,75	9,26	3,89	34,22	15,97	8,37	6,03	7,42	17,96	7,86	32,81	4,03	7,61	3,43	7,79	8,39	5,31	4,32	5,23	5,54	7,54
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	117,60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	115,30	-	-	-	-	-	2,30	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	53,32	-	14,52	-	-	-	-	1,73	1,78	-	-	30,45	-	4,84	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	366,94	8,15	7,52	9,41	8,91	5,69	0,39	11,13	17,50	7,25	16,44	78,33	4,77	88,88	16,15	24,75	7,31	9,56	7,01	6,92	6,29	5,33	6,51	12,75
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>		<i>-</i>																							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	26,68	0,60	0,76	0,34	0,17	0,27	1,60	0,17	0,40	0,32	0,30	17,57	0,41	1,45	0,17	0,43	0,17	0,17	0,42	0,17	0,24	0,17	0,30	0,17
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		<b>2.226,14</b>	<b>6,20</b>	<b>300,31</b>	<b>177,95</b>	<b>44,12</b>	<b>47,83</b>	<b>55,81</b>	<b>0,50</b>	<b>15,15</b>	<b>187,70</b>	<b>52,10</b>	<b>138,68</b>	<b>79,77</b>	<b>253,56</b>	<b>185,02</b>	<b>35,33</b>	<b>62,89</b>	<b>134,88</b>	<b>0,50</b>	<b>44,69</b>	<b>91,95</b>	<b>31,77</b>	<b>142,81</b>	<b>136,62</b>
	<i>Trong đó:</i>		<i>-</i>																							
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	9,56	0,20	0,50	0,50	0,80	0,50	-	0,50	1,20	0,20	0,20	0,20	0,20	0,30	0,26	0,30	0,30	0,40	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	-																							
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	4,12	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,12	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	2,78	-	-	2,78	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	2.209,68	6,00	299,81	174,67	43,32	47,33	55,81	-	13,95	187,50	47,78	138,48	79,57	253,26	184,76	35,03	62,59	134,48	-	44,19	91,45	31,27	142,31	136,12
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở</b>	<b>PKO/OCT</b>	<b>4,72</b>	<b>0,92</b>	<b>0,08</b>	<b>0,08</b>	<b>0,27</b>	<b>0,10</b>	<b>0,20</b>	<b>0,08</b>	<b>-</b>	<b>0,12</b>	<b>0,14</b>	<b>0,16</b>	<b>0,08</b>	<b>0,86</b>	<b>0,26</b>	<b>0,16</b>	<b>0,16</b>	<b>0,10</b>	<b>0,12</b>	<b>0,15</b>	<b>0,06</b>	<b>0,15</b>	<b>0,08</b>	<b>0,39</b>

*Ghi chú: (a): gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác  
PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở*

**DIỆN TÍCH CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÂN BỐ ĐẾN TỪNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ  
HUYỆN ĐỊNH HOÁ - TỈNH THÁI NGUYÊN**

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính																							
				Xã Bảo Cường	Xã Bảo Linh	Xã Bình Thành	Xã Bình Yên	Xã Bộc Nhiêu	Thị Trấn Chợ Chu	Xã Diềm Mặc	Xã Định Biên	Xã Đồng Thịnh	Xã Kim Phụng	Xã Lam Vỹ	Xã Linh Thông	Xã Phú Đình	Xã Phú Tiến	Xã Phúc Chu	Xã Phụng Tiến	Xã Quy Kỳ	Xã Sơn Phú	Xã Tân Dương	Xã Tân Thịnh	Xã Thanh Định	Xã Trung Hội	Xã Trung Lương	
(1)	(2)	(3)	(4) = (5)+...+(21)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>1,07</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	<i>Trong đó:</i>		-																								
1.1	Đất trồng lúa	LUA	-																								
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	-																								
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	-																								
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-																								
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-																								
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-																								
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-																								
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>																										
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	-																								
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	1,07																					1,07			
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>0,58</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,02	0,50	-	0,01	-	-	-	0,05	-	-	-	-	
	<i>Trong đó:</i>		-																								
2.1	Đất quốc phòng	CQP	-																								
2.2	Đất an ninh	CAN	-																								
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-																								
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,05																				0,05				
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	-																								
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	-																								
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-																								
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	-																								
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,53	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,02	0,50	-	0,01	-	-	-	-	-	-	-	-	
	<i>Trong đó:</i>		-																								
2.9.1	Đất giao thông	DGT	-																								
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	0,50																								
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,02																								
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	-																								
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,01																								
2.21	Đất phi nông nghiệp còn lại	PNK	-																								

**DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC KHU CHỨC NĂNG  
HUYỆN ĐỊNH HÓA - TỈNH THÁI NGUYÊN**

STT	Loại đất	Mã	Đất đô thị		Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)		Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)		Khu du lịch		Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)		Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)		Khu thương mại, dịch vụ		Khu dân cư nông thôn	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>243,88</b>	<b>100</b>	<b>11.639,63</b>	<b>100</b>	<b>33.364,12</b>	<b>100,00</b>	<b>137,90</b>	<b>100,0</b>							<b>1.495,99</b>	<b>100,0</b>
	<i>Trong đó:</i>		-															
1.1	Đất trồng lúa	LUA	57,52	23,59	5.090,22	43,73											173,08	11,57
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	35,44	14,53	4.021,80	34,55												
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	23,29	9,55		-											107,82	7,21
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	98,71	40,47	6.122,94	52,60			74,86	54,29							831,42	55,58
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-			9.957,66	29,85		-							2,11	0,14
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	59,57	24,43			5.505,46	16,50		-							62,48	4,18
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	0,32	0,13			17.901,00	53,65	63,04	45,71							294,80	19,71
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>																	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	4,48	1,84													24,28	0,90
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-														
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>199,81</b>	<b>100</b>			<b>-</b>	<b>-</b>	<b>59,10</b>	<b>100,0</b>	<b>50,00</b>	<b>100,0</b>	<b>146,35</b>	<b>100,0</b>	<b>56,62</b>	<b>100,0</b>	<b>883,68</b>	<b>100,0</b>
	<i>Trong đó:</i>																	
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,83	0,41														
2.2	Đất an ninh	CAN	0,85	0,43														
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-														
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-							36,00	72,00						
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	8,60	4,30					49,25	83,33							39,63	70,0
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,28	0,14														
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-														
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	10,38	5,19														
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	75,51	37,79	-	-	-	-	9,85	16,67	14,00	28,00	50,78	34,70	16,99	30,0	59,74	6,76
	<i>Trong đó:</i>		-	-														
2.9.1	Đất giao thông	DGT	44,11	22,07					9,85	16,67	14,00	28,00	43,90	30,00	16,99	30,0	27,21	3,08
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	1,66	0,83														
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	7,01	3,51													2,99	0,34
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,16	1,58														
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	5,79	2,90									3,22	2,20			29,54	3,34
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	1,17	0,58									3,66	2,50				

STT	Loại đất	Mã	Đất đô thị		Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)		Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)		Khu du lịch		Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)		Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)		Khu thương mại, dịch vụ		Khu dân cư nông thôn	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	0,49	0,25														
2.9.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,00	0,50														
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,42	0,21														
2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	9,40	4,71														
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-														
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-														
2.9.16	Đất chợ	DCH	1,29	0,64														
2.10	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-														
2.11	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	14,14	7,08														
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,57	2,29														
2.13	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-														
2.14	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-	-														
2.15	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	5,74	2,87									15,08	10,31				
2.16	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-													781,11	88,39
2.17	Đất ở tại đô thị	ODT	58,54	29,30									80,49	55,00				
2.18	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	4,35	2,18													4,31	0,49
2.19	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,80	0,40														
2.20	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-														
2.21	Đất tín ngưỡng	TIN	-	-														
2.22	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	14,50	7,26													38,51	4,36
2.23	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,74	0,37														
2.24	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-														
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	CSD	<b>0,09</b>															

